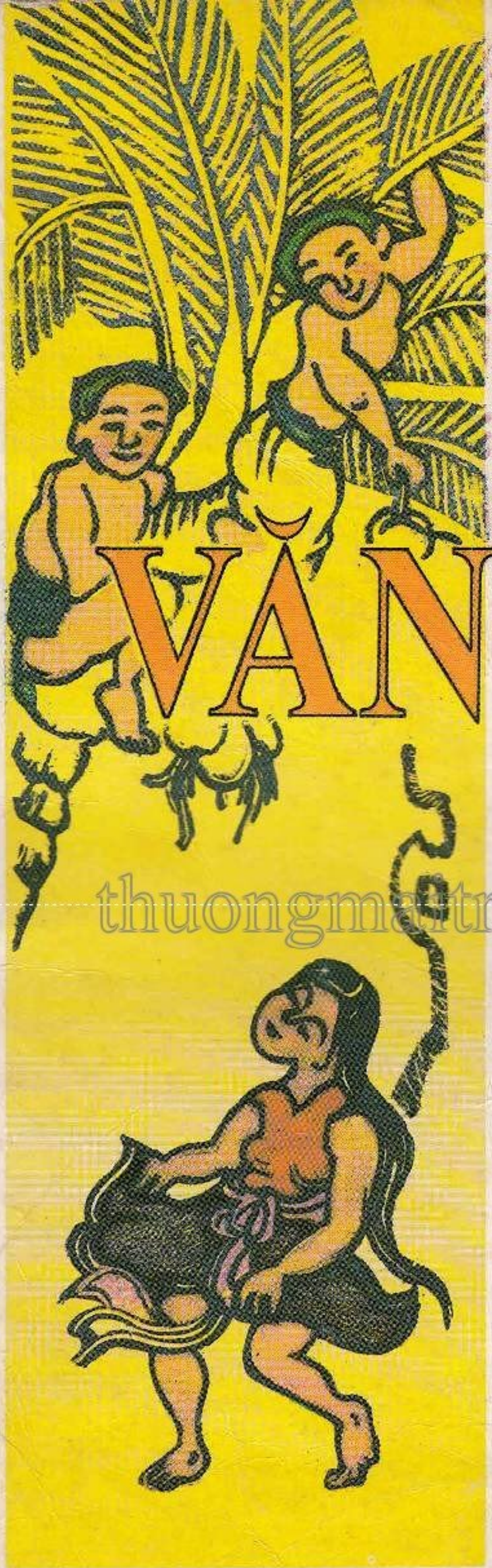


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



VĂN

HỌC

thuongmaotr

7

TẬP HAI



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên soạn :

VŨ NGỌC KHÁNH – TỐNG TRẦN NGỌC – NGUYỄN NGỌC HÓA

Chỉnh lý :

ĐỖ BÌNH TRỊ (chủ biên) - NGUYỄN VĂN LONG – PHÙNG VĂN TỬU

VĂN HỌC

thuongmaitruongxua.vn **7**

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ 12)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGÔ TRẦN ÁI

VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập :

KIM ANH

Trình bày bìa

TRẦN TIỂU LÂM

Minh họa sách :

- TRANH DÂN GIAN
- TRANH CỦA TÔ NGỌC VÂN, NGUYỄN TƯ NGHIÊM,
HOÀNG TÍCH CHỦ, ĐÌNH LỤC, TRIỆU KHẮC LỄ.

Biên tập mỹ thuật :

TRẦN TIỂU LÂM

Sắp chữ :

PHÒNG CHẾ BẢN - (NXB GIÁO DỤC)

8(075)

GD - 00

831/102 - 99

Mã số : 2H727T0

PHẦN MỘT

VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

CA DAO - DÂN CA

TIỂU DẪN

Ca dao là những câu hát dân gian biểu hiện những cảm nghĩ của người dân thường, người làm ruộng, người làm thợ,... trong xã hội, của người mẹ, người vợ, người con, ... trong gia đình, về thân phận cuộc đời họ và về những đối tượng thân thuộc, yêu thương của họ.

Trong sinh hoạt ca hát của nhân dân, ca dao được hát theo những điệu hát, lối hát của các địa phương, các nghề nghiệp. Người ta gọi đó là *dân ca*. Dân ca Việt Nam rất phong phú, đa dạng. Ở miền Bắc có *Quan họ Bắc Ninh*, *Hát Xoan Phú Thọ*, *Hát Ghẹo Thanh Hóa*, *Hát Phường Vải* và *Hát Giặm Nghệ Tĩnh*, v.v... ; ở Nam Bộ có *Hát đối* và nhiều điệu *Lí* ; khắp Bắc, Trung, Nam, nhất là miền Trung và miền Nam đều có những điệu *Hò*, đặc biệt là những điệu *Hò Sông nước*, *Hò Khoan*; các dân tộc anh em đều có những điệu hát, lối hát dân ca đặc sắc của mình, v.v...

Tách ra khỏi điệu hát thì ca dao cũng là *thơ* - một lối thơ được chính các nhà thơ lớn coi là mẫu mực về tính chân thực, hồn nhiên, cô đúc, về sức gợi cảm và về khả năng lưu truyền.

Bài 1

NHỮNG BÀI CA DAO ÂN TÌNH, NGHĨA TÌNH

I- TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

1. Ôn cha nặng lắm ai ơi,
 Nghĩa mẹ⁽¹⁾ bằng trời, chín tháng cưu mang⁽²⁾.



Đi lễ chùa - Tranh của Tô Ngọc Vân

2. Công cha như núi Thái Sơn⁽³⁾,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ, kính cha⁽⁴⁾
Cho tròn chữ hiếu⁽⁵⁾ mới là đạo con⁽⁶⁾.

3. Ngày nào em bé còn con,
Bây giờ em đã lớn khôn thế này.
Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy ;
Nghĩ sao cho bổ⁽⁷⁾ những ngày ước ao.
4. Con người có cội⁽⁸⁾, có ông,
Như cây có cội, như sông có nguồn⁽⁹⁾.
5. Anh em nào phải người xa,
Cùng chung bác mẹ⁽¹⁰⁾, một nhà cùng thân⁽¹¹⁾.
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hòa thuận⁽¹²⁾ hai thân⁽¹³⁾ vui vầy.
6. Anh em như chân như tay,
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

Chú giải

- (1) Nghĩa : xem chú giải ở Bài đọc thêm về Tục ngữ về con người và gia đình, xã hội (Văn học 7, Tập một). Ở đây nghĩa mẹ được hiểu cùng nghĩa với ơn cha nói về công ơn sinh thành, nuôi nấng, dạy dỗ của mẹ cha.
- (2) Cưu mang : thai nghén, mang thai ; đảm đương một việc gì, trông nom giúp đỡ ai. Ở đây dùng theo nghĩa đầu (nghĩa cổ).
- (3) Thái Sơn : một trong 5 quả núi cao tiêu biểu của Trung Quốc.
- (4) Thờ mẹ, kính cha (hoặc thờ cha, kính mẹ) : kính yêu, phụng dưỡng cha mẹ (chăm nuôi người bề trên).
- (5) Hiếu : lòng thờ mẹ kính cha của con cái.
- (6) Đạo con : bốn phận của con cái (đạo nguyên nghĩa là đường đi, từ đó có nghĩa là lẽ phải tự nhiên) ;
- (7) Bổ : xứng với, đáng với.
- (8) Cội : gốc ; nguồn : ngọn suối.
- (9) Cội : gốc ; nguồn : ngọn suối.
- (10) Bác mẹ : cha mẹ.
- (11) Thân : bà con họ gần; cũng được dùng với nghĩa là cha mẹ (thường nói : hai thân, song thân). Ở đây, thân được dùng với nghĩa là anh em ruột thịt (về trước đã nói : cùng chung bác mẹ).
- (12) Hòa thuận (hoặc thuận hòa) : êm ấm, hợp ý nhau, không xung đột.
- (13) Xem chú giải (11).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm hiểu ý nghĩa từng bài. Chú ý : một số bài ca dao, nhất là những bài có nội dung khuyên nhủ, khá gần với tục ngữ. Nhưng ca dao thiên về tình cảm, tục ngữ thiên về lí trí. Vì vậy, khi phân tích, cần chú trọng làm rõ ý vị tình cảm cụ thể qua các chi tiết, hình ảnh cụ thể.

2. Em hãy hình dung : Lời của từng bài ca dao là lời của ai, nói với ai (đây là nói bằng lời ca tiếng hát) ? Tình cảm biết ơn, yêu kính ông bà cha mẹ trong những bài ca dao trên được biểu hiện như thế nào ? Tình cảm anh em thân thương được biểu hiện như thế nào ? Hãy chỉ ra những hình ảnh, chi tiết nghệ thuật, biện pháp tu từ (như so sánh, v.v...) chứng minh, minh họa cho nhận xét của em.

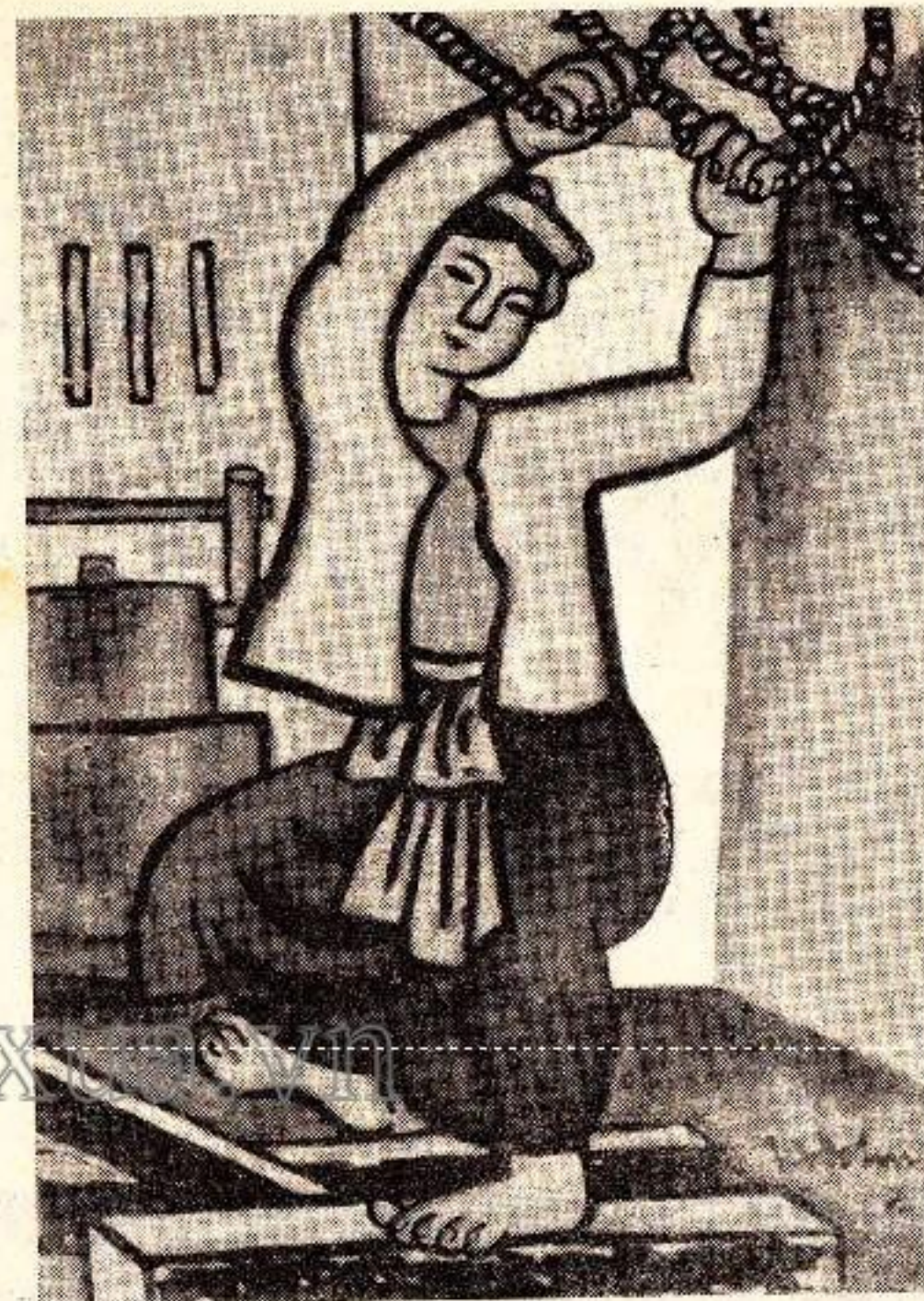
3. Tìm đọc một số bài ca khác, có nội dung diễn tả những tình cảm tương tự. Ghi chép lại và so sánh với những bài ca dao trên, rút ra một vài nhận xét.

TÌNH CẢM GIA ĐÌNH (tiếp)

7. Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều⁽¹⁾.
8. Cây khô chưa dễ mọc chồi,
Bác mẹ chưa dễ ở đời với ta ;
Non xanh bao tuổi mà già,
Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu⁽²⁾.
9. Ngó lên nuộc lạt mái nhà⁽³⁾,
Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.
10. Rủ nhau lên núi đốt than,
Chống mang đòn gánh, vợ mang quang gánh.
Củ than nhem nhức với tình,
Ghi lời vàng đá⁽⁴⁾ xin mình chớ quên.
11. Một thuyền, một bến, một dây,
Ngọt bùi ta hưởng, đắng cay ta chịu cùng⁽⁵⁾.
12. Chống em áo rách em thương.
Chống người áo gấm xông hương⁽⁶⁾ mặc người.

Chú giải

(1) *Chiều* (chiu) : bẽ (đồng âm với *chiều* là buổi chiều) ; *chín chiều* : chín bẽ. Ở đây, có thể hiểu là mọi bẽ. Cũng có câu : *Vẳng nghe chim vịt kêu chiều*, Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiu ruột đau.



Giã gạo - Tranh sơn mài của Hoàng Tích Chù

(2) *Sương tuyết* : hơi sương đóng trắng. Nghĩa bóng, cũng như sương gió, chỉ sự xông pha vất vả (thành ngữ : Ăn (hoặc gối) tuyết nằm sương). *Non xanh* : ở đây chỉ cha mẹ (ẩn dụ). Trông ngọn núi có tuyết phủ, tựa như núi bạc đầu, liên tưởng đến cha mẹ và so sánh : cha mẹ vất vả vì con mà già yếu.

(3) *Nuộc lạt* : sợi lạt cột chỗ giáp mối. Nhà lợp tranh, lợp rạ có rất nhiều nuộc lạt. (Tục ngữ : " Đàn bà không biết nuôi heo, đàn bà nhác ; Đàn ông không biết cột nuộc lạt, đàn ông hư ").

(4) *Vàng đá* (hoặc *đá vàng*) : chỉ sự bền vững, không thay đổi ; *lời vàng đá* : lời nguyện thủy chung, son sắt.

(5) *Một thuyền, một bến, một dây* : hình ảnh bóng gió về sự một vợ, một chồng.

(6) *Áo gấm* : áo may bằng hàng lụa dệt, có hoa (xưa được coi là thú hàng may mặc sang quý bậc nhất) ; *xông hương* : hun khói hương thơm ; *áo gấm xông hương* : chỉ người giàu sang.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em hình dung bài 7 là lời của ai, nghĩ về ai và nghĩ về điều gì ?
 2. Hãy phát triển cách hiểu về câu *Non xanh bao tuổi mà già, Bời vì sương tuyết hóa ra bạc đầu* nêu ở chú giải (2).
 3. Em hãy nói cách hiểu, sự cảm nhận của em về hình ảnh *Củ than nhem nhuốc với tình* ; về cặp từ *ngọt bùi - đắng cay*.
 4. Em hình dung lời của bài 12 là lời của ai ? Nói trong hoàn cảnh nào ? So sánh *áo rách* với *áo gấm xông hương* là so sánh về điều gì ?
- Em hãy điểm lại những hình ảnh so sánh (kể cả so sánh kín - ẩn dụ) trong 12 bài ca dao về *Tình cảm gia đình* và bình vài lời về mấy hình ảnh mà em cảm thấy là hay.

II- TÌNH BẠN - TÌNH NGƯỜI - TÌNH CẢM GẮN BÓ VỚI CÔNG VIỆC LÀM ĂN VÀ NHỮNG VẬT THÂN THUỘC

1. Ra đi vừa gặp bạn hiền,
Cũng bằng ăn quả đào tiên trên trời⁽¹⁾.



Dinh Tiên Hoàng - Tranh dân gian

2. Sớm mai em ngồi bên bức vách,
Em rửa cái trách⁽²⁾,
Em nghe con chim khách⁽³⁾,
Nó kêu chí cha chí chách trên bụi tre già,
Khách ơi ! Có phải khách báo tin người bạn đường xa ?
Để ta trải chiếu quét nhà cho nó tỉnh tươm⁽⁴⁾.
3. Dấu mừng⁽⁵⁾ ta là cuối mừng bạn,
Thuyền bè đứt trôi xuôi, người dưới buộc lại
Voi ngựa sống chạy ngược, người trên buộc lại
Lợn chó ăn chung, gà vịt ăn cùng.

(Dân ca Thái)

4. Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
5. Nhiều điều⁽⁶⁾ phủ lấy giá gương⁽⁷⁾,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Chú giải

(1) *Đào tiên* : đào của bà tiên Tây Vương Mẫu, ba ngàn năm mới nở hoa, thêm ba ngàn năm nữa mới kết trái, được ăn thì thành tiên (theo *Thần tiên truyện* của Trung Quốc).

(2) *Trách* : đồ nặn bằng đất (đem nung) rộng miệng, nông lòng, dùng để kho, nấu. Thú nhỏ gọi là *trách*, thú lớn gọi là *trã*.

(3) *Chim khách* : thú chim lông đen, đuôi dài, nhỏ con, người ta lấy tiếng nó kêu mà gọi tên và coi nó là chim báo tin có khách (có nơi gọi là chim trên trệt, chim quết,...).

(4) *Tỉnh tươm* : tỉnh sạch, tươm tất ; sạch sẽ, ngay ngắn, đâu ra đấy.

(5) *Mừng* : làng xã của một số dân tộc vùng Tây Bắc nước ta.

(6) *Nhiều* : hàng dẹt bằng tờ xe, đun mặt (người ta gọi là mặt nổi cát) ; *nhiều điều* : nhiều nhuộm đỏ. *Giá* : đồ đóng bằng cây, bằng gỗ dùng để đỡ một vật gì (giá sách, giá áo,...) ; *giá gương* : ở đây chỉ cả giá và gương (gương soi). Giá gương phủ nhiều điều được đặt ở bàn thờ tổ tiên.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nổi mừng được gặp bạn hiền được diễn tả như thế nào ở bài 1 ?
2. Sự trông đợi, niềm vui khi nghe chim khách báo tin có "bạn đường xa" sắp tới đã được diễn tả như thế nào ở bài 2 ?

3. Bài 3 chỉ nêu mấy chi tiết đơn giản, bình thường (mỗi câu nêu 1 chi tiết) nhưng lại nói được một điều sâu sắc về tình cảm làng trên xóm dưới. Em hãy chỉ ra điều đó và chứng minh.

4. Bài 4 dùng toàn ẩn dụ. Em hãy giải thích nghĩa của từng ẩn dụ và ý nghĩa chung của cả bài.

5. Em hãy phân tích bài 5. Câu *Nhiều điều phù lấy giá gương* có quan hệ như thế nào với câu dưới (*Người trong một nước phải thương nhau cùng*) ? Có thể xếp các bài 3, 4, 5 vào một nhóm không ? Em có thể tự mình mở rộng thêm nhóm bài này không ?

TÌNH BẠN - TÌNH NGƯỜI - TÌNH CẢM GẮN BÓ VỚI CÔNG VIỆC LÀM ĂN VÀ NHỮNG VẬT THÂN THUỘC (tiếp)

6. Ôn trời mưa nắng phải thì⁽¹⁾
Nơi thì bừa cày, nơi thì cày sâu.
Công lênh⁽²⁾ chẳng quản⁽³⁾ bao lâu
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.
Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tắc đất, tắc vàng bấy nhiêu.

7. Rủ nhau đi cày đi cày
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu⁽⁴⁾
Trên đồng cày, dưới đồng sâu,
Chống cày, vợ cày, con trâu đi bừa.

8. Cây đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Đẻo thơm một hột, đáng cày muôn phần.

9. Trời mưa
Quả dưa vẹo vọ⁽⁵⁾
Con ốc nằm co
Con tôm đánh đáo⁽⁶⁾
Con cò kiếm ăn.

10. Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

Cấy cày vốn nghiệp nông gia⁽⁷⁾,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công⁽⁸⁾.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.



Hứng dưa - Tranh dân gian

Chú giải

(1) *Thì* : xem chú giải (4), bài Đọc thêm : *Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất* (Văn học 7, Tập một). *Mưa nắng phải thì* : mưa thuận gió hòa ; thời tiết phù hợp với thời vụ cây trồng (thường nói về cây lúa).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

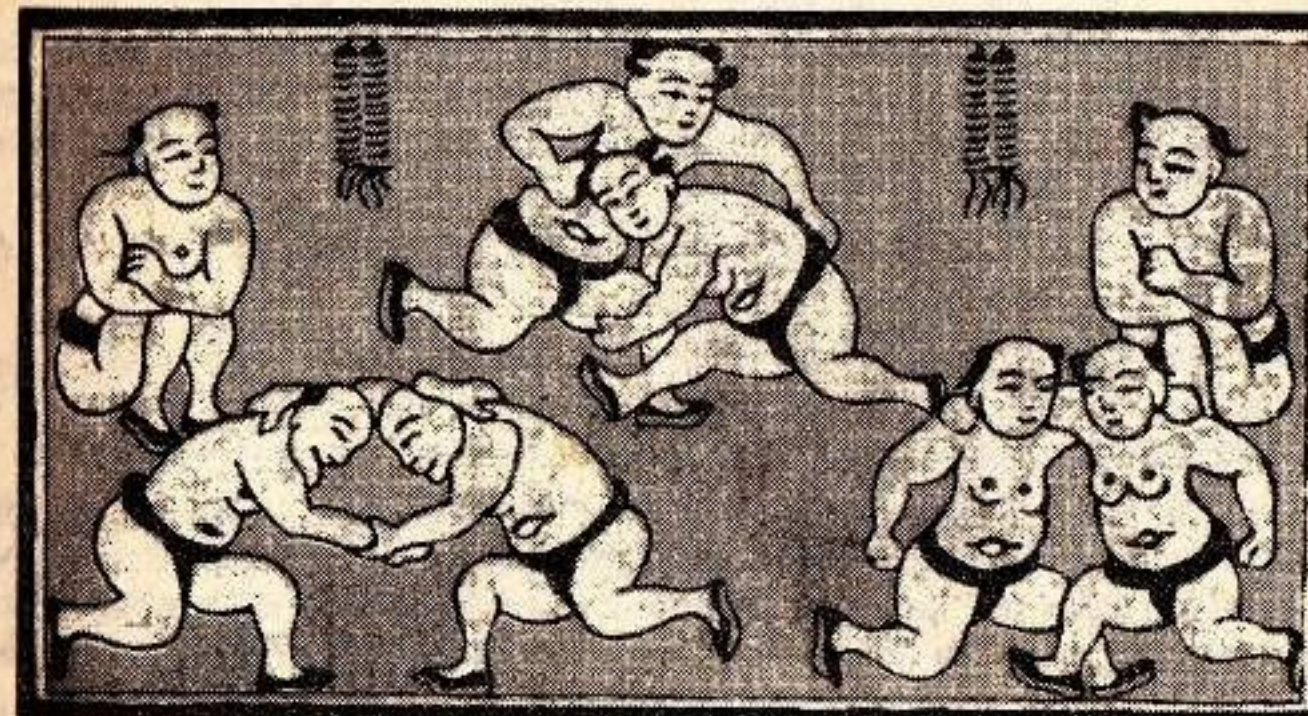
1. Bài 1 là lời của một người ra đi, xa nhà, xa quê. Người ấy có những nỗi nhớ gì? Những nỗi nhớ ấy đã được diễn tả như thế nào? Nỗi nhớ "canh rau muống", "cà dầm tương" và nỗi nhớ người "dãi nắng dầm sương"... nói lên điều gì về người ra đi ấy?

2. Bài 2 là lời của ai? Người ấy thấy gì, nghĩ gì và muốn biểu hiện nỗi niềm gì? Em hãy bình đôi lời về hình ảnh so sánh ở hai câu cuối.

3. Bài 3 tả làng (cái làng của những người đặt ra và lưu truyền bài ca dao này) và kể về người làng và những công việc làm ăn quanh năm suốt tháng của họ. Em hãy tóm tắt đôi nét về những gì đã được tả và kể. Nhưng chiều sâu của bài ca dao là ở *tình làng*: tất cả những gì được kể, được tả đều thấm đượm tâm tình yêu thương gắn bó với làng quê. Em hãy chứng minh điều này.

TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC (tiếp)

4. Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ⁽¹⁾ canh gà Thọ Xương⁽²⁾
Mịt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái⁽³⁾ mặt gương Tây Hồ⁽⁴⁾.
5. Ở đâu năm cửa nàng ơi?
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng?
Sông nào bên đục, bên trong?
Núi nào thất cổ bông⁽⁵⁾ mà có thánh sinh?
Đền nào thiêng nhất xứ Thanh?
Ở đâu mà lại có thành tiên xây?
-
- Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi,
Sông Lục Đầu⁽⁶⁾ sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
Nước sông Thương⁽⁷⁾ bên đục bên trong,
Núi đức Thánh Tản⁽⁸⁾ thất cổ bông lại có thánh sinh.
Đền Sòng⁽⁹⁾ thiêng nhất xứ Thanh,
Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây⁽¹⁰⁾.
-



Dánh vật - Tranh dân gian

6. Ở đâu sáu tỉnh anh ơi,
Sông nào chín ngọn cùng khơi một nguồn?
Sông nào có nước trong luôn,
Núi nào danh tiếng cả muôn dặm ngoài?
-
- Nam Kỳ sáu tỉnh⁽¹¹⁾ em ơi,
Cửu Long⁽¹²⁾ chín ngọn cùng khơi một nguồn
Sông Hương⁽¹³⁾ nước chảy trong luôn,
Núi Ngự⁽¹⁴⁾ danh tiếng cả muôn dặm ngoài.

(Hát đố)⁽¹⁵⁾

7. Thùng thùng trống đánh quân sang,
Chợ Giã trước mặt, quán Nam bên đàng
Qua Chiềng thì rẽ sang Giàng,
Qua quán Đông Thổ vào làng Đình Hương.
Anh đi theo chúa Tây Sơn,
Em về cày cuốc mà thương mẹ già⁽¹⁶⁾.

Chú giải

(1) Trấn Vũ: (còn gọi là đền Quán Thánh, quán Trấn Vũ). Đền thờ vị thần trấn hướng bắc trên trời; ở phía bắc thành Thăng Long, bên Hồ Tây.

(2) *Thọ Xương* : huyện Thọ Xương, thuộc phủ Phụng Thiên của kinh thành Thăng Long xưa : huyện lỵ ở gần Hồ Tả Vọng (nay là Hồ Gươm).

(3) *Yên Thái* : thường gọi là làng Bưởi (Bưởi là tên chung của cả một cụm làng) có nghề làm giấy dó cổ truyền. *Nhịp chày Yên Thái* là nhịp chày giã vò cây dó thành bột để seo giấy.

(4) *Tây Hồ* : tức Hồ Tây ở phía tây bắc thành Hà Nội, rộng trên 500 ha. *Mặt gương Tây Hồ* : mặt nước hồ phẳng, sáng như tấm gương.

(5) *Thất cổ bông* : *cổ bông* : nói về đồ dùng hay vật gì như cái bông (cái bông là một nhạc cụ, hai đầu bịt như mặt trống, chính giữa thất eo). Ví dụ : mồm cổ bông, thường dùng xếp ngũ quả trên bàn thờ.

(6) *Sông Lục Đầu* : sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Kinh Môn, sông Thái Bình... gặp nhau tạo thành "sông Lục Đầu sáu khúc", chảy bên thị trấn Phả Lại (thuộc Chí Linh, Hải Dương). Tên sông Lục Đầu gợi nghĩ đến chiến thắng Vạn Kiếp lẫy lừng của Trần Hưng Đạo chống quân Nguyên dưới đời Trần.

(7) *Sông Thương* : con sông chảy qua thị xã Bắc Giang, nơi đây đặc điểm "nước chảy đôi dòng" (bên đục, bên trong) của nó nổi rõ hơn cả.

(8) *Núi Đúc Thánh Tản* : tức núi Tản Viên (Ba Vì). Theo truyện *Sơn Tinh - Thủy Tinh*, Sơn Tinh (tức thần Tản Viên, sau được tôn xưng là Đúc Thánh Tản) hóa phép khiến núi thất cổ bông để ngăn không cho Thủy Tinh dâng nước lên.

(9) *Đền Sòng* : đền thờ Bà Chúa Liễu Hạnh ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Hội lễ đền Sòng, mở vào tháng ba âm lịch, là một trong những hội lễ lớn ở xứ Bắc xưa.

(10) Tương truyền, ở Lạng Sơn có thành tiên xây trên núi thành Lạng.

(11) *Nam Kỳ sáu tỉnh* (lục tỉnh) : sáu tỉnh Nam Kỳ từ Biên Hòa đến Hà Tiên, gồm : Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

(12) *Cửu Long* : tức sông Cửu Long (chín con rồng) gồm nhiều nhánh mà những nhánh chính là sông Tiền, sông Hậu, ... tạo nên đồng bằng sông Cửu Long, trước khi đổ ra biển ; *một nguồn* : cùng một con sông (sông Mê Công) trước khi phân thành 9 nhánh.

(13), (14), *Sông Hương núi Ngự* (núi Ngự Bình) : sông và núi tiêu biểu cho cố đô Huế.

(15) *Hát đố* : một chặng của hát đối đáp nam nữ. Ở chặng này, hai bên nam nữ đố hỏi nhau để thử tài trước khi bước vào chặng hát xe kết.

(16) Các địa danh trong bài này đều thuộc Thanh Hóa, theo hướng từ bắc vào tỉnh lỵ Thanh Hóa ; do đó có ý kiến cho đây là lời ca của người lính tỉnh Thanh theo quân Tây Sơn trên đường rút quân chiến lược chuẩn bị cho cuộc phản công thần tốc đánh đuổi 20 vạn quân Thanh khỏi bờ cõi nước ta xuân Kỷ Dậu (1789).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài 4 gợi tả mấy nét về cảnh Hồ Tây. Em hãy đọc kĩ lại bài ca dao một lần nữa và trả lời mấy câu hỏi sau đây :

- Những nét gợi tả ấy nếu hợp lại thành một bức tranh thì em cảm nhận bức tranh này thế nào ? (Hãy chú ý hai loại chi tiết : a) cảnh trúc, ngàn sương, mặt nước ; b) tiếng chuông, canh gà, nhịp chày).

- Em có thể hình dung ra thời điểm bức tranh cảnh hồ được vẽ bằng lời không ? Đó là lúc nào ? (Hãy chú ý các chi tiết : tiếng chuông, canh gà và mặt gương hồ nước).

- Theo em, người ngắm cảnh hồ và gợi tả cảnh hồ như thế gửi gắm vào đây những cảm xúc gì ?

2. Về hai bài *Hát đố* (bài 5 và bài 6), em nên đọc cả rồi đi sâu vào một bài. Ở đây, người đố và người trả lời đều chú ý tới : 1) tên núi, tên sông, tên một vùng đất quen thuộc của quê hương, đất nước ; 2) nét đặc sắc về mặt hình thể, cảnh trí, lịch sử, v.v... của núi ấy, sông ấy, đất ấy. Em thấy điều đó có ý nghĩa gì ?

3. Bài 7 là lời của một chàng trai tình nguyện theo chúa Tây Sơn chia tay với vợ. Em hãy phân tích không khí cuộc chuyển quân được miêu tả ở 4 dòng đầu (chú ý chi tiết về tiếng trống giục giã quân đi và về cách kể các tên đất, tên làng liên tiếp) và phân tích nét tâm tình của người ra đi với người vợ trở về đảm đương việc nhà.

NHỮNG BÀI CA DAO THAN THÂN VÀ NHỮNG BÀI CA DAO CƯỜI CỘT

I- THÂN PHẬN NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO KHỔ TRONG XÃ HỘI CŨ

1. Khổ như tui⁽¹⁾ đây mới ra thậm khổ⁽²⁾
Lên non đốn củi đụng chỗ đốn rồi,
Xuống sông gánh nước gặp chỗ cát bồi khe khô !
2. Cơm cha cơm mẹ đã từng,
Con đi làm mướn kiếm lương cơm người.
Cơm người khổ lắm mẹ ơi !
Chả như cơm mẹ vừa ngồi vừa ăn.
3. Thân ai khổ như thân con rùa
Xuống sông đội đá, lên chùa đội bia⁽³⁾.

Thân ai khổ như thân anh kia,
Ngày đi cuộc bãi, tối về nằm suông⁽⁴⁾

4. Thương thay thân phận con tầm,
Kiểm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.
Thương thay lũ kiến tí ti,
Kiểm ăn được mấy phải đi tìm mồi.
Thương thay hạc lánh đường mây,
Chim bay mỗi cánh biết ngày nào thôi⁽⁵⁾.
Thương thay con cuốc giữa trời,
Dấu kêu ra máu có người nào nghe⁽⁶⁾.

Chú giải

- (1) *Tui* : tôi (tiếng địa phương).
(2) *Thậm khổ* : khổ quá lắm.
(3) Có bản ghi là *Trên đình đội hạc, dưới chùa đội bia*.
(4) *Nằm suông* : *suông* là từ dùng để chỉ sự không có, sự thiếu vắng (một cái gì lẽ ra cần có). Ví dụ : *canh suông* là canh rau, không có chất gì khác ; *nằm suông* là nằm một mình.
(5) Câu này hơi tối nghĩa. *Hạc* (chim hạc) tượng trưng cho tuổi già (vóc hạc, tóc hạc...), cho cõi tiên (cưỡi hạc, ...), cho sự nhàn tản, đi đây đi đó không bó buộc (hạc nội, mây ngàn). Ở đây nên hiểu ẩn dụ *chim hạc* trong tương quan với cả nhóm 4 ẩn dụ trong bài. Có thể hình dung : người lao động trông những con vật này, liên hệ đến thân phận cuộc đời mình, thấy có nét tương đồng nào đó và mượn chúng để nói về mình ; thương chúng chính là thương thân mình.
(6) *Chim cuốc* (còn viết là *quốc*) : còn gọi là đồ quyền, đồ vũ. Truyền thuyết Trung Quốc kể rằng : Thục Đế mất nước, hồn biến thành chim cuốc, tiếng kêu nhớ nước đến rỏ máu ra mà chết. Ở đây nên hiểu con cuốc kêu thương theo chú giải 5.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Người nghèo thường ít gặp may. Cho nên thường có những lời than như :

- *Cây khô xuống nước cũng khô,*
Phận nghèo đi đến nơi mả (nơi nào), cũng nghèo !
- *Gánh cực mà đổ lên non,*
Cồng lưng mà chạy, cực còn theo sau.
- *Trời sao trời ở chẳng cần,*
Kẻ ăn không hết, người lần không ra.

Em hãy nói rõ : nỗi "thậm khổ" của người dân nghèo ở đây đã được diễn tả như thế nào ?

2. Bài 2 nói về nỗi tủi của kẻ phải ăn "cơm người", dù miếng cơm ấy mình cũng phải đổi bằng mồ hôi. Càng tủi, khi nhớ lại những lúc ăn "cơm cha, cơm mẹ". Em hãy dựa vào chi tiết "cơm mẹ vừa ngồi vừa ăn" để suy nghĩ về những điểm trên. (Bình thường, ăn "cơm cha cơm mẹ" không nghĩ gì, nay ngắm cảnh ăn "cơm người" mới thấy cái vô tư "vừa ngồi vừa ăn" là cả một niềm hạnh phúc - tại sao ?).

3. Hai dòng đầu của bài 3 có liên quan như thế nào với hai dòng sau ? Nội dung chính của bài là nói về nỗi khổ của "thân anh kia". Ở đây muốn nói về những nỗi khổ nào của anh ấy ?

4. Em hãy phân tích từng nỗi thương thân của người lao động được diễn tả rất cô đúc và gợi cảm qua mỗi hình ảnh ẩn dụ trong bài 4. (Riêng hình ảnh "hạc lánh đường mây" hoặc hình ảnh "con cuốc giữa trời", có thể để thảo luận chung).

THÂN PHẬN NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO KHỔ TRONG XÃ HỘI CŨ (tiếp)

5. Con cò mà đi ăn đêm,
Đầu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào⁽¹⁾ ông hãy xáo măng⁽²⁾.
Có xáo thì xáo nước trong,
Dừng xáo nước đục đau lòng cò con.
6. Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.
Bao giờ dân nổi can qua⁽³⁾
Con vua thất thế⁽⁴⁾ lại ra quét chùa.
7. Đêm ơi hỡi đêm, trông cho mau sáng !
Ngày ơi hỡi ngày, tắt quáng⁽⁵⁾ cho mau !
Để em ra khỏi nhà giàu,
Kẻo nay cơm thừa, mai canh cạn, tối nằm sau xó lều.
8. Cha mẹ giàu thì con thông thả,
Cha mẹ nghèo con cực đã gian nan.
Sáng mai lên kiếm củi trên ngàn,
Chiều về xuống biển mò hang cua còng⁽⁶⁾.

Chú giải

(1) *Tôi có lòng nào* : có lòng : có bụng tử tế với ai ; hết lòng với ai ; trung hậu. *Có lòng nào* : có ý gì xấu (thường dùng khi có ý thanh minh hoặc thể bối).

(2) *Xáo* : nấu chín với ít nước và có các gia vị, không mỡ. *Xáo măng* : thịt cò vốn tanh và dai, nấu với măng sẽ không tanh và mềm thịt.

(3) *Can qua* : *can* là cái mộc ; *qua* là cái mác ; *can qua* chỉ việc chiến tranh. Ở đây : *dân nổi can qua* là nói về việc dân nổi dậy chống triều đình.

(4) *Thất thế* : mất chỗ dựa, mất quyền thế.

(5) *Quáng* : chói nắng, chói sáng ; ở đây, mong ngày mau tắt quáng có nghĩa là mong chóng hết ngày.

(6) *Cồng* : một loại cua nhỏ con, càng ngắn hơn hoặc dài hơn càng cua. Ở đây nói cua công là nói tiếng đôi.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Ở bài 5, con cò là ẩn dụ về người nông dân lao động. Lời bài ca dao là lời con cò đi kiếm ăn, bị nạn. Hãy tưởng tượng về cảnh ngộ của kẻ bị nạn và ý nghĩa lời cầu xin (Ghi chú : thật ra, loài cò không ăn đêm như loài vạc).

2. Ở bài 6, câu lục bát đầu nói về số phận không thể đổi thay của mỗi người trên đời này. Câu lục bát sau nói về sự đảo ngược số phận bắt nguồn từ cuộc "dân nổi can qua". Em thấy những ý tưởng nêu trong bài ca dao này có gì sai, đúng ? (Ghi chú : đối lập vua/sãi (ở chùa) chắc có một ám chỉ nào đó về mặt lịch sử, nhưng khá mờ hồ, do đó ta sẽ không đi vào chi tiết này).

3. Bài 7 là lời than thân của người đi ở. Em hãy suy nghĩ từ những nỗi khổ cực kể lể ở dòng cuối để hiểu lòng mong mỏi đêm chóng sáng, ngày chóng tối nêu ở hai dòng đầu.

4. Bài 8 là lời của ai ? Người ấy than thân trách phận về điều gì ? Cách nói sáng/chiều, lên ngàn/xuống biển, kiếm cũi/mò cua ở đây có ý nghĩa gì ?

II- NHỮNG BÀI CA DAO CUỐI CỘT

1. Số cô chẳng giàu thì nghèo,
Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà⁽¹⁾.
Số cô có mẹ có cha,
Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.
Số cô có vợ có chồng,
Sinh con đầu lòng, chẳng gái thì trai...



Bồng bồng công chồng đi chơi...

2. Bồng bồng công chồng đi chơi,
Đi đến chỗ lội, đánh rơi mất chồng.
Chị em ơi cho tôi mượn cái gầu sòng⁽²⁾,
Để tôi tát nước mức chồng tôi lên.
3. Cái cò lặn lội bờ ao
Hỡi cô yếm đào, lấy chú tôi chăng ?
Chú tôi hay tầu hay tắm⁽³⁾,
Hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa.

Ngày thì ước những ngày mưa⁽⁴⁾,
Đêm thì ước những đêm thừa trống canh⁽⁵⁾.

4. Cưới nàng anh toan dẫn⁽⁶⁾ voi,
Anh sợ quốc cấm⁽⁷⁾ nên voi không bàn,
Dẫn trâu sợ họ máu hàn⁽⁸⁾,
Dẫn bò sợ họ nhà nàng co gân.
Miễn là có thú bốn chân,
Dẫn con chuột béo, mời dân mời làng.
- Chàng dẫn thế, em lấy làm sang,
Nỡ nào em lại phá ngang như là ...
Người ta thách lợn thách gà⁽⁹⁾
Nhà em thách cưới một nhà khoai lang
Củ to thì để mời làng,
Còn như củ nhỏ họ hàng ăn chơi
Bao nhiêu củ mẻ chàng ơi !
Để cho con trẻ ăn chơi giữ nhà.
Bao nhiêu củ rím, củ hà⁽¹⁰⁾
Để cho con lợn con gà nó ăn ...

Chú giải

(1) Theo phong tục, ngày ba mươi tết, nhà dù nghèo cũng cố lo mâm cơm cúng tổ tiên.

(2) *Gầu sòng* : đồ đan bằng tre hình lòng máng có cán dài, giữa cán treo vào một cái giá ba chân, dùng để tát nước vào chân ruộng thấp.

(3) *Tìu, tằm* : rượu (tiếng đôi).

(4) Ước ngày mưa để khỏi phải đi làm.

(5) Ước đêm thừa trống canh (!) để được ngủ dài.

(6) *Dẫn* : dẫn cưới : nhà trai đem lễ vật đến nộp cho nhà gái. *Thách* : thách cưới : yêu cầu của nhà gái đối với nhà trai về tiền cưới và lễ vật (thường là đòi quá lên nên dùng chữ *thách*).

(7) *Quốc cấm* : thú bị nhà nước cấm dùng hoặc mua bán.

(8) *Máu hàn* : theo quan niệm dân gian, thịt trâu thuộc loại thức ăn "lạnh", người có "máu hàn" ăn dễ sinh bệnh (đau bụng).

(9) Xem chú giải (6).

(10) *Củ rím, củ hà* : khoai lang bị ứng nước, bên trong có những chỗ thâm thối thì gọi là khoai rím, khoai hà (thật ra, lợn, gà cũng không ăn thứ khoai này).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài 1 là lời của ai ? Hãy nêu những chi tiết mà ta gọi là nói "nước đôi" trong bài. Tìm những câu ca dao chống mê tín dị đoan khác mà em biết.

2. Bài 2 chế giễu nạn tảo hôn (lấy vợ, lấy chồng sớm, khi chưa đến tuổi thành niên, là tuổi đã lớn khôn). Nạn tảo hôn có liên quan đến việc lợi dụng sức lao động của người phụ nữ. Đây là lời của một cô gái lấy phải anh chồng bé con. Hãy tìm chi tiết cười cợt gây cảm xúc xót xa trong bài.

3. Loại người lười biếng lại thường ham ăn, ham uống. Hãy xem anh ta "hay" gì, "ước" gì ? Hai dòng đầu có ý nghĩa gì ?

4. Trong hát đối đáp của một số địa phương, có chặng *hát cưới*. Đến chặng này, hai bên tưởng tượng đến lúc cưới xin. Có lời nghiêm trang, có lời đùa cợt. Nhưng nghiêm trang hay cười cợt đều có ý nghĩa riêng của nó. Đây là lời thách cưới và lời hứa dẫn cưới đùa cợt nhưng cũng là nụ cười tự trào (= tự cười mình) của người nghèo. Em hãy đọc cho vui. Sau đó, phát biểu một cảm nghĩ thực của riêng em về lời thách cưới của cô gái ("Nhà em thách cưới một nhà khoai lang...").

NHỮNG BÀI CA DAO CƯỜI CỢT (tiếp)

5. Cháp chap thôi lại cheng cheng⁽¹⁾

Con gà trống thiện để riêng cho thấy

Đơm xôi thì đơm cho đầy,

Đơm voi thì thánh nhà thầy mất thiêng !

6. Cậu cai⁽²⁾ nón dẫu lông gà⁽³⁾,

Ngón tay đeo nhẫn gọi là cậu cai.

Ba năm được một chuyến sai,

Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.

7. Con mèo mày treo cây cau,

Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà.

- Chú chuột đi chợ đường xa,

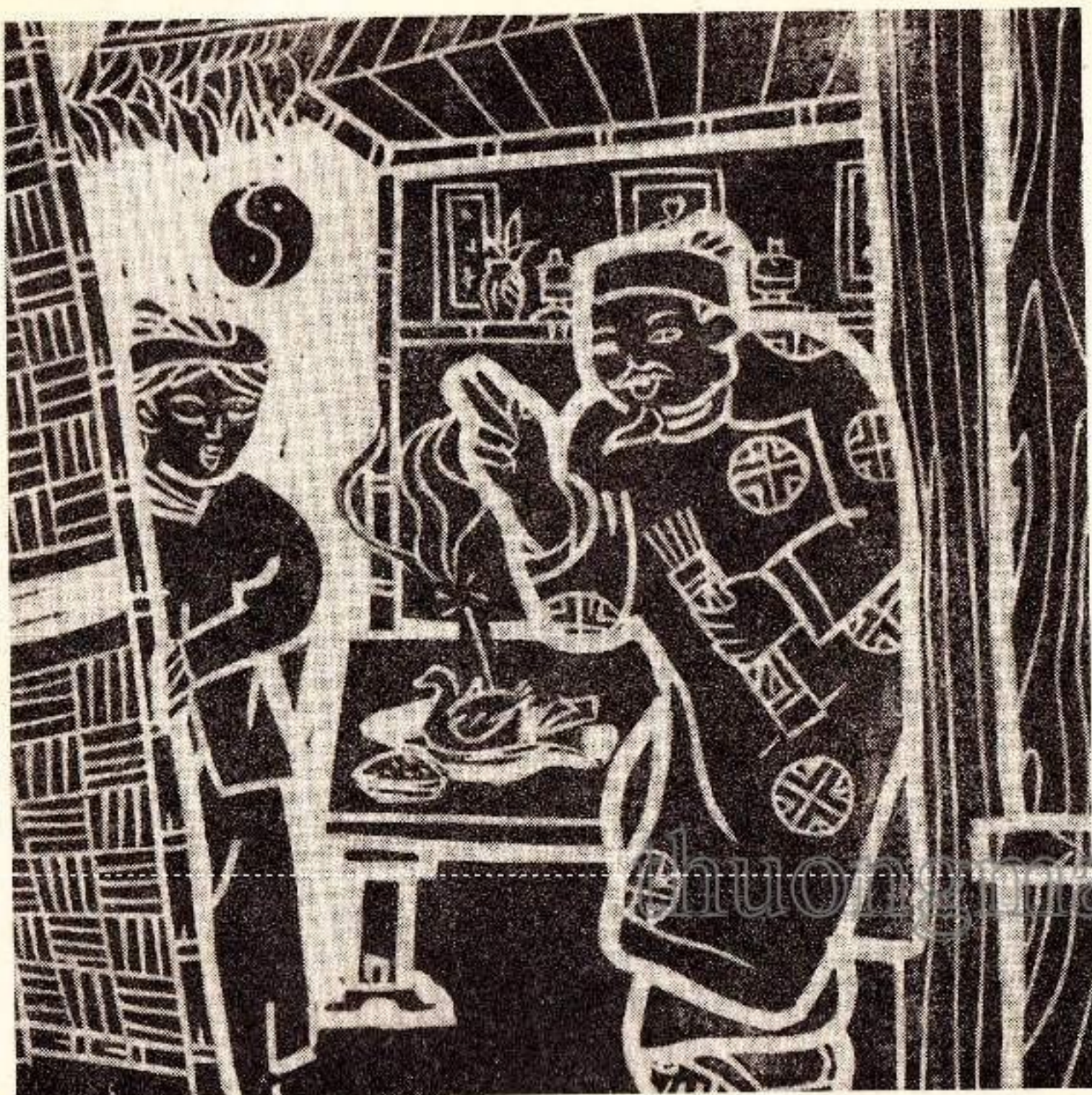
Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo !

8. Cái cò là cái cò kì⁽⁴⁾

Ăn cơm nhà dì, uống nước nhà cô.

Đêm nằm thì ngáy o o,

Chứa đi đến chợ đã lo ăn quả.



Chập chập... cheng cheng...

Hàng bánh, hàng bún bày ra,
Củ từ, khoai nước lẫn là cháo kê.
Ăn rồi cấp dít ra về,
Thấy hàng chả chó lại lê tròn⁽⁵⁾ vào ...

Chú giải

(1) *Chập chập, cheng cheng* : những tiếng mô phỏng thanh âm của cái tiu, cái cảnh (những nhạc khí bằng đồng, treo ở một cái giá con) mà thấy cúng gõ vào để điểm nhịp cho bài khấn ở a của họ.

(2) *Cậu cai* : chức cai quản khoảng 10 người lính. Người dân thường tôn xưng họ là *cậu cai, thầy cai*, ... để lấy lòng. Cai nói ở đây là *cai lệ*, tức là chức cai coi đám lính gác và phục dịch ở phủ, huyện xưa.

(3) *Nón dẫu lông gà* : nón chóp, trên đỉnh có túm lông gà, của lính tráng xưa.

(4) *Cò kì* : không có loài cò nào là cò kì ; *kì* cũng có một nghĩa là *lạ*, khác thường, nhưng suy diễn như vậy hơi xa ; có lẽ nói *cò kì* để bắt vần với *ăn cơm nhà dì ở cầu dưới*.

(5) *Tròn* : dít, dáy, chỗ tận cùng. Chú ý : *lê tròn* ở dòng dưới đối với *cấp dít* ở dòng trên.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài 5 nói về thầy cúng hoặc thầy pháp, là những người làm nghề mê tín (nghề làm cho người ta tin vào những điều nhảm nhí để kiếm ăn). Cứ xét những điều thầy dặn dò nhà chủ về con gà, đĩa xôi thì đủ rõ nhân dân hiểu kĩ họ đến mức độ nào.

2. Bài 6 tả "cậu cai" chỉ bằng mấy nét vừa chính xác vừa có ý giễu cợt. Hãy chỉ ra và phân tích những nét đó.

3. Bài 7 có ý vị ngụ ngôn. Chuột/mèo ám chỉ những hạng người nào và có quan hệ với nhau ra sao trong xã hội ? Mèo "hỏi thăm" chuột là nghĩa thế nào ? Chuột "giỗ cha con mèo" là nghĩa thế nào ?

4. "Cái cò kì" ở bài 8 là ẩn dụ về người đàn bà hay người đàn ông ? Thói xấu bị chế giễu ở đây là thói xấu gì ? Em biết những câu tục ngữ, ca dao nào có nội dung tương tự.

5. Em hãy nêu những nhận xét chung về nghệ thuật châm biếm của ca dao qua 8 bài đã học ?

(Chú ý cách chọn các chi tiết và cách dùng từ ngữ)

ĐỌC THÊM

NHỮNG BÀI CA DAO ÂN TÌNH, NGHĨA TÌNH

I- TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

- Đói lòng ăn hột chà là⁽¹⁾,
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.
- Ngó lên trời, trời cao lồng lộng ;
Ngó xuống đất, đất rộng mênh mông ;
Biết rằng chừ⁽²⁾ cá gáy hóa rồng⁽³⁾
Đến ơn thấy mẹ ăm bồng ngày xưa.

3. Chị em như chuối nhiều tàu,
Tấm lành che tấm rách, đừng nói nhau nặng lời.
4. Giàu như nẫu⁽⁴⁾, sáng cơm chiều cá :
Nghèo như em, sáng rổ rau má⁽⁵⁾ chiều trã⁽⁶⁾ của đồng.
Ơn cha không bỏ, nghĩa chồng không quên.

Chú giải

(1) *Chà là* : cây chà là thuộc loài cau rừng, mặt cật, cho quả thành chùm lớn ; quả giống quả cọ, có thể ăn được.

(2) *Răng chừ* : bao giờ (tiếng địa phương).

(3) *Cá gáy hóa rồng* : theo niềm tin của người xưa, hằng năm vào mùa thu, các loài cá tôm đua nhau tới Vũ Môn, nơi có thác cao vực sâu, nhảy thi, con nào vượt qua Vũ Môn thì hóa rồng. Người ta cho rằng riêng loài cá gáy (cá chép) có tài đó, nên có thành ngữ "cá gáy hóa rồng". Thành ngữ "cá gáy hóa rồng" (hoặc "cá vượt Vũ Môn") thường dùng để nói về học trò đi thi đỗ đạt.

(4) *Nẫu* (còn là nậu ấy) : người ấy, những người ấy ; người ta (tiếng địa phương).

(5) *Rau má* : xem chú giải (6), bài *Về rau* (Văn học 7, Tập một). Ở đây, rau má được hiểu là rau má ăn trừ bữa (đối với câu trên : sáng cơm, chiều cá).

(6) *Trã* : xem chú giải (2), bài 1, mục II, sách này.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài 1 biểu hiện lòng hiếu thảo của người con nghèo đối với mẹ già.
Hãy liên kết các chi tiết, hình ảnh cụ thể trong bài để tìm đến nét tâm tình đó.
2. Tìm mối quan hệ giữa hai dòng đầu với hai dòng cuối của bài 2. (Tại sao thấy trời cao, đất rộng lại liên tưởng đến công ơn cha mẹ ?) Người hát lời ca này là ai ? Người đó có ước mong gì ?
3. Em hãy tìm một bài ca dao khác hợp với ý tình của bài 3.
4. Bài 4 là lời của ai ? Nói về điều gì ? Tại sao để nhấn mạnh ý tình "ơn cha không bỏ, nghĩa chồng không quên" lại phải nói cụ thể về cảnh nghèo của mình và cảnh giàu của người khác ?

II- TÌNH BẠN - TÌNH NGƯỜI - TÌNH CẢM GẮN BÓ VỚI CÔNG VIỆC LÀM ĂN VÀ NHỮNG VẬT THÂN THUỘC

1. Ra đi vừa gặp bạn quen,
Cũng bằng đội nước hồ sen trước chùa.

2. Thuyền về có nhớ bến chăng ?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

3. Em hỏi anh :
Trong các thứ dầu, có dầu chi là dầu không thấp ?
Trong các thứ bắp, có bắp chi là bắp không rang ?
Trong các thứ than, có than chi là than không quạt ?
Trong các thứ bạc, có bạc chi không đổi không mua ?
Trai nam nhi chàng đối được mới rõ hơn thua phen này.

- Trong các thứ dầu, có nắng dãi mưa dầu⁽¹⁾ là dầu không thấp.

Trong các thứ bắp, có bắp mồm bắp miệng⁽²⁾ là bắp không rang

Trong các thứ than, có than hời than hời⁽³⁾ là than không quạt.



Đám cưới chuột - Tranh dân gian

Trong các thứ bạc, có bạc tình bạc nghĩa là không đổi
không mua⁽⁴⁾.

Trai nam nhi đã đổi dạng⁽⁵⁾, hỏi thiếp chừ⁽⁶⁾ tính sao ?

(Hát đố)

4. Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng, đá mềm
Trời trong bể lặng mới yên tấm lòng
5. Người ta rượu sớm trà trưa,
Em nay đi nắng về mưa đã nhiều.
Lạy trời mưa thuận gió đều,
Cho đồng lúa tốt, cho chiếu lòng em.
6. Tre già anh để pha nan
Lớn đan nong né, bé đan giần sàng⁽⁷⁾
Gốc thì anh để kê giường
Ngọn ngành anh để cắm giàn trâu, dưa.

Chú giải

- (1) Có bản ghi là : *dầu xoa* không ai thấp.
- (2) Có bản ghi là : *bắp chuối* không ai rang. *Bắp mồm bắp miệng* là nói lấp bắp.
- (3) Có bản ghi là : *than thân* không ai quạt,
- (4) Có bản ghi là : *bạc tình* bán chẳng ai mua.
- (5) *Đặng* : được.
- (6) *Chừ* : giờ.
- (7) *Nong* : đồ đan bằng tre, nong lòng mà lớn, dùng để phơi thóc lúa ngô khoai : *nong né* : tiếng đôi. *Giần* : đồ đan bằng tre, dùng để phân gạo với tấm, cám ; *sàng* : đồ đan bằng tre, dùng để phân gạo với thóc.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Có thể dựa vào những bài tương tự ở phần học chính thức để tìm hiểu những bài đọc thêm.
2. *Thuyền - bến* là một cặp ẩn dụ về chàng trai - cô gái trong quan hệ lứa đôi. Em hãy tưởng tượng cảnh *thuyền đi - bến đợi* và suy ngẫm về ý nghĩa của cặp hình ảnh ẩn dụ này.

3. Bài 3 dựa vào phép chơi chữ (khai thác hiện tượng đồng âm) để thử tài nhau và đùa vui trong hát đối đáp nam nữ. Nhưng ở đây có một ý nghiêm chỉnh, nói về một điều rất quan trọng trong quan hệ lứa đôi và trong tình bạn, tình người nói chung. Em hãy chỉ ra điểm đó.

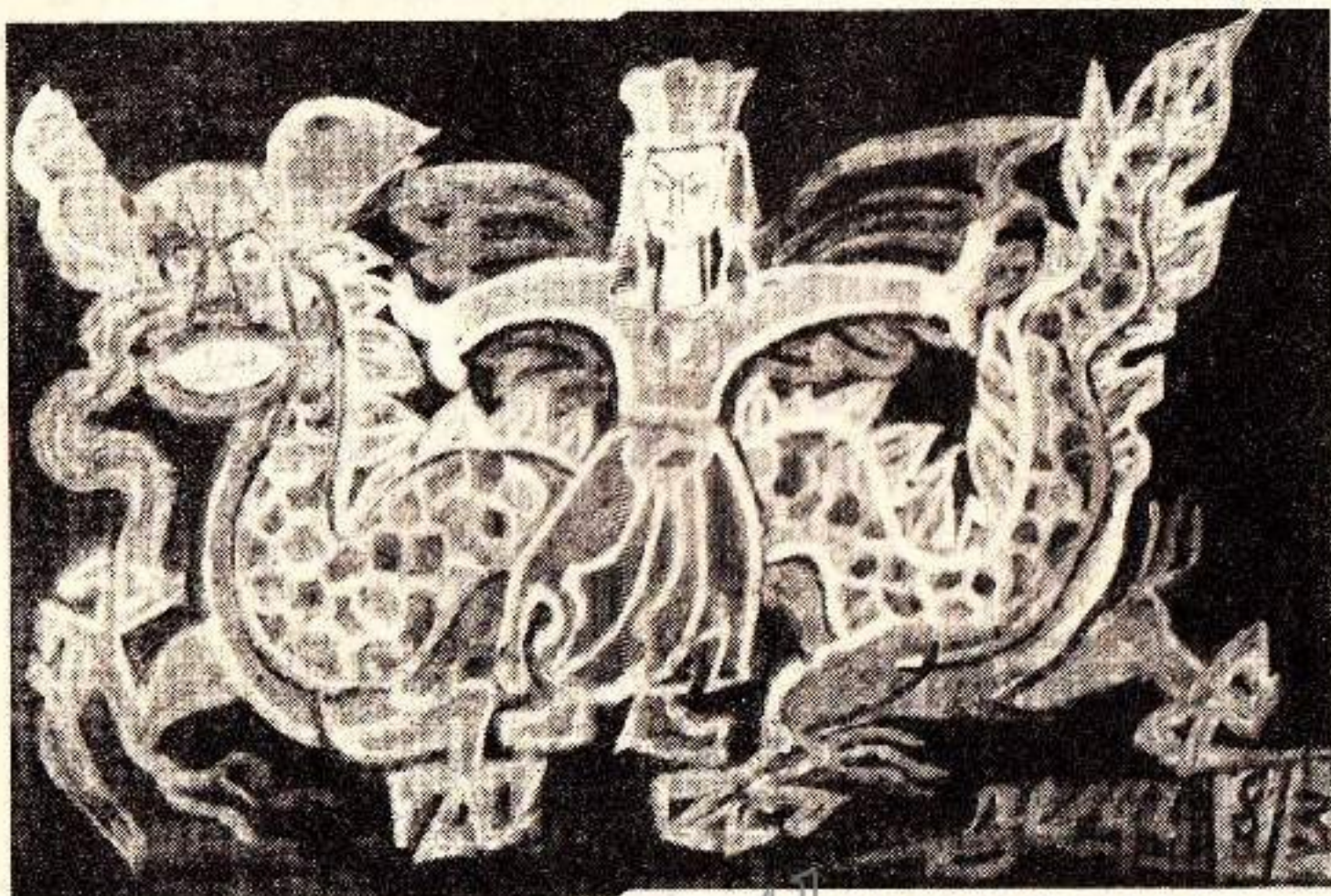
4. Hãy phân tích ý nghĩa của mỗi từ *trông* trong bài 5. Sau đó, nhận xét chung về tất cả những sự *trông* đó của người đi cấy - chủ ruộng.

5. Người phụ nữ nông dân ở bài 5 muốn nói gì khi so sánh cảnh người ta "rượu sớm trà trưa" với cảnh mình "đi nắng về mưa" ? Có người phê phán cách nói *lạy trời*... ở đây. Ý kiến em thế nào ?

6. Ý nghĩa bài 6 không phải chỉ ở chỗ nó nói lên vai trò của cây tre trong đời sống, sinh hoạt của người nông dân và tài khéo của họ trong việc tận dụng toàn bộ cây tre, thứ nào vào việc ấy. Chiều sâu của bài này là ở tình cảm của người ta đối với việc làm ăn và vật thân thuộc. Em hãy cố gắng tìm hiểu điểm này (chú ý giọng điệu của lời ca).

III- TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

1. Rủ nhau ra tắm hồ sen,
Nước trong bóng mát, hương chen cạnh mình.
Cứ chi vườn ngọc, ao quỳnh⁽¹⁾
Thôn quê vẫn thú hữu tình⁽²⁾ xưa nay.
2. Ai về Phú Thọ cùng ta,
Vui ngày giỗ Tổ⁽³⁾ tháng ba mồng mười.
Dù ai đi ngược về xuôi,
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba.
3. Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ⁽⁴⁾,
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn⁽⁵⁾,
Đài Nghiên, tháp Bút⁽⁶⁾ chưa mòn,
Hỏi ai gây dựng nên non nước này ?
4. Đường vô xứ Nghệ quanh quanh⁽⁷⁾
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ⁽⁸⁾
Ai vô xứ Nghệ thì vô...
5. Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,
Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sinh⁽⁹⁾.
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.



Cô gái cuối rừng - Tranh sơn mài của Nguyễn Tư Nghiêm

6. Đồng Nai⁽¹⁰⁾ gạo trắng nước trong,
Ai đi đến đó thời không muốn về.
7. Nhà Bè⁽¹¹⁾ nước chảy trong ngần,
Buồm nâu, buồm trắng chạy gần chạy xa.
Thon thon hai mái chèo hoa
Lướt qua lướt lại như là gấm thêu.

Chú giải

(1) *Vườn ngọc, ao quỳnh* : ngọc là đá quý ; quỳnh cũng là ngọc. *Vườn hoa, ao nước* là cảnh vật mà xưa kia những nhà giàu sang, quyền quý thường tạo dựng để ngắm chơi. *Vườn ngọc, ao quỳnh* là vườn hoa, ao nước quý đẹp của vua chúa, quý tộc. Ở đây nói đến vườn ngọc ao quỳnh nhà vua quan để so sánh với cái hồ sen ở nhà quê ; nói rộng ra là so sánh cảnh vật nông thôn với chốn phồn hoa.

(2) *Hầu tình* : xem chú giải (5), bài III- *Tình yêu quê hương, đất nước* (sách này).

(3) *Giỗ Tổ* : giỗ các vua Hùng, tổ tiên chung của người Việt ta, tổ chức ở Đền Hùng, Phú Thọ vào ngày mừng mười tháng ba âm lịch, tục gọi là Hội đền Hùng.

(4) *Kiểm Hồ* : Hồ Gươm (Hồ Hoàn Kiếm).

(5) *Cầu Thê Húc* : húc là ánh sáng mặt trời mới mọc, *thê* : đậu lại ; cầu Thê Húc là cầu đón nhận ánh sáng ban mai.

Chùa Ngọc Sơn : chùa là nơi thờ Phật ; đền là nơi thờ Thần. Ngọc Sơn vẫn được gọi là đền Ngọc Sơn. Tuy nhiên, ở nước ta, từ xa xưa vốn có hiện tượng thờ chung Thần, Phật, Tiên, Thánh ; từ đó có thể có sự gọi lẫn lộn mà ta nên tránh.

(6) *Đài Nghiên, tháp Bút* : *tháp Bút*, ngôi tháp trên đỉnh xây hình cây bút (bút lông, viết chữ Nho), bên trái cổng vào đền Ngọc Sơn ; *Đài Nghiên* : đài hình cái nghiên mực (mực để viết chữ Nho) trên cổng đền Ngọc Sơn. Ở một thời điểm nhất định trong ngày, hình ngọn bút trên tháp sẽ "chấm" vào đài Nghiên.

(7) Câu này có nơi ghi là : *Đường vô xứ Huế...* (đây là hiện tượng thường thấy trong ca dao).

(8) *Tranh họa đồ* : tranh vẽ. Thành ngữ : Đẹp như tranh (vẽ).

(9) Các địa danh nêu trong bài này đều ở Huế, ven sông Hương, rất thân thuộc với người dân cố đô.

(10) *Đồng Nai* : một tỉnh Nam Bộ ; cũng là tên chỉ chung Nam Bộ hoặc cả vùng đồng bằng sông Đồng Nai (tùy văn cảnh).

(11) *Nhà Bè* : sông Nhà Bè, thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, nơi hợp lưu (nhập dòng) giữa sông Sài Gòn và sông Đồng Nai.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Có thể dựa vào những bài tương tự ở phần học chính thức để tìm hiểu những bài đọc thêm.

2. Bài 1 nói về một thú hũu tình của chốn quê : tắm nước hồ sen. Ở đây không ca ngợi một cảnh đẹp mà nói về một *thú quê* (*thú quê* là điều kiện sinh hoạt ở nhà quê với ý vị riêng của nó). Người ta so sánh hồ sen với "vườn ngọc, ao quỳnh" để nói hết lời về cái thú tắm nước hồ sen.

3. Em hãy phân tích từ ngữ "Rủ nhau" và suy ngẫm về câu cuối bài : *Hỡi ai gây dựng nên non nước này ?*

4. Nếu tập hợp tất cả những câu ca dao ngợi ca sự giàu đẹp của mỗi vùng quê, tài khéo của con người mỗi địa phương (như các bài 5, 6, 7, ...) ta sẽ có một tập ca dao như thế nào ? Và em sẽ đặt cho một tập câu hát dân gian như thế cái tên gì ?

NHỮNG BÀI CA DAO THÂN THÂN VÀ NHỮNG BÀI CA DAO CƯỜI CỘT

I- THÂN PHẬN NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO KHỔ TRONG XÃ HỘI CŨ

1. Con ơi nhớ lấy câu này
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.
2. Giàu từ trong trứng giàu ra,
Khó từ ngã bảy ngã ba khó về.
3. Đất đâu đất lạ đất lòng⁽¹⁾
Đi làm lại có thổ công⁽²⁾ ngồi bờ.
Ngồi bờ lại chả ngồi không,
Hai tay chống gối mắt trông người làm.
4. Một ngày hai bận trèo non,
Lấy gì mà đẹp mà giòn⁽³⁾ hỡi anh ?
5. Đông ken⁽⁴⁾ cho rét quần da,
Thương anh vác cạn thuyền ta nhọc nhằn⁽⁵⁾.
6. Thuyền nan mà đậu bến than,
Thương anh vất vả cơ hàn⁽⁶⁾ nắng mưa.
7. Cao su đi dễ khó về,
Khi đi trai tráng, khi về bủng beo⁽⁷⁾.
8. Ăn cơm với cá mèi he⁽⁸⁾,
Lấy chồng Cẩm Phả đụn xe suốt đời⁽⁹⁾.

Chú giải

(1) *Đất* : có một nghĩa chỉ một xứ nào, một nơi nào. Ở đây dùng từ "đất" vì câu dưới nói đến "thổ công".

(2) *Thổ công* : thần chủ trì một nơi, một xứ (gồm cả bản mạng của người ở nơi chốn đó, xứ đó). (Chú ý : *thổ công* khác *thổ địa* ; *thổ địa* là thần chủ trì đất đai. Có nơi gọi *thổ công* là *thổ thần*). Ở đây, *thổ công* chỉ chúa đất tức là ông chủ ruộng thuê người làm.

(3) *Giòn* : xinh đẹp,

(4) *Đông ken* : dương tiết đông.

(5) *Vác cạn* : thuyền ngược, gập bãi cạn, bận thuyền (tức là các trai dò) phải khiêng thuyền lên, vác qua chỗ cạn. Đây là một câu hò dò dọc.

(6) *Cơ hàn* : đói rét.

(7) *Bủng beo* : da dẻ xanh xao vàng vọt, bệu xộp ; nói về da dẻ của người bệnh, người lâu ngày thiếu ăn (xưa thường chỉ nước da của người "sốt rét ngã nước").

(8) *Cá mèi* : thứ cá biển nhỏ con, giẹp mình, lấm xương mà béo ; *cá mèi he* : là một trong những loại cá mèi tạp.

(9) *Cẩm Phả* : một thị xã thuộc tỉnh Quảng Ninh ; cũng là tên một mỏ than lớn ở đây. *Đụn xe* : đẩy xe goòng chở than.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài 1 có nội dung và hình thức tương tự một câu tục ngữ. Chất ca dao của nó thể hiện ở cách nói có tính chất rắn dầy bằng trò chuyện (*Con ơi nhớ lấy...*). "Định nghĩa" cướp đêm cướp ngày ở đây cho thấy "quan" (kẻ có chức quyền cai trị dân hoặc quân lính xưa kia) và "giặc" giống nhau và khác nhau ở điểm nào ?

2. Em hãy giải thích câu "Giàu từ trong trứng giàu ra" và "Khó từ ngã bảy ngã ba khó về". Câu này nói về số phận của kẻ giàu người nghèo. Cách khái quát này có hoàn toàn đúng không ?

3. Bài 3 nói về hiện tượng bóc người làm thuê của địa chủ, phú nông xưa kia. Chú ý giọng mỉa mai của người làm thuê thể hiện ở một số từ ngữ trong bài.

4. Em có cảm được và hiểu được chút nào về ý tình thân thân của người phụ nữ ở bài 4 không ?

5. Em hình dung người cảm thông với nỗi nhọc nhằn của anh trai dò vác thuyền vượt cạn là ai ? (Không nên quên là người ấy thấy được cả cái rét, cái lạnh ngoài sông nước lúc trời đông).

6. Với bài 6 em cũng có thể tự đặt ra câu hỏi và trả lời, tương tự như với bài 5. (Ở đây nói về người phu mỏ chở than từ bến ra tàu hoặc sà lan đậu ở xa bến).

7. Bài 7 nói về một trong muôn vàn nỗi khổ của những người phu đồn điền cao su thời Pháp thuộc. "Đi dễ" vì dân quá nghèo, sẵn sàng chấp nhận những điều kiện hợp đồng thâm hại của bọn Tây mộ phu. "Khó về" vì càng làm càng bị trói buộc vào sở đồn điền do nhiều thủ đoạn thâm độc của bọn chủ và lũ tay chân của chúng. Em có nhận xét gì về cách nói "đi dễ/khó về", "khi đi.../khi về..." ở đây ?

Đối với người nông dân phải bỏ làng ra mở lấy chồng làm phu, được "ăn cơm với cá mèi he" có lẽ cũng không đến nỗi nào. Nhưng, đổi lại, phải "đụn xe suốt đời" (chưa nói những nỗi nhọc khác), chắc chắn là nhọc nhằn hơn làm ruộng.

II- NHỮNG BÀI CA DAO CƯỜI CỘT

1. Đồn rằng quan tướng⁽¹⁾ có danh⁽²⁾
 Cưỡi ngựa một mình, chẳng phải vịn ai.
 Ban khen rằng : "Ấy mới tài"
 Ban cho cái áo với hai đồng tiền.
 Đánh giặc thì chạy trước tiên.
 Xông vào trận tiền⁽³⁾ cời khố giặc ra (!)⁽⁴⁾
 Giặc sợ, giặc chạy về nhà.
 Trở về gọi mẹ mỗ gà khao quân !

2. Nhất hào⁽⁵⁾
 Nhị hào, tam hào ...
 Chớ chạy bờ ao,
 Chuột chạy bờ rào ...
 Quê⁽⁶⁾ nhà này có động⁽⁷⁾ !
 Nhà này có quái⁽⁸⁾ trong nhà,
 Có con chó đực cắn ra đằng mồm.
 Nhà bà có con chó đen,
 Người lạ nó cắn người quen nó mừng.
 Nhà bà có cái cối xay,
 Bốn chân xuống đất, ngỗng⁽⁹⁾ quay lên trời ...



Bịt mắt bắt dê - Tranh dân gian.

3. Ăn no rồi lại nằm khoèo
 Nghe giặc trống chèo bế bụng đi xem.
 4. Giàu như ai thì tôi không biết,
 Chứ giàu như tôi, chừ⁽¹⁰⁾ ít kẻ muốn vô.
 Trong nhà trống rỗng, chỗ mô cũng thấy trời.
 Ngoài vườn chẳng thiếu chi đồ chơi,
 Nàng nàng, bọp bọp⁽¹¹⁾ mọc thời huyền thuyên.
 Rau đến rau má mọc riêng,
 Cỏ chỉ cỏ cú⁽¹²⁾ mọc liền đây sân.
 Trong nhà có sấm một cái giàn,
 Để năm ba tấm đệm, vài ngàn lá toi.
 Lại thêm năm bảy cái nón cời,⁽¹³⁾
 Vài gùi giẻ rách để chờ thời diện sang.
 Tôi kể ra thì trâu với ruộng nhất làng,
 Tới mùa đi gặt tràn lan cả đồng.⁽¹⁴⁾
 Gặt rồi họ được trả công,
 Lúa ai gánh về nhà nấy, tôi xách cái mủng⁽¹⁵⁾ không
 tôi về.

Cơm nấu vừa nát vừa khê
 Đem ra ăn với muối, no nê ngon lành.
 Bữa ăn năm bảy cái bát sành,
 Cái thì sứt miệng, cái lành như răng cửa.
 Mâm nan dứt lạt bung thừa⁽¹⁶⁾
 Lên non bẻ năm ba đôi dưa sặt⁽¹⁷⁾ khỏi mua tốn tiền.
 Nhón chân kêu : bớ nữ hiền,⁽¹⁸⁾
 Giàu như qua⁽¹⁹⁾ mức nó⁽²⁰⁾ em còn phiền nỗi chi ?

Chú giải

- (1) *Quan tướng* : chức quan võ, đứng đầu một đạo binh.
 (2) *Có danh* : có tiếng, nổi tiếng.
 (3) *Trận tiền* : trước trận, chỗ giáp quân địch.
 (4) *Có bản ghi là* : cời khố chạy ra, có nghĩa là tự cời khố của mình mà xông vào quân giặc (khiến giặc sợ mà bỏ chạy !).
 (5), (6), (7), (8) : những từ dùng trong bói toán. Bói có nhiều phép. Các ông thấy bói ở ta thường chỉ dùng phép bói gieo tiền đồng. Người xem bói hỏi việc gì thì thấy khăn rồi gieo quẻ bằng 3 đồng tiền. Mỗi lần gieo (tức là buông 3 đồng tiền cho rơi vào 1 cái đĩa) là một hào. Gieo 6 lần thành một quẻ. Sáu hào ăn theo

năm việc chính (cha mẹ, tài lợi, công danh, ...). Tùy theo các đồng tiền sắp ngửa, thấy cứ dựa vào các bài bản đã được thành lập sẵn mà đoán phỏng chừng. Vì vậy có câu : "Thầy bói nói dựa".

(9) *Ngõng* : cái trụ của hai thớt cối xay lúa (tất nhiên ngõng cối phải ... ngõng lên trời !)

(10) *Chừ* : xem chú giải (6), tr.28, sách này.

(11) *Nàng nàng, bọp bọp* : tên mấy loài rau dại mọc lung tung trong vườn (bỏ hoang).

(12) *Cò chl, cò cú* : tên mấy loài cò dại (cò cú là cò gấu).

(13) *Nón cời* : nón xấu, nón rách.

(14) Đây là nói về trâu và ruộng của người khác. Điều này được nói rõ ở câu dưới (cũng với giọng bông đùa).

(15) *Mùng* : cái thúng nhỏ. *Thúng mùng* : tên gọi chung các loại thúng lớn nhỏ.

(16) *Bung thừa* : bung ra.

(17) *Sắt* : loại lau sậy, giống như trúc.

(18) *Bó* (tiếng đẻ gọi, tương tự như tiếng ới) ; *bó nữ hiền* : hồi cô em dễ thương.

(19) *Qua* : ta (tử xưng hô với người ngang hàng hoặc người dưới).

(20) *Mức nó* : cỡ đó, mức đó.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài 1 chế giễu loại quan võ có chức, có danh, lại được vua khen là có tài. Tài cưỡi ngựa một mình ; tài đánh giặc bằng võ ... cỏi khố ! Tướng ấy, vua ấy chắc là "đặc sản" của thời ... mất nước.

2. Hãy so sánh bài 2 với bài *Số cô chẳng giàu thì nghèo*.

3. Bài 3 chế giễu những anh chàng lười, mà "đặc trưng" được chỉ rõ là ham ăn ("bể bụng"), biếng làm ("nằm khoèo"), ham chơi ("bể bụng đi xem"). (Ghi chú : Đôi khi, người ta cũng dẫn câu ca dao này để dẫn chứng về niềm ham mê *Chèo* của người nông dân ta xưa kia. Ta có thể hiểu là : Chèo có sức hấp dẫn đến mức ngay cả hạng "ăn no nằm khoèo" cũng phải "bể bụng đi xem").

4. Bài 4 là lời của một chàng trai tự cười cợt cái nghèo của mình. Hoàn cảnh là một cuộc hát đối đáp. Chàng trai đem cái nghèo của mình ra làm đề tài vui đùa bằng cách phóng đại (là nói quá lên) cái nghèo và tả nó như thể khoe giàu. Em hãy nêu một vài cảm nghĩ của em về ý nghĩa cái cười của bài ca dao này.

CA DAO SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Tháp Mười⁽¹⁾ đẹp nhất bông sen,
Việt Nam đẹp nhất có tên Cụ Hồ.

2. Anh đi gìn giữ nước non,
Tóc xanh em đợi, lòng son em chờ.
Anh đi ra lính Cụ Hồ
Con sông, con hoi⁽²⁾ con dò đưa anh.

3. Sinh hoạt thì có bảy đồng⁽³⁾,
Một đồng bớt lại, sáu đồng mớn ăn.
Anh trực nhật⁽⁴⁾ nghỉ bữa khoản,
Tiền thời có ít biết ăn những gì ?
Rau muống chấm muối trường kì,
Thế mà đời vẫn cứ thi hiên ngang !

4. Khi đi giáo nỏ cầm tay,
Khi về súng lục cối xay đem về⁽⁵⁾.
Khi sang đại bác moóc-chê⁽⁶⁾
Khi về tàn rạch mũ mê then thùng⁽⁷⁾.

5. Đèo cao thì mặc đèo cao,
Trèo lên đến đỉnh ta cao hơn đèo⁽⁸⁾.

6. Hôm qua anh đến chơi nhà⁽⁹⁾,
Thấy mẹ dệt vải, thấy cha đi bừa,
Thấy em mãi miết xe tơ,
Thấy cháu "i, tờ" ngồi học bi bô.
Thì ra vâng lệnh Bác Hồ
Cả nhà yêu nước thi đua phen này⁽¹⁰⁾.

7. *Đóng nhanh lúa tốt*
Lúa tháng năm kén tầm vàng óng⁽¹¹⁾
Hạt khô giòn đem đóng thuế nông⁽¹²⁾.
Thúng đầy, anh gánh tới gồng,
Kiểu cà kiệu kịt qua sông qua dò...
Lúa nhiều chiến thắng càng to,
Đồn Tây càng đổ, câu hò lại vang.
Đóng nhanh nhanh khắp xóm làng,
Em thách thôn chàng nộp đủ, nộp mau,

Thóc vàng muôn hạt như nhau,
Chớ mang thóc lép qua cầu gió bay...
Thóc lép bay thẹn tay sàng sảy,
Chúng bạn cười, vai quẩy⁽¹³⁾ thêm đau.
Nắng nhiều sớm nở hoa cau
Đóng nhanh thóc tốt càng mau thắng thù.

8. Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết,
Nước dưới sông có tiết⁽¹⁴⁾ đục tiết trong.
Ai ra miền Bắc thưa với Cụ Hồ
Lòng người miền Nam vẫn tròn vành vạnh như chiếc
nón bài thơ⁽¹⁵⁾ đội đầu.

Chú giải

- (1) *Tháp Mười* : Đồng Tháp Mười, thuộc đồng bằng sông Cửu Long, Nam Bộ.
(2) *Con hời* : xem chú giải (3), bài *Cơ khổ cho đứa giữ trâu* (Văn học 7, Tập một).
(3) *Sinh hoạt* : gọi tắt từ *sinh hoạt phí*. Những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cán bộ, bộ đội chưa có lương mà chỉ có sinh hoạt phí, tức là một khoản tiền gồm tiền ăn và tiền chi dùng một vài khoản vặt vặt, trên thực tế thì ăn cũng không đủ. *Bảy đồng* : so với giá cả lúc đó thì quá ít, nên bộ đội rất thiếu thốn.
(4) *Anh trực nhật* : lúc này một số công việc sinh hoạt được phân công luân phiên từng ngày cho các chiến sĩ ; người được phân công gọi là *trực nhật*.
(5) *Súng lục cối xay* : súng lục ổ quay.
(6) *Moóc-chê* (phỏng âm tiếng Pháp) : súng cối.
(7) Bài này mô phỏng kiểu bài "Khi đi... khi về", "Ngày đi... Ngày về" của ca dao truyền thống (Ví dụ : "Ngày đi trúc chưa mọc măng, Ngày về trúc đã cao bằng ngọn tre"...)
(8) Bài này xuất hiện trước tiên trong dân công (tức là những người dân thường phục vụ bộ đội tải đạn, tải lương thực, căng thương), chiến dịch Tây Bắc.
(9) Bài này mô phỏng kiểu bài bắt đầu bằng "Hôm qua anh đến chơi nhà" trong ca dao truyền thống (Ví dụ : "Hôm qua anh đến chơi nhà, Thấy mẹ nằm vồng thấy cha nằm giường, Thấy em nằm đất anh thương" ...).
(10) Bài này xuất hiện trong phong trào cổ động *Nhà nhà thi đua yêu nước, Người người thi đua yêu nước...* thời bấy giờ.
(11) *Ý nói* : lúa chín vàng óng như kén tằm.
(12) *Thuế nông* : thuế nông nghiệp, bắt đầu có từ năm 1949-1950. Chính sách này có tác dụng lớn đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và được nông dân nhiệt tình hưởng ứng.

(13) *Quẩy* : gánh.

(14) *Tiết* : mùa.

(15) *Nón bài thơ* : nón phía trong có đề thơ, ý trang trọng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Ca dao được sáng tác và lưu truyền sau Cách mạng tháng Tám 1945, về mặt hình thức nghệ thuật và kiểu bài, xét chung không khác ca dao truyền thống. Nhưng cái mới về mặt nội dung cũng đem lại cho ca dao sau Cách mạng một số nét mới về hình ảnh, từ ngữ và cả về cách biểu đạt. Có những bài đưa vào những từ ngữ như "súng lục cối xay", "đại bác moóc-chê" mà vẫn rất ca dao. Có những bài đầy những hình ảnh ước lệ cổ truyền như bài 2, bài 8 nhưng lại rất mới. Khi đọc, nên chú ý những điểm đó để so sánh với ca dao truyền thống.

2. Nội dung ca dao sau Cách mạng tháng Tám (ở đây chỉ giới thiệu mấy bài ca dao được sáng tác và lưu truyền hồi "chín năm" - 1945-1954) phản ánh được một số nét về cuộc sống nhân dân trên chặng đường lịch sử dân tộc từ 1945 về sau, theo cách riêng của thơ ca dân gian. Khi đọc, cần chú ý những nét miêu tả về *sinh hoạt và tâm tình của những nhân vật mới*, lần đầu tiên xuất hiện trong ca dao : "anh bộ đội Cụ Hồ", anh du kích, người dân công, người nông dân trong các phong trào thi đua yêu nước, người dân vùng địch tam chiếm một lòng hướng về Cách mạng...

Bài 3

ÔN TẬP

Phân ca dao

I - CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Em hãy trình bày cách hiểu của em về định nghĩa ca dao qua một số ví dụ cụ thể. Theo em, giữa ca dao và vè có những chỗ nào giống nhau và những chỗ nào khác nhau ?

2. Hãy nhắc lại những chủ đề chính của phần chương trình ca dao đã được học và đọc thêm. Về mỗi chủ đề, hãy dẫn ra một vài ví dụ (thuộc lòng).

3. Dựa theo cách tìm hiểu và phân tích các bài ca dao đã được học và đọc thêm, em hãy trình bày theo cách đó những

cảm nhận của em về 3 bài ca dao mà em thích nhất (2 bài về chủ đề ân tình, nghĩa tình ; 1 bài về chủ đề than thân).

4. Em hãy trình bày sự hiểu biết của em về :

- thể lục bát trong ca dao ;
- cách phô diễn ý tình (tả tình) bằng hình ảnh so sánh (kể cả so sánh kín, tức là ẩn dụ) trong ca dao ;
- cách miêu tả bằng một vài chi tiết gợi cảm, đặc sắc nhất của đối tượng miêu tả trong ca dao (tả cảnh vật, tả người).

(Ghi chú : Cần trình bày ý kiến với những ví dụ cụ thể)

II - MỘT SỐ HÌNH THỨC ÔN TẬP KHÁC

1. Tập hợp những bài ca dao học và đọc thêm cùng chủ đề thành một nhóm. Sau đó ôn phân ca dao theo những nhóm bài đó (cả về nội dung lẫn hình thức nghệ thuật). Trên cơ sở đó, tập viết 1 - 2 bài văn về một vài chủ đề mà em có nhiều cảm xúc hơn cả.

2. Em hãy hệ thống hóa lại những gì em học được về tiếng Việt qua ca dao.

3. Tập làm mấy câu lục bát về một chủ đề em thấy có hứng thú. Cố gắng mô phỏng lối diễn tả của ca dao truyền thống.

Bài 4

BÀI TỔNG KẾT VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

I - VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM CÓ NHỮNG Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ GÌ ?

1. VHDG chứa đựng những hiểu biết đúng đắn về cuộc sống nhân dân, về lịch sử dân tộc

- VHDG phản ánh rất chân thực cuộc sống của người lao động, người dân thường qua các thời đại, kể cả đời sống tinh

thần và tình cảm của họ. Chỉ cần đọc *ca dao - dân ca*, vốn là những sáng tác thơ ca ngắn và thiên về biểu hiện những cảm nghĩ riêng tư, cũng có thể nhận biết được hầu như toàn bộ cuộc sống nhân dân. Đó là một bức tranh vừa có tính chất khái quát vừa chứa đầy chi tiết cụ thể, chính xác về cảnh vật, phong tục⁽¹⁾, sinh hoạt, quan hệ gia đình và đời sống xã hội, của các địa phương trên cả nước. Đọc *ca dao - dân ca* chẳng những biết được những nét chung về xã hội, xứ sở, về tính tình, phong tục của dân chúng mà còn biết được cả những điều thường thức như tên chim muông, cây cỏ và sản vật của các vùng quê. Về mặt này, không một loại nghệ thuật nào, kể cả văn học viết tiến bộ cùng thời, có thể sánh được với VHDG.

- VHDG không chỉ phản ánh những hiện tượng thực tế. Nó còn diễn tả những suy ngẫm, những tình cảm của nhân dân về những hiện tượng ấy hoặc do những hiện tượng ấy gợi lên. Đáng chú ý là những cảm nghĩ, những tâm tư của người dân thường về thân phận cuộc đời họ và về những vấn đề xã hội. Ví dụ : những hiện tượng áp bức, bất công ; những nỗi khổ của nhân dân lao động ; v.v. Đặc biệt, VHDG thường có những ý kiến riêng đối với những sự kiện và nhân vật lịch sử. Ví dụ : VHDG thường bày tỏ (dưới hình thức nghệ thuật) cách đánh giá riêng của nhân dân về công trạng các anh hùng dân tộc, tài đức các danh nhân văn hóa, sự tích các anh hùng nông dân, ... Về mặt này, các thể loại VHDG nói chung, nhất là *sử thi, truyền thuyết, về lịch sử* ... có tác dụng quan trọng trong việc bổ sung, đính chính và sàng lọc những kiến thức của chúng ta về lịch sử dân tộc.

2. VHDG có ý nghĩa và tác dụng giáo dục phong phú

- Những kinh nghiệm và hiểu biết thực tế của nhân dân được tích lũy qua bao thế kỉ trong VHDG có giá trị vừa thiết thực, vừa sâu xa, bền vững đến mức những sáng tác nghệ thuật này được khoa học định nghĩa là "trí khôn dân gian". Quả thật, tác phẩm VHDG thuộc bất cứ thể loại nào bao giờ cũng có thể gợi cho người ta, ở mọi cảnh ngộ, một bài học có ích về lối ứng xử, về nếp sống, về đạo lí làm người, v.v... theo quan niệm

của nhân dân. Ý nghĩa giáo dục dồi dào về nhiều mặt của các thể loại vốn được làm ra với dụng ý răn dạy như *tục ngữ, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười*,... thì ai cũng biết rõ. Nhưng ngay *những bài ca kèm theo trò chơi* dành cho trẻ em cũng có tác dụng giáo dục nhẹ nhàng mà bổ ích khi nó làm cho trẻ em cảm thấy vui vẻ và hòa hợp với nhau, lại thêm nhanh nhẹn, khéo léo.

- Xưa kia, VHDG là người bạn thân thuộc với mỗi người, với mọi người dân thường suốt cả cuộc đời : chào đời thì nghe *hát ru* ; lúc bé thì nghe *truyện cổ tích*, hát *những bài đồng dao*⁽²⁾, ... ; lớn lên thì sử dụng các *bài hát, điệu hò, kể vè, kể chuyện* trong các hoạt động lao động, sinh hoạt, vui chơi của người lớn ; khi từ già cõi đời này thì có *bài ca tang lễ*. Cứ như thế, VHDG đóng vai trò một cuốn sách giáo khoa truyền từ đời này sang đời khác, bền bỉ rèn giũa nếp cảm, nếp nghĩ cho người ta ; bồi dưỡng cho người ta những tính tình, tính cách, phẩm chất của người Việt Nam truyền thống : tính cần kiệm, óc thực tiễn, tình cảm gắn bó với gia đình, với làng xóm, lòng thương người nghèo khổ, hoạn nạn⁽³⁾, quý lễ công bằng, trọng sự tình nghĩa, thủy chung, không sợ cường quyền, bạo lực và đặc biệt, giàu lòng yêu nước thương nòi và tinh thần thiết tha với độc lập, tự do.

- Nhưng VHDG cũng có những hạn chế, những chỗ dở mà chúng ta cần nhận rõ, nhất là những nét tính cách không còn phù hợp với sự nghiệp xây dựng xã hội mới của chúng ta ngày nay. Ví dụ : thái độ an phận, cam chịu sự nghèo nàn, lạc hậu ; cách nhìn hẹp hòi với những gì khác lạ với những thói quen, những quan niệm vốn có của mình v.v...

3. VHDG có ý nghĩa và tác dụng to lớn trong việc bồi dưỡng ý thức về cái đẹp và trong việc xây dựng, phát triển nền văn học dân tộc.

- Qua VHDG chúng ta có thể nhận thấy nhân dân ta xưa nay vốn rất yêu cái đẹp trong cuộc sống, cái đẹp nơi con người, cái đẹp của thiên nhiên. Đọc *truyện cổ tích, ca dao, dân ca, tục ngữ*, v.v... chúng ta thấy nhân dân thường ưa thích sự hài hòa

của cái đẹp với cái thật và cái tốt ; ưa thích cái đẹp ở đó cái cốt lõi hiện thực chân thực luôn thấm đượm tình yêu cuộc sống và những mơ ước về một cuộc đời tốt đẹp hơn.

- VHDG chẳng những được dân chúng ưa thích, sử dụng, lưu truyền, mà còn được chính các nhà văn, nhà thơ lớn từ thời cổ đến thời hiện đại coi như một thứ kiểu mẫu của nghệ thuật ngôn từ.⁽⁴⁾ Xưa, các nhà học thức thường thức dân ca cảm thấy như được tắm gội trong một nguồn suối mát mẻ. Các nhà viết truyện đánh giá VHDG là mảnh đất sinh ra những cốt truyện, những chi tiết, những hình tượng nhân vật hoàn thiện nhất về mặt nghệ thuật. Các nhà thơ học được thơ trong ca dao, mà có người coi là "khuôn thước cho lối thơ trữ tình".

II - VHDG VÀ VĂN HỌC VIẾT CÓ QUAN HỆ VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO ?

1. VHDG và văn học viết là những dạng khác nhau của cùng một loại nghệ thuật - nghệ thuật ngôn từ

- Tác phẩm VHDG cũng như tác phẩm văn học viết đều là những công trình nghệ thuật bằng ngôn từ. Đó là những sáng tác nghệ thuật dùng chất liệu ngôn từ để sáng tạo những hình tượng về cuộc sống nhằm thể hiện cách nhìn, cách hiểu, cách nghĩ của người sáng tác về con người và sự sống con người.

- Tuy cùng có chung bản chất là nghệ thuật ngôn từ, nhưng giữa văn học viết với VHDG cũng có một số chỗ khác biệt :

Một là, VHDG dùng ngôn từ nói ; hình thức tồn tại đích thực của nó là truyền miệng. Người nói, người kể phải có người nghe ; người hát, người hò phải có người hưởng ứng, người tiếp lời, tiếp giọng, đối ca ; người diễn phải có người xem, v.v... Văn học viết dùng ngôn từ viết. Chữ viết là kí hiệu ghi tiếng nói : lời nói, từ ngữ không còn mang hình thức âm thanh của nó, không mang âm điệu, ngữ điệu của người nói, không có điệu bộ động tác kèm theo của người nói. Người đọc không cần giao tiếp trực tiếp với tác giả. Tác phẩm văn học viết được sao chép, in ấn ra, bản nào cũng như bản nào.

Hai là, VHDG là sáng tác của nhân dân, được sử dụng, lưu truyền trong dân chúng, nên nội dung chủ yếu phản ánh cuộc sống nhân dân và tâm tư tình cảm của họ. Văn học viết, xưa kia, là sáng tác của những người có học và cũng chỉ những người có chữ nghĩa mới đọc được. Hoàn cảnh và điều kiện này khiến cho VHDG và văn học viết thời quá khứ, xét chung, có sự khác biệt về nội dung, nhất là về phạm vi cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm và về những nhân vật trong đó.

2. VHDG và văn học viết là những bộ phận hợp thành của văn học dân tộc

- Sáng tác nghệ thuật truyền miệng xuất hiện từ thời tối cổ, rất lâu trước khi có chữ viết và văn học viết. Khi có chữ viết và văn học viết, nghệ thuật truyền miệng vẫn tiếp tục được nhân dân sáng tác và sử dụng. Chính sự giống nhau và sự khác nhau của chúng giải thích vì sao VHDG và văn học viết cùng tồn tại song song và có quan hệ khăng khít với nhau trong mỗi nền văn học dân tộc. Người ta coi chúng là hai bộ phận hợp thành của văn học dân tộc.

- Trong văn học Việt Nam, mối quan hệ giữa VHDG với văn học viết thể hiện ở một số mặt chính sau đây :

a) VHDG là thứ "văn học tự cấp tự túc" của nhân dân. Nó phát triển phong phú, toàn diện (về các đề tài, các thể loại) vào những thời mà văn học viết chưa có khả năng phổ cập (do số đông dân không biết chữ) và không đáp ứng được nhu cầu của quần chúng nhân dân trong sáng tác, sử dụng và thưởng thức văn học nghệ thuật. Những tác phẩm văn học viết bằng tiếng dân tộc (chữ Nôm, chữ Quốc ngữ) được quần chúng nhân dân ưa thích cũng tồn tại dưới dạng truyền miệng như tác phẩm VHDG (kể cả những tác phẩm lớn như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, ...).

b) VHDG bổ sung cho những chỗ thiếu hụt của văn học viết, nhất là về những mảng đề tài, những nội dung mà các nhà văn không bao quát được hoặc không nói được, không nói đúng những điều mà quần chúng nhân dân nghĩ và muốn nói, v.v...

Ngược lại, VHDG cũng tiếp nhận được ở văn học viết những gì nó thiếu hụt, nhất là về mặt nghệ thuật biểu đạt, qua những tác phẩm văn học viết được truyền miệng và qua vai trò của lớp trí thức có cuộc sống gần gũi nhân dân.

c) VHDG nước ta còn đóng vai trò làm nền, tạo điều kiện cho văn học viết bằng tiếng dân tộc phát triển. Đó là vai trò sáng tạo ra các thể thơ dân tộc (như thể lục bát, các thể văn⁽⁵⁾ ba, văn bốn, văn năm, ...) và phát triển, mài giũa cho tiếng Việt thêm giàu, thêm đẹp.

Chú giải

(1) *Phong tục* : thói quen đã ăn sâu trong cách ứng xử, trong lối sinh hoạt v.v... của một cộng đồng, một dân tộc (trong đó có những thói quen tốt, đẹp được gọi là *thuần phong mỹ tục*).

(2) *Đồng dao* : bài hát (dân gian) của trẻ em.

(3) *Hoạn nạn* : gặp sự khó khăn, khốn khổ.

(4) *Nghệ thuật ngôn từ* : loại nghệ thuật dùng ngôn ngữ (tiếng nói, chữ viết) để biểu đạt nội dung. VHDG và văn học viết được coi là hai hình thức khác nhau của cùng một loại nghệ thuật - nghệ thuật ngôn từ.

(5) *Văn* : chuyện đặt ra bằng ca vắn. Ở đây chỉ các thể thơ ca dân gian gồm hai, ba, bốn, năm tiếng một dòng thơ. Ví dụ : *Xla cá mè, Dè cá chép...* (văn ba) ; *Con công nó múa, Nó múa làm sao, ...* (văn bốn), v.v...

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP (Về VHDG Việt Nam)

I - NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ÔN TẬP

1. Về mỗi thể loại đã học, cần nắm lại :

- Định nghĩa sơ lược về thể loại (mục *Tiểu dẫn*) ;

- Những truyện, câu, bài đã học và đọc thêm (ở mức kể lại, đọc lại được và nêu được ý nghĩa của từng tác phẩm trong số đó) ;

- Nắm chắc, hiểu sâu và có một vài cảm nghĩ riêng về 2 - 3 tác phẩm mà em thật sự thích thú.

2. Dựa vào bài *Văn học dân gian là gì ?* (*Văn học 6*, Tập một) và dùng những kiến thức cụ thể về các thể loại đã học và ôn tập (câu hỏi 1), hãy trình bày những hiểu biết của em về những giá trị và ý nghĩa sau đây của VHDG Việt Nam :

a) VHDG giúp chúng ta hiểu thêm (hoặc hiểu đúng, hiểu sâu hơn) về cuộc sống của nhân dân thời quá khứ và về con người Việt Nam truyền thống.

b) VHDG là những sáng tác nghệ thuật nhưng có tác dụng bổ sung, đính chính, sàng lọc những kiến thức của chúng ta về lịch sử dân tộc.

c) VHDG có tác dụng giáo dục về nhiều mặt. Em hãy nêu lên một tác dụng giáo dục mà riêng em cảm nhận được thấm thía hơn cả (kể cả tác dụng phát triển ý thức về cái đẹp, lòng yêu cái đẹp : cái đẹp trong cuộc sống, cái đẹp nơi con người, cái đẹp của thiên nhiên, cái đẹp của tiếng Việt,...).

II - MỘT SỐ HÌNH THỨC ÔN TẬP KHÁC

1. Tổ chức những cuộc thi kể chuyện (các thể loại truyền kể), đọc ca dao, vè (nhớ đúng, kể hoặc đọc diễn cảm tốt, trả lời được câu hỏi về ý nghĩa chung của tác phẩm hoặc về một chi tiết nghệ thuật nào đó trong tác phẩm).

2. Tập viết những đoạn văn ngắn về những điều cảm nhận được khi đọc, nghe một tác phẩm VHDG (chú trọng ca dao và truyện cổ tích).

3. Tự tổng kết những điều học được về tiếng Việt khi học phần VHDG ; những ghi nhận về sự giống nhau và những nét khác biệt giữa truyện dân gian Việt Nam và truyện dân gian nước ngoài (trong chương trình).

4. Ghi lại những điều em cảm thấy chưa hiểu rõ hoặc cảm thấy có chỗ băn khoăn về nội dung ý nghĩa một vài tác phẩm VHDG để hỏi thầy giáo, cô giáo.

PHẦN HAI VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Bài 1 TIẾNG CHỐI TRE

TỐ HỮU

TIỂU DẪN

Bài thơ *Tiếng chối tre* rút từ tập thơ *Gió lộng* của Tố Hữu. (Về nhà thơ Tố Hữu, xem giới thiệu ở phần *Tiểu dẫn* của bài *Lượm* trong sách *Văn học 6*, Tập một).



* Những đêm hè
 Khi ve ve
 Đã ngủ
 Tôi lắng nghe
 Trên đường Trần Phú⁽¹⁾
 Tiếng chổi tre
 Xao xác
 Hàng me
 Tiếng chổi tre
 Đêm hè
 Quét rác...

Những đêm đông
 Khi cơn giông
 Vừa tắt
 Tôi đứng trông
 Trên đường lặng ngắt
 *Chị lao công
 Như sắt
 Như đồng
 Chị lao công
 Đêm đông
 Quét rác.

Chú giải

(1) Đường Trần Phú : tên một đường phố ở Hà Nội.

(2) Ngọc Hà : tên một làng trồng hoa lâu đời ở Hà Nội, nay cũng thuộc quận Ba Đình, không xa đường Trần Phú.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

* 1. Bài thơ được làm theo thể thơ tự do, số tiếng trong mỗi dòng thơ không đều, ngắt nhịp ngắn, nhưng vẫn liên mạch trong ý, lời, vần và nhạc điệu. Khi đọc cần chú ý ngắt nhịp cho đúng với các dòng thơ - một nhịp điệu ngắn, gọn nhưng có âm vang, mô phỏng nhịp của các động tác quét rác của người lao công, đồng thời cũng thể hiện sự chăm chú lắng nghe, những cảm xúc lắng đọng và suy tư của nhà thơ trước công việc và hình

† Sáng mai ra
 Gánh hàng hoa
 Xuống chợ
 Hoa Ngọc Hà⁽²⁾
 Trên đường rực nở
 Hương bay xa
 Thơm ngát
 Đường ta
 Nhớ nghe hoa
 Người quét rác
 Đêm qua.

Nhớ em nghe
 Tiếng chổi tre
 Chị quét
 Những đêm hè
 Đêm đông gió rét
 Tiếng chổi tre
 Sớm tối
 Đi về
 Giữ sạch lẽ
 Đẹp lối
 Em nghe !

6.1960

ảnh của người lao công quét rác, một công việc âm thầm lặng lẽ trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Đoạn đầu cần đọc với giọng nhẹ nhàng thể hiện sự lắng nghe chăm chú âm thanh tiếng chổi tre vọng lại, đoạn hai đọc ngắt nhịp rõ ràng, mạnh hơn, tạo âm vang hơn. Đoạn tiếp theo đọc với giọng tươi vui, nhẹ nhàng chú ý các vần a, oa (Sáng mai ra, gánh hàng hoa...) tạo âm hưởng lan tỏa, trong sáng. Đoạn cuối đọc hơi lắng xuống thể hiện lời nhắc nhở tha thiết của tác giả.

2. Bài thơ này có hai phần khá rõ :

- Âm thanh tiếng chổi tre và hình ảnh chị lao công trong đêm khuya gợi những rung cảm của nhà thơ.

- Hình ảnh con đường hoa vào buổi sáng và lời nhắc nhở của tác giả.

Em hãy đọc kĩ bài thơ và tìm xem ứng với mỗi phần trên là từ câu thơ nào đến câu nào ?

3. Ngắt nhịp của những dòng thơ đầu là 3/3/2/3/4... Em hãy xác định nhịp của những câu thơ tiếp theo trong đoạn đầu (gồm 11 dòng thơ). Nhịp điệu ấy có được lặp lại ở các đoạn tiếp theo không ?

Em có nhận xét gì về nhịp điệu của bài thơ khi liên tưởng đến những âm thanh phát ra theo từng nhát chổi quét trên đường nhựa khô khốc ?

4. Chị lao công được khắc họa bằng hình ảnh nào, trong khung cảnh như thế nào ? Hình ảnh chị lao công gợi cho em cảm nghĩ gì ?

5. "Tiếng chổi tre/ Sớm tối/ Đi về/ Giữ sạch lẽ / Đẹp lối / Em nghe !" Em hiểu những câu thơ ấy như thế nào ? "Lẽ" và "lối" ở đây có nghĩa đen là gì ? Có thể hiểu nghĩa rộng hơn không và như thế nào ? Những lời nhắc nhở "Nhớ nghe hoa", "Nhớ em nghe", "Em nghe" được nhắc đi nhắc lại ở đoạn cuối nhằm nhấn mạnh ý gì ? Em có suy nghĩ gì về lời nhắc nhở ấy ?

* 6. Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

Bài 2

BÉP LỬA

BẢNG VIỆT

TIỂU DẪN

Bảng Việt tên là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây, thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Tác phẩm thơ : *Hương cây - Bếp lửa* (in chung với Lưu Quang Vũ, 1968) ; *Những gương mặt, những khoảng trời* (1973), *Đất sau mưa* (1977), *Khoảng cách giữa lời* (1984).

Bài thơ *Bếp lửa* (1963) ở trong số những bài thơ đầu tay của Bảng Việt, được sáng tác khi tác giả là sinh viên đang học tập ở xa đất nước.

*
 Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
 Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
 Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

Lên bốn tuổi, cháu đã quen mùi khói
 Năm ấy là năm đói mòn, đói mỏi
 Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
 Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
 Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay !

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
 Tu hú(1) kêu trên những cánh đồng xa
 Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà ?
 Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
 Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế !

Mẹ cùng cha công tác bận không về
 Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
 Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
 Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc.
 Tu hú ơi ! Chẳng đến ở cùng bà
 Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa ?

Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
 Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
 Đỡ dấn bà dựng lại túp lều tranh
 Vãn vãn lòng, bà dặn cháu đinh ninh :
 "Bố ở chiến khu(2), bố còn việc bố,
 Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,
 Cứ bảo nhà vẫn được bình yên !"
 Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
 Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
 Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng.

Lặn dạn đời bà biết mấy nắng mưa
 Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
 Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
 Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
 Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
 Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
 Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa !

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
 Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
 Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở :
 - Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?...

1963

Chú giải

(1) *Tu hú* : loài chim ăn sâu bọ, lớn hơn sáo, có lông màu đen tuyền hoặc điểm những đốm trắng, hay kêu vào đầu mùa hè.

(2) *Chiến khu* : vùng căn cứ của lực lượng cách mạng (thời trước Cách mạng tháng Tám 1945) hoặc lực lượng kháng chiến (trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1) Bài thơ tràn đầy cảm xúc, thể hiện những kỉ niệm thân thiết và một tình cảm chân thành, sâu nặng của người cháu về bà và tình bà cháu.

Dựa theo diễn biến tâm tư của nhân vật người cháu, em hãy xác định bố cục của bài thơ.

2. Người cháu trong bài thơ đã nhớ lại những kỉ niệm về bà và tình bà cháu. Đó là những kỉ niệm gì và trong hoàn cảnh như thế nào ?

Trong đoạn nhớ lại kỉ niệm quá khứ, những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ nào đã diễn tả được xúc cảm tràn đầy và tình cảm sâu nặng của người cháu về bà và tình bà cháu ?

Tiếng chim tu hú được nhắc lại nhiều lần trong đoạn này đã thể hiện điều gì trong tâm trạng của người cháu ?

3. Hình ảnh bếp lửa được nhắc đến bao nhiêu lần trong bài ? Tại sao khi nhắc đến bếp lửa là người cháu nhớ đến bà, và ngược lại, khi nhớ về bà là nhớ ngay đến hình ảnh bếp lửa ? Hình ảnh ấy mang những ý nghĩa gì trong bài thơ này ?

4. *Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
 Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
 Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng*

MÙA XUÂN CHÍN⁽¹⁾

HÀN MẶC TỬ

Tiểu dẫn

Hàn Mặc Tử (1912 – 1940) tên thật là Nguyễn Trọng Trí, quê ở Đồng Hới (Quảng Bình), nhưng chủ yếu sống ở Quy Nhơn (Bình Định), mất cũng ở Quy Nhơn, do bệnh phong. Ông là một trong những tên tuổi nổi bật của phong trào Thơ mới, với một hồn thơ mãnh liệt, đau thương và kì dị. *Mùa xuân chín*, *Đầy thôn Vĩ Dạ*, *Tình quê*... là những bài thơ đầy thơ mộng viết về cảnh quê, tình quê của Hàn Mặc Tử.

Tác phẩm chính đã xuất bản : *Gái quê* (tập thơ, 1936), *Thơ Hàn Mặc Tử* (1942).

Trong làn nắng ửng : khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lí⁽²⁾. Bóng xuân sang.

Sóng cỏ⁽³⁾ xanh tươi gợn tới trời,
Bao cô thôn nữ⁽⁴⁾ hát trên đồi;
– Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi,
Hồn hển như lời của nước mây...
Thăm thĩ⁽⁵⁾ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí băng khuâng sức nhớ làng.
– Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang ?

(Theo *Thi nhân Việt Nam*. Sách đã dẫn)

Chú giải

(1) *Mùa xuân chín* : có thể hiểu là mùa xuân đang độ chín, tức là đậm vẻ xuân nhất.

(2) *Thiên lí* : một loại cây leo, có hoa nhỏ màu vàng lục, mùi thơm nhẹ, thường được trồng thành giàn để lấy bóng râm mát. Hoa có thể nấu canh ăn được.

(3) *Sóng cỏ* : bãi cỏ xanh rợn, rập rờn như sóng.

(4) *Thôn nữ* : cô gái quê.

(5) *Thăm thĩ* (từ nay ít dùng) : thăm thì, thiết tha.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc diễn cảm một lượt bài thơ và cho biết cảm nhận chung, ấn tượng đậm nhất của em về bài thơ. Em cảm thấy thích những câu thơ nào nhất ? Vì sao ?

2. Bài thơ là một bức tranh mùa xuân nơi thôn dã, tất cả đều đậm vẻ xuân, xuân trong cảnh vật và xuân trong lòng người. Em hãy phân tích các chi tiết thơ để làm sáng tỏ nhận xét đó.

3. Em có cảm nhận gì về hai câu thơ cuối cùng ? (chú ý hình ảnh "chị ấy" gánh thóc dọc bờ sông nắng và âm hưởng đầy gợi cảm của câu cuối cùng, tạo nên bởi một loạt điệp âm : sông trắng nắng chang chang).

4. Nhận xét của em về những nét đặc sắc nghệ thuật nổi bật của bài thơ.

CHỢ TẾT

ĐOÀN VĂN CỪ

Tiểu dẫn

Đoàn Văn Cừ (sinh năm 1913) ở làng Đô Quan, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Trước Cách mạng, ông chỉ có mấy bài đăng báo nhưng đã chứng tỏ là một cây bút thơ chuyên thể hiện những cảnh sắc độc đáo của thôn quê, nhất là những cảnh hội hè, đình đám. Thơ Đoàn Văn Cừ thường "đầy rẫy sự sống và rộn rịp những hình sắc tươi vui" (*Thi nhân Việt Nam*, 1942).

Sau Cách mạng, Đoàn Văn Cừ gia nhập quân đội, tiếp tục sáng tác phục vụ kháng chiến và ca ngợi quê hương đổi mới.

Vì sao ở hai câu dưới tác giả dùng từ "ngọn lửa" mà không nhắc lại "bếp lửa"? "Ngọn lửa" ở đây có ý nghĩa gì? Em hiểu những câu thơ trên như thế nào?

5. Tập đọc diễn cảm bài thơ.

Học thuộc lòng bài thơ.

Bài 3

CHIẾC LƯỢC NGÀ

NGUYỄN QUANG SÁNG

TIỂU DẪN

Nhà văn Nguyễn Quang Sáng (còn có bút danh Nguyễn Sáng) sinh năm 1932, quê ở tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp ông là bộ đội chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ. Sau khi tập kết ra miền Bắc, ông bắt đầu viết văn. Trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ông trở lại chiến trường Nam Bộ hoạt động và sáng tác văn học.

Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng hầu hết đều viết về con người và cuộc sống ở Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến và hiện tại. Tác phẩm chính: Các tập truyện ngắn *Con chim vàng*, *Người quê hương*, *Chiếc lược ngà*, *Bông cẩm thạch*, *Người con đi xa*, *Con mèo của Fujita...*; các tiểu thuyết *Đất lửa*, *Mùa gió chướng*, *Dòng sông thơ ấu*.

Truyện *Chiếc lược ngà* (1966) rút từ tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Quang Sáng, được sáng tác trong thời kì tác giả tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam.

*
* *

Vào một đêm trời sáng trăng suông, trong một ngôi nhà nhỏ giữa Tháp Mười mà xung quanh nước đã lên đầy, nói cho đúng, đây là cái trạm của đường dây giao thông, nhà nhỏ nhưng người lại đông. Chưa đến chuyển đi, chúng tôi còn phải đợi. Ban ngày, chúng tôi chẳng biết đi đâu, hết nằm lại ngồi, có lúc thấy cuống chân, thật tù túng, nhưng lại có cái thú bù lại là thọc cần câu ra khỏi nhà câu cá. Ngày câu cá đã đủ ăn rồi, đêm không ai muốn câu nữa.

Trong lúc nhàn rỗi ấy, chúng tôi thường hay kể chuyện. Và tôi nghe câu chuyện này của một đồng chí già kể lại. Ông vốn là người hay chuyện - nhiều nhất là chuyện tiểu lâm, có cả tiểu lâm kháng chiến nữa, chuyện nào cũng làm cho chúng tôi cười lăn, cười bò. Trước khi kể, bao giờ ông cũng cười mỉm, mặt trở nên hóm hỉnh, đúng là ông lão có duyên già. Nhưng hôm ấy, ông đâm ra khác thường. Ông già kể nhưng vẫn ngồi im, đầu hơi cúi xuống, trầm lặng, mặt ngược nhìn ra mênh mông. Chắc là một chuyện cảm động, chúng tôi đoán như vậy và không đùa nữa.

Bên ngoài một cơn gió ù ù thổi tới. Cái trạm này - một ngôi nhà cất chen vào giữa một chòm cây giữa khu rừng tràm thưa, mỗi khi có một cơn gió, sóng nổi nhau đập vào tán cây, nhà lại rung lên và lắc lư như một con thuyền đang chơi vơi giữa biển. Sóng đập đều đều vào các chòm cây. Đàn cò đứng ngủ không yên, một vài con vỗ cánh bay chơi vơi. Sóng gió như nhắc nhở ông điều gì. Ông nghiêng tai lắng nghe. Khi cơn gió thổi qua, mặt nước trở lại yên lặng, ông mới ngẩng lên và nói. Ông nói với chúng tôi mà như nói với cả trời nước vậy, ông không nhìn vào chúng tôi mà nhìn ra biển nước chân trời và các vì sao.

- Chuyện xảy ra cách đây đã hơn một năm rồi, mà mỗi lần nhớ lại, tôi cứ bàng hoàng như vừa thấy một giấc mơ - ông mở đầu với giọng trầm đục và tiếp: Hôm đó, tôi đi từ trạm M.G. đến trạm L.A. Khi chiếc xuồng máy đuôi tôm vừa xô ra bến thì chúng tôi ai cũng muốn biết người lái ấy là ai. Không phải tò mò mà cần phải biết. Bởi vì trước khi đi, người trạm trưởng có báo với chúng tôi đó là một đoạn đường dài, một đoạn đi xuống máy, một đoạn đi bộ, đi xuống để gặp trực thăng soi ⁽¹⁾, đi bộ thì dễ gặp biệt kích. Gặp trực thăng soi, anh em phải bình tĩnh, không được nhốn nháo, không được tự động mà phải tuyệt đối tuân theo sự điều khiển của người lái. Nói như vậy có nghĩa là sinh mạng mình phải hoàn toàn phó thác cho người cầm lái ấy, có phải không các bạn. Cho nên, tôi cần nhìn, cần biết rõ người đang cầm giữ sinh mạng mình. Nhưng trời đã tối rồi, tôi chỉ thấy đó là một cô gái người mảnh khảnh, vai mang cây "cạc - bin" bá xếp ⁽²⁾ của Mỹ, đầu chít khăn, dáng điệu gọn gàng.

Trước đó, tôi có được nghe tiếng đồn trạm này có một cô giao liên rất thông minh. Một hôm cô dẫn một đoàn khách sắp sửa qua sông, cô để khách dừng lại ngoài ruộng xa. Cô và một giao liên nữa tiến trước dọn đường. Đến vườn cây bở sông, cô thấy mình đã lọt vào ổ phục kích của địch. Nhưng cô không bối rối. Cô vừa gọi người bạn của mình vừa nói, cô cố ý nói lớn cho bọn địch nghe: "Tĩnh hình yên, không có gì, anh trở lại dẫn khách đi, còn tôi sang sông lắc xuống đem qua". Trong câu nói ấy có ám hiệu ⁽³⁾. Anh giao liên liền quay lại, ôm ái đưa khách bọc qua ngã khác, vượt sông cách đó độ một vài cây số. Còn cô ta, trước khi qua sông cô còn gài lại hai trái lựu đạn. Cô qua sông thế là thoát. Còn đám biệt kích kia, bọn nó tưởng thật, định hốt ⁽⁴⁾ cả một đoàn khách nên chẳng dám rục rịch, nhưng nó cứ chờ. Chờ mãi, bọn nó biết, nó chửi rủa nhau: trong lúc lục tục kéo về lối quố thể nào lại vấp cả hai quả lựu đạn gài, rụng hết mấy mạng. Qua chuyện đó, người ta thêm thất rằng, cô giao liên ấy có cái mũi rất thính, cô dùng mũi để nghe mùi địch và có thể phân biệt được thằng nào là Mỹ, thằng nào là ngụy nữa.

Tôi nghĩ, nếu người nữ giao liên ấy là cô đang lái chiếc xuồng máy này thì mình không đến nỗi lo lắng. Tôi muốn hỏi nhưng thấy không tiện nên đành phải hỏi khéo:

- Ở trạm này có mấy cháu nữ vậy hở cháu?

- Dạ một chị là chị nuôi với cháu nữa là hai.

Vậy là cô nữ giao liên này rồi, tôi cảm thấy mừng. Nghe giọng cô nói, tôi đoán cô bé độ mười tám hai mươi là cùng. Tôi cảm thấy mến, muốn hỏi thăm nhưng thấy cô đang lom khom quán dây vào bánh trôn nên lại thôi. Quán dây vào bánh trôn xong, cô đứng thẳng người, quay lại nói với xuồng sau:

- Tôi đi trước nhé!

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
 Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh,
 Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,
 Người các ấp⁽¹⁾ từng bừng ra chợ Tết.
 Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc ;
 Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
 Vài cụ già chống gậy bước lom khom,
 Cô yếm thắm che môi cười lạng lẽ,
 Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ.
 Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu,
 Con bò vàng ngộ nghĩnh đuối theo sau.
 Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,
 Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,
 Núi uốn mình trong chiếc áo the⁽²⁾ xanh,
 Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh⁽³⁾.

Người mua bán ra vào đầy cổng chợ
 Con trâu đứng vờ dìm hai mắt ngủ,
 Để lắng nghe người khách nói bô bô.
 Anh hàng tranh kiu kịt quảy đôi bờ,
 Tìm đến chỗ đông người ngồi gỡ bán.
 Một thầy khóa⁽⁴⁾ gò lưng trên cánh phản,
 Tay mài nghiên⁽⁵⁾ hí hoáy viết thơ xuân.
 Cụ đồ nho⁽⁶⁾ dừng lại vuốt râu cằm,
 Miệng nhắm đọc vài hàng câu đối đỏ.
 Bà cụ lão bán hàng bên miếu⁽⁷⁾ cổ,
 Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.
 Chú hoa man⁽⁸⁾ đầu chít chiếc khăn nâu,
 Ngồi xếp lại đồng vàng⁽⁹⁾ trên mặt chiếu.
 Áo cụ lí⁽¹⁰⁾ bị người chen sấn kéo,
 Khăn trên đầu đương chít cũng tung ra.
 Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà
 Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.
 Mấy cô gái ôm nhau cười rữ rượi,
 Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa,

Những mẹt cam đỏ chót tựa son pha,
 Thúng gạo nếp đông đầy như núi tuyết,
 Con gà sống mào thâm như cục tiết,
 Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.

Chợ từng bừng như thế đến gần đêm.
 Khi chuông tối bên chùa văng vẳng đánh,
 Trên con đường đi các làng hẻo lánh,
 Những người quê lũ lượt trở ra về.
 Ánh dương⁽¹¹⁾ vàng trên cỏ kéo lê thê,
 Lá đa rụng rơi bởi quanh quẩn chợ.

(Theo *Thi nhân Việt Nam*. Sách đã dẫn)

Chú giải

(1) Ấp : làng, xóm nhỏ được lập nên do mới khai khẩn. Ấp còn có nghĩa là xóm ở biệt lập nơi xa.

(2) The : hàng dệt bằng sợi tơ nhỏ, mặt thưa, mỏng, thường dùng để may áo dài.

(3) Bình minh : lúc hừng sáng, khi mặt trời sắp mọc.

(4) Thầy khóa : gọi người học chữ Nho đã đỗ kì sát hạch ở địa phương trước đây ; cũng còn dùng gọi người học chữ Nho mà chưa đỗ đạt nói chung.

(5) Nghiên : xem chú giải (6) bài Ông đồ.

(6) Đồ nho : người dạy học chữ Nho ; người (lớn tuổi) theo học chữ Nho.

(7) Miếu : nơi thờ thần (hoặc thờ nhân vật đã thần linh hóa).

(8) Hoa man : người làm hàng mã.

(9) Vàng : ở đây là vàng mã ; vàng làm bằng giấy để cúng.

(10) Lí (gọi tắt) : lí trưởng, người đứng đầu chính quyền của làng trước đây.

(11) Ánh dương : ánh sáng mặt trời.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc một lượt cả bài thơ và hãy cho biết cảm nhận chung về bức tranh phiên chợ Tết ở làng quê được vẽ ra trong bài thơ. Tác giả cuốn *Thi nhân Việt Nam* (1942) có nhận xét rằng nhà thơ đồng quê Đoàn Văn Cừ

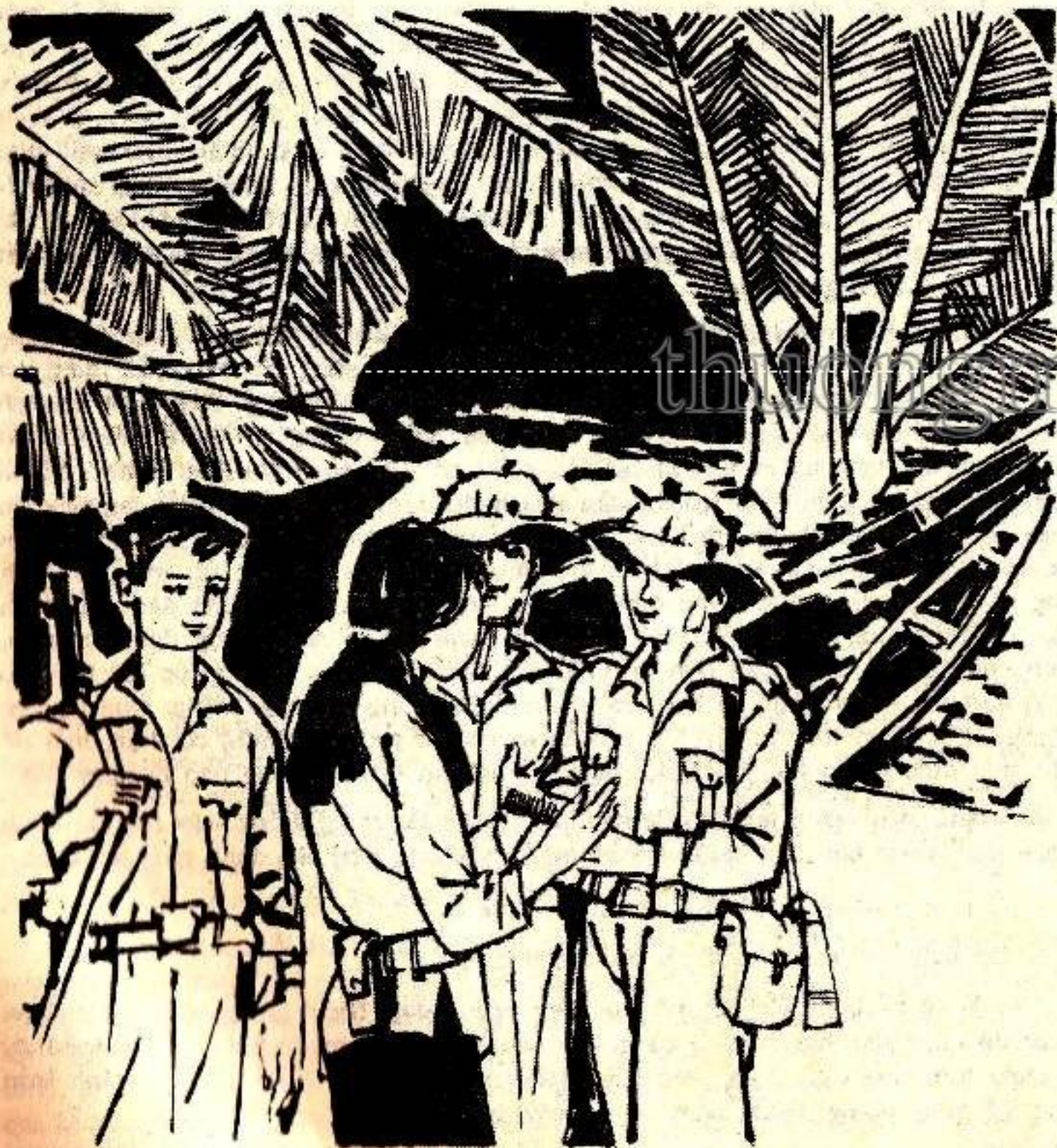
Mấy anh giao liên xuống sau nhao lên :

- Thôi chị Hai đi trước đi.

- Chị Út đi mạnh giỏi nhá ! Người gọi chị Hai, người gọi chị Út, chẳng biết cô thật thú mấy.

Cô đáp lại mấy câu láu lỉnh, gọi mấy chú giao liên là em, rồi quay lại chúng tôi hạ giọng hết sức lễ phép :

- Các bác, các chú, các anh có gì quan trọng nên để trong túi áo, hoặc để trong một cái gói riêng. Lỡ gặp trục trặc bắn hoặc biệt kích thì đồ quý không bị mất, bị cháy.



Cô báo cho chúng tôi những điều không may có thể xảy ra nhưng giọng nói lại dịu dàng - dễ thương nữa. Khác hẳn với giọng nói căng thẳng của ông trạm trưởng, nên tôi thấy không lo lắm. Nói xong, cô khom lưng, giật máy. Xuống rung lên theo tiếng máy nổ giòn, từ từ tách ra khỏi vòm cây rậm, rồi rào rào lướt tới. Gió thổi mát cả người, mát đến từng chân tóc. Nghe cô dặn, anh em khách lui húi mò bóng (5). Còn tôi, tôi có cái gì quý ngoài giấy tờ, tiền ăn đường đã để sẵn trong túi ? Tôi chợt nhớ đến cây lược ngà nhỏ. Tôi liền mở bóng, thò lấy cây lược, cho vào túi nhái đựng giấy tờ, bỏ vào túi ngực, rồi cài kim tây lại thật cẩn thận.

Các bạn ! Mỗi lần nhìn thấy cây lược ngà nhỏ ấy là mỗi lần tôi băn khoăn và ngậm ngùi. Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần ấy. Trong những ngày hòa bình⁽⁶⁾ vừa lập lại, tôi cùng về thăm quê với một người bạn. Nhà chúng tôi ở cạnh nhau, gần vòm⁽⁷⁾ kinh nhỏ đổ ra sông Cửu Long. Chúng tôi cùng thoát li đi kháng chiến⁽⁸⁾ đầu năm 1946, sau khi tỉnh nhà bị chiếm. Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh - và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi. Anh thứ sáu và cũng tên Sáu. Suốt mấy năm kháng chiến, chị Sáu có đến thăm anh mấy lần. Lần nào anh cũng bảo chị đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông⁽⁹⁾ không đơn giản. Chị không dám đưa con qua rừng. Nghe chị nói có lý, anh không trách được. Anh chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi. Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuống vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi, tóc cắt ngang tai, mặc quần đen, áo bông⁽¹⁰⁾ đang chơi nhà chòi⁽¹¹⁾ dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuống cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuống tạt ra, khiến tôi bị chới với. Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to :

- Thu ! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngo ngắc, lạ lẫm. Còn anh anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết sẹo⁽¹²⁾ dài trên má phải anh lại đỏ ửng lên,

"có ngòi bút dồi dào và rực rỡ", thơ ông "đầy rẫy sự sống và rộn rịp những hình sắc tươi vui". Qua bài *Chợ Tết*, em hãy chứng minh nhận xét đó.

2. Em thích những câu thơ nào hơn cả trong bài thơ và cho biết vì sao?

3. Hãy phân tích cái hay của đoạn thơ :

*Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,
Tia nắng tia nháy hoài trong ruộng lúa,
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
Đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh ;*

và hai câu : *Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,*

Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.

4. Em có nhận xét gì về hai câu kết thúc bài thơ :

Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,

Lá đa rụng tơi bời quanh quán chợ.

Bài 11

GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

THẠCH LAM

Tiểu dẫn

Thạch Lam (1910 – 1942), tên thật là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, sinh ở Hà Nội, sống và sáng tác chủ yếu ở Hà Nội. Thạch Lam sở trường về truyện ngắn; truyện ngắn Thạch Lam giàu chất thơ và thường thấm đượm niềm cảm thương chân thành đối với những kiếp người bất hạnh.

Tác phẩm chính : các tập truyện ngắn *Gió đầu mùa* (1937), *Nắng trong vườn* (1938), *Sợi tóc* (1942) ; tập tùy bút *Hà Nội băm sáu phố phường* (1943) ; tập tiểu luận, phê bình văn học *Theo dòng* (1941).

Truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa* được in trong tập *Gió đầu mùa* (1937).

Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua trời hãy còn nắng ấm và hanh,

cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đồng ruộng, và làm giòn khô những chiếc lá rơi ; Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

Thế mà qua một đêm mưa rào⁽¹⁾, trời bỗng đổi ra gió bắc⁽²⁾ rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nắm tay ngủ kĩ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò⁽³⁾ để pha nước chè uống. Sơn nhận thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.

Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những làn bụi nhỏ, thổi lẫn những cái lá khô lạo xạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trong chậu, lá rung động và hình như sắp lại⁽⁴⁾ vì rét.

Sơn cũng thấy lạnh, vội vợ lấy cái chăn trùm lên đầu rồi cất tiếng gọi. Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan :

– Con vào buồng lấy thùng áo ra, mẹ mặc cho em đi.

Rồi quay lại bảo Sơn :

– Con sang đây mà ngồi cho ấm. Bước khéo để cho em bé ngủ.

Sơn kéo chăn lên đắp cho em, rồi co ro đứng dậy sang phản bên này, ngồi xếp bằng bên khay nước. Mẹ Sơn rót một chén. Sơn cầm lấy chén nóng áp vào mặt, vào má cho ấm rồi để mắt vào miệng chén cho hơi bốc lên. Bà Sơn thường vẫn bảo làm thế chóng tỉnh mắt.

Người vú già⁽⁵⁾ xù xù cái áo bông cánh⁽⁶⁾ rách, xách siêu nước từ dưới nhà lên, vừa xuýt xoa vừa nói :

– Rét quá, mức nước cống cả tay.

Vú giơ tay hơ trên hỏa lò. Mẹ Sơn hỏi :

– Năm nay rét sớm hơn mọi năm vú nhỉ ?

Người vú già ra vẻ nhớ lại, đáp :

giần giật, trông rất dễ sợ. Với vẻ mặt xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chậm chậm bước tới, giọng lập bập run run :

- Ba đây con !

- Ba đây con !

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên : "Má ! Má !" . Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương, và hai tay buông xuống như bị gãy.

Vì đường xa, chúng tôi chỉ ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày ngắn ngủi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha... Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về con bé càng dẫy ra. Anh mong được nghe một tiếng "ba" của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại :

- Thì má cứ kêu đi.

Mẹ nó đâm nổi giận, quơ đũa bếp⁽¹³⁾ dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống :

- Vô ăn cơm !

Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe chờ nó gọi "Ba vô ăn cơm". Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra :

- Cơm chín rồi !

Anh cũng không quay lại. Con bé bức quá, quay lại mẹ và bảo :

- Con kêu rồi mà người ta không nghe.

Anh quay lại nhìn con, vừa khe khẽ lắc đầu và cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi. Bữa sau, mẹ nó đang nấu cơm thì chạy đi mua thức ăn, mẹ nó dặn, ở nhà có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nó không nói không rằng, cứ lúi cuội dưới bếp. Nghe nổi cơm sôi, nó dờ dập, lấy đũa bếp sơ qua. Nổi cơm hơi to, nhằm không thể nhắc xuống để chắt nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu.

Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị đồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba nó thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên :

- Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái ! - Nó cũng lại nói trống.

Tôi lên tiếng mở đường cho nó :

- Cháu phải gọi "Ba chắt nước giùm con", phải nói như vậy.

Nó như không nghe đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên :

- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ !

Anh Sáu vẫn cứ ngồi im. Tôi dọa nó :

- Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cháu cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu nói một tiếng "ba" không được sao ?

Lúc đó nổi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống vẻ nghĩ ngợi. Nhưng nó vẫn không chịu thua. Nó lấy giẻ định nhắc lấy nổi. Nhắc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nổi cơm, rồi nhìn lên chúng tôi. Thấy nó lúng lúng tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào nó cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá⁽¹⁴⁾ múc ra từng vá nước miệng lấm bầm, điều gì không rõ. Con bé dáo dẻ thật.

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên :

- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả ?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào, nó cầm đũa, gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy. Bước ra khỏi mâm. Xuống bếp, nó nháy xuống xuống, mở lòi tới⁽¹⁵⁾, cố ý làm cho dây lòi tới khua rồn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, mét⁽¹⁶⁾ với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về. Ngày mai anh

– Cũng chả bằng cái năm mợ đi cân gạo⁽⁷⁾ bên sông. Gớm, mới rét làm sao ! Sáng tôi dậy bà sai đi chợ, cứ run cầm cập.

Sơn cũng nhớ cái rét năm ấy rõ rệt lắm, như mới đây thôi, buổi sớm hôm ấy, mẹ Sơn cũng ngồi uống nước chè như sáng hôm nay và cũng lấy áo rét ra mặc. Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng quần áo đặt lên đầu phản. Mẹ Sơn lật cái vĩ buồm⁽⁸⁾, lục đồng quần áo rét. Sơn nhận ra cũng những cái áo Sơn đã mặc năm ngoái, năm kia, một cái áo vệ sinh màu nâu sẫm với cái áo dạ khâu chỉ đỏ. Sơn cầm giơ những cái áo lên, thấy mát lạnh cả tay. Từ bộ quần áo thoảng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn nhớ lại những buổi đầu mùa rét từ bao giờ, lâu lắm, ngày Sơn còn nhỏ.

Mẹ Sơn giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn, nói :

– Đây là cái áo của cô Duyên đây.

Duyên là đứa em gái bé của Sơn, chết từ năm lên bốn tuổi. Mẹ Sơn nhắc đến làm Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá.



Vú già là người đã nuôi Duyên từ lúc mới đẻ, với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ :

– Giá bây giờ em nó còn cũng chả mặc được.

Mẹ Sơn yên lặng không nói gì, Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.

*
* *
*

Sơn đã mặc xong áo ấm áp, cả cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm. Sơn đứng trên giường trước mặt mẹ, đã quay đi quay lại bốn lần để mẹ Sơn ngắm áo.

Sau cùng, mẹ Sơn vuốt các tà áo cho phẳng phiu, rồi đẩy Sơn ra, bảo :

– Thôi, con đi chơi.

Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi. Nhà Sơn ở quay lưng vào chợ, cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả, vì họ vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn. Sơn biết lũ trẻ con gia đình ấy chắc bây giờ đang đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo.

Không phải ngày phiên, nên chợ vắng không. Mấy cái quán chợ vỡ lòng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa Sơn thấy rõ như gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ kêu vang lên tanh tanh dưới nhịp guốc của hai chị em.

Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với lũ trẻ chứ không kiêu kì⁽⁹⁾ và khinh khỉnh⁽¹⁰⁾ như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, thằng Xuân, con Tí, con Túc sán gần giương mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại, và qua những chỗ áo

Sáu phải đi, đó là đêm cuối cùng của hai anh chị, chị cũng không muốn bắt nó về.

Sáng hôm sau bà con bên nội, bên ngoại đến rất đông, cả con bé cũng theo ngoại nó về. Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa. Còn chị Sáu thì lo chuẩn bị đồ đạc cho chồng, chị lo xếp từng chiếc áo, gói ghém đồ đạc vụn vặt vào cái túi nhỏ, chị cứ lúi húi bên chiếc ba lô. Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không buồn cười hay nhăn mày cau có nữa. Vẻ mặt nó sẫm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt thơ ngây của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mí dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lẫm, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.

Đến lúc chia tay mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt tìm con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi ! Ba đi nghe con ! - Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên :

- Ba... Ba !

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó nhảy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót⁽¹⁷⁾ nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc :

- Ba ! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó khắp mọi nơi. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, ngoại nó cho tôi biết, đêm qua, bà đã tìm hiểu được vì sao nó không chịu nhận ba nó. Bà hỏi :

- Ba con, sao con không nhận ?

- Không phải. - Đang nằm mà nó cũng giẫy lên.

- Sao con biết là không phải ? Ba con đi lâu, con quên rồi chứ gì ?

- Ba không giống cái hình ba chụp với má.

- Sao lại không giống, đi lâu, ba con già hơn trước thôi.

- Cũng không phải già. Mặt ba con không có cái thẹo trên mặt như vậy.

À ra vậy, bây giờ bà mới biết. Té ra nó không nhận ba nó là vì cái vết thẹo. Bà nói cho biết, ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương. Bà lại nhắc tội ác mấy thằng Tây ở đồn đầu vằm cho nó nhớ. Nghe bà kể nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn. Sáng hôm sau, nó lại bảo ngoại đưa nó về. Nó vừa nhận ra thì ba nó đã đến lúc phải đi rồi.

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghim được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con :

- Ba đi rồi ba về với con.

- Không ! Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lại cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi ôm chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt. Còn tôi, tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay nắm lấy trái tim tôi. Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, muốn bảo anh ở lại

rách, da thịt thâm đi, mỗi cơn gió đến, chúng nó lại run lên, hai hàm răng đập vào nhau.

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tặc lưỡi, nói :

– Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ ?

Đứa khác nói :

– Ngày trước thấy tao cũng có một cái áo như thế về sau bán cho ông Lí mất.

Con Cúc ngây ngô giương mắt lên hỏi Sơn :

– Cái này cậu mua tận Hà Nội phải không ?

Sơn ưỡn ngực đáp :

– Hà Nội, chứ ở đây làm gì có. Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo nhiều tiền hơn nữa kia.

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, chị Lan gọi :

– Sao không lại đây, Hiền ? Lại đây chơi với tôi.

Hiền là đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần, trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi :

– Sao áo của mày rách thế Hiền ? Áo lành đâu không mặc ?

Con bé bịu xiu⁽¹¹⁾ nói :

– Hết áo rồi, chỉ còn cái áo này.

– Sao không bảo u mày may cho ?

Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiền rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng chơi với Hiền đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm :

– Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

– Ủ khá đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui.

*

* *

Nhưng cái vui của Sơn không được bao lâu. Bữa cơm về tới nhà, Sơn không thấy mẹ đâu cả, hỏi vú già :

– Mẹ tôi đâu hả vú ?

– Chị Lan và cậu cứ ăn cơm trước đi. Mẹ cậu ăn cỗ đến trưa mới về.

Rồi vú già nhìn rõ vào mặt Sơn hỏi :

– Có phải cậu đem cho con Hiền cái áo bông cũ phải không ?

Sơn ngạc nhiên đáp :

Phải, nhưng sao vú biết ?

– Con Sinh nó nói với tôi đấy (Sinh là đứa em họ Sơn, vẫn hay nói hỗn với u già, nên vú ấy ghét). Nó lại còn bảo hễ mẹ về, nó sẽ sang mách mẹ cho cậu phải đòn.

Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van :

– Thế bây giờ làm thế nào, hở vú ? Mẹ tôi biết thì chết.

– Ai bảo cậu đại dốt đem cho nó áo ? Bây giờ cậu sang bảo cái Hiền trả lại thì không việc gì.

Sơn vội vàng đi ra chợ tìm Hiền nhưng không thấy con bé ở đó. Đến nhà cũng không thấy ai, mẹ nó cũng không có nhà. Hai chị em lo sợ đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp. Gần đến buổi chiều, Sơn và chị chưa đòi được áo.

Lan trách em :

– Sao em lại nghĩ đem cho nó áo ấy, có phải bây giờ mẹ mắng chết không.

vài hôm. Nhưng thật khó, chúng tôi chưa biết mình sẽ đi tập kết hay ở lại. Chúng tôi cần về đúng ngày, nhận lệnh để kịp chuẩn bị. Thế là đã đến lúc phải đi rồi mọi người phải xúm lại vỗ về nó, mẹ nó bảo :

- Thu ! Con. Để ba con đi. Thống nhất rồi ba con về.

Bà ngoại nó vừa vuốt tóc nó vừa dỗ :

- Cháu của ngoại giỏi⁽¹⁸⁾ lắm mà ! Cháu để ba cháu đi rồi ba sẽ mua về cho cháu một cây lược.

Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và meo meo :

- Ba về ! Ba mua cho con một cây lược nghe ba.

Nó nói trong tiếng nấc, vừa nói vừa từ từ tuột xuống.

Sau đó, hai chúng tôi trở lại miền Đông. Chúng tôi là cán bộ đoàn thể, chúng tôi không đi tập kết. Từ năm năm mươi tư đến năm mươi tám, năm mươi chín là những năm khó khăn, các bạn đã biết rồi. Về công việc và đời sống ở rừng, tôi có thể kể cho đến sáng, có đêm bị biệt kích vây bắt đến ba lần, có ngày không gạo ăn, ăn toàn là bắp⁽¹⁹⁾, nhưng thôi, đó là chuyện khác. Tôi xin trở lại mối tình cha con của bạn tôi. Những đêm rừng, nằm trên vông mắt chỉ thấy tấm ni lông nóc, lúc nhớ con, anh cứ ân hận sao mình lại đánh con. Nỗi khổ tâm đó nó cứ giày vò anh. Một hôm hai đứa đang rì rầm kể anh bỗng ngồi bật dậy :

- Phải rồi ! Ở rừng này, người ta thỉnh thoảng có bắn voi, mình phải làm một cây lược bằng ngà cho con bé mới được.

... Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó, buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu anh hốt hải chạy về tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó, anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cửa nhỏ, cửa khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh ngồi cửa từng chiếc răng lược, thận trọng

tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một mỗi nhiều. Một ngày, anh cửa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược đã được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng tấn mẩn khắc từng nét : "Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận khi đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám - năm đó ta chưa vỡ trang - trong một trận càn lớn của quân Mĩ - nguy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăn trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ thấy lại đôi mắt của anh.

Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

Các bạn ạ ! Trong những ngày đen tối ấy, người sống phải sống bí mật thì cũng đã đành một lẽ, còn người chết cũng phải chết bí mật nữa. Mộ của anh không thể đắp cao lên được - tìm thấy mộ mả, chúng sẽ đào lên và tìm ra dấu vết. Cho nên ngôi mộ của anh là ngôi mộ bằng, bằng phẳng như mặt rừng vậy. Tôi lấy dao khắc vào một gốc cây rừng cạnh chỗ anh nằm làm dấu cho dễ nhớ.

Sống như thế và chết như thế, hỏi vậy làm sao mà chịu được ? Chúng ta buộc phải căm sừng.

– Ai bảo chị về lấy. Nếu chị không về lấy thì em biết đâu.

Chị Lan đầu diu :

– Thôi, bây giờ phải về nhà vậy, chứ biết làm thế nào !

– Nhưng mà em sợ lắm.

Chị Lan thở dài, nắm chặt lấy tay em, an ủi :

– Đàng nào cũng phải về cơ mà. May ra có lẽ mẹ không mắng đâu.

Hai chị em lo lắng dắt nhau lên về nhà. Đến cửa Sơn nghe thấy tiếng mẹ nói ở trong với tiếng một người đàn bà khác nữa, nghe quen quen. Lan dắt tay Sơn khép nép⁽¹²⁾ bước vào : Hai chị em ngạc nhiên đứng sững ra khi thấy mẹ con Hiền đang ngồi ở cái ghế con, trên đất trước mặt mẹ, tay cầm chiếc áo bông cũ.

Thấy hai con về, mẹ Sơn ngửng lên nhìn rồi nghiêm nghị bảo :

– Kia, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đây ?

Sơn sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị. Bác Hiền vừa cười vừa nói :

– Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông, tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả nợ. Thôi, bây giờ xin phép mẹ tôi về.

Mẹ Sơn hỏi :

– Con Hiền nó không có áo à ?

– Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, chẳng để dành ra được đồng nào may áo cho con cả, thành thử vẫn cái áo từ năm ngoái nó mặc mãi.

Mẹ Sơn với cái âu đồng⁽¹³⁾ lấy tiền đưa cho bác Hiền :

– Đây tôi cho bác mượn năm hào cầm về nhà may áo cho con.

Khi bác Hiền bước ra khỏi cửa, mẹ Sơn vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm con vào lòng mà bảo :

– Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư ?

(Theo Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, Hà Nội, 1988)

Chú giải

(1) *Mưa rào* : mưa hạt to và nhiều nhưng mau tạnh.

(2) *Gió bắc* : gió mùa lạnh ở miền Bắc, thổi từ hướng đông bắc.

(3) *Hỏa lò* : lò than nhỏ.

(4) *Sắt lại* : khô se, rắn lại.

(5) *Vú già* (từ cũ) : người đàn bà đã nhiều tuổi đi ở.

(6) *Áo cánh* : áo ngắn, cổ đứng hoặc viền, xẻ tà, thường có hai túi dưới.

Áo bông cánh : áo bông ngắn.

(7) *Cân gạo* : ở đây có nghĩa là đóng gạo (để buôn).

(8) *Vì buồm* : tấm vải đan dùng để đẩy (hoặc lót) thúng, rổ.

(9) *Kiều kì* : làm ra vẻ trên người, khác người.

(10) *Khinh khinh* : tỏ vẻ khinh miệt, không thèm để ý đến người khác.

(11) *Bịu xịu* (từ nay ít dùng) : vẻ mặt, cách nói năng có ý hờn tủi.

(12) *Khép nép* : dáng điệu thu người nhỏ lại, thường vì kính sợ.

(13) *Âu đồng* : cái âu (đồ dùng miệng rộng, thành hơi phình ra, thường để đựng trái cây) bằng đồng. Âu cũng có thể bằng sành, sứ, thường để đựng cơm, thức ăn.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Cảnh thiên nhiên lúc chuyển mùa và cảnh sinh hoạt trong gia đình một buổi sớm trời trở lạnh được miêu tả như thế nào ? (Gợi ý : đọc kĩ đoạn đầu – truyện có ba đoạn được ngắt rõ rệt, chú ý sự quan sát, cảm nhận và diễn tả chính xác, tinh tế, rất gợi không khí của tác giả về một buổi sớm có “gió lạnh đầu mùa”).

2. Phân tích hình ảnh những đứa trẻ nghèo xóm chợ phải chịu rét khi trời trở lạnh và nỗi băn khoăn, ái ngại của chị em Sơn đối với chúng.

3. Phân tích diễn biến tâm trạng của chị em Sơn xung quanh việc tự ý lấy áo của em đem cho đứa bạn nghèo đang chịu rét. Vì sao mẹ Sơn không mắng mà lại âu yếm ôm các con vào lòng? Em có nhận xét gì về mẹ Sơn và hai chị em Sơn trong việc này ?

4. Em thấy ngòi bút miêu tả tâm lí trẻ em của tác giả có gì đặc sắc ?

Sau khi có căn cứ khá an toàn, người nhà tôi có đến thăm. Tôi định gửi cây lược ngà về cho cháu Thu, nhưng chị Sáu và cháu không còn ở làng nữa. Qua những lần tố cộng⁽²⁰⁾, những trận càn, những trận đốt làng đồn dân của bọn Mĩ, không có mấy năm mà làng nước tan tác đi nhiều lắm. Mỗi người đi mỗi nơi chẳng ai được tin ai. Người nhà tôi bảo có lúc nghe chị Sáu chạy lên Sài Gòn, có lúc lại nghe chị Sáu lại quay về Đồng Tháp, vì thế mà tôi giữ mãi cây lược của cháu.

Tôi cầm cây lược nhìn ngắm, lòng thấy buồn ngùi.

Trong lúc đó tiếng máy vẫn nổ giòn, và tôi lại muốn nhìn rõ cô giao liên - người đang giữ sinh mạng của mình. Đêm không tối, cũng không sáng, nền trời tràn qua nhiều lớp mây mỏng rải rác một vài chòm sao. Trời sáng mập mờ. Tôi chỉ nhìn thấy được dáng người của cô giao liên, gương mặt như hơi tròn và một đôi mắt, đôi mắt của người con gái thật là khó tả. Chẳng hiểu cơ sao, từ cái ánh mắt ấy, tôi dần dần thấy một người quen, quen lắm. Tôi cố nhớ, nhớ không ra, tôi thấy mình lẫn thẩn.

(Tóm tắt đoạn lược bỏ : Xuống gặp trực thăng Mĩ đi soi, lên bờ lại dựng biệt kích địch. Cô giao liên bình tĩnh chỉ huy đoàn khách tránh địch, cô ở lại chặn biệt kích. Đoàn khách tới địa điểm của trạm tiếp theo, dừng lại nghỉ).

... Nghe đâu đây có tiếng chân đi, tiếng người nói, tiếng cười đùa. Tôi chợt tỉnh dậy, thấy trời đã däm mây ngang, màn đêm như vén dần ra cánh đồng. Tôi thấy một nhóm người, chẳng nghe họ nói gì, nhưng biết là họ đang kể lại những chuyện sôi nổi, và tôi nhìn thấy cô giao liên, quần áo cô bần đất bê bết và đầm ướt. Thế là họ về kịp rồi.

Tôi vừa đến, họ cũng vừa chia tay ra. Bây giờ tôi mới nhìn rõ cô. Cô vừa chặn địch, vừa bước ra khỏi chỗ nguy hiểm mà mặt cứ phờ phợt. Mặc dù nước da có bị rám nắng, tôi trông cô không quá hai mươi tuổi. Con gái hai mươi tuổi không thể có cặp mắt trong sáng như thế, và cô mới ngày thơ làm sao, cô vẫn còn đeo bông tròn teng⁽²¹⁾, cô đi dần về phía tôi, tôi bỗng muốn tỏ lòng mến phục của tôi đối với cô, cả lòng cảm

ơn nữa. Nhưng chẳng lẽ lại nói như vậy, tôi mỉm cười chào cô và làm quen :

- Này cháu, bác lo cho cháu quá ! Cháu thứ mấy ?

- Dạ cháu thứ hai.

- Sao bác lại nghe có người gọi cháu là chị Út ? Chắc là cháu đã có...

- Dạ không ! - Cô giao liên chặn câu nói của tôi lại. - Cháu vừa thứ hai vừa thứ út là vì cháu là con một mà !

- Cháu là người ở làng nào mà sao bác thấy quen quen.

- Dạ cháu ở Cù Lao Giêng !

Nghe đến tên làng, tôi bỗng giật mình. Nhìn đôi mắt cô bé, ngực tôi bỗng phập phồng, và như có linh tính, tôi liền hỏi lại, hỏi dồn dập :

- Có phải Cù Lao Giêng, quận Chợ Mới, tỉnh Long Châu Sa không vậy cháu ?

- Dạ phải.

- Cháu tên gì ?

- Cháu tên Thu.

- Thu à ? - Tôi lặp lại và kinh ngạc.

Tôi lặp bập hỏi tiếp :

- Có phải ba cháu là Sáu, má cháu là Bình phải không ?

Cô bé kinh ngạc đến nỗi không nói được nữa, nó mở tròn mắt, nhìn khắp người tôi. Trong lúc đó, anh em giao liên trạm L.A kêu khách chuẩn bị lên đường. Nhưng tôi chẳng để ý, cũng chẳng muốn nghe, tôi quay lại và bảo :

- Chờ tôi một chút.

Tôi quay lại cô bé. Cả hai người vẫn hầy còn ngạc nhiên. Cô bé vẫn tròn mắt nhìn tôi. Đúng, đúng, đúng là đôi mắt của con cháu. Tôi thăm nghĩ và bảo :

- Có phải không cháu ?

TÔI ĐI HỌC

THANH TỊNH

Tiểu dẫn

Thanh Tịnh (1911-1988), tên thật là Trần Văn Ninh, sinh ở Huế. Trước Cách mạng ông vừa làm thơ, vừa viết truyện và viết báo. Truyện ngắn của Thanh Tịnh trước Cách mạng (tập hợp trong tập *Quê mẹ*, 1941) thường mang chất thơ, gần với truyện ngắn của Thạch Lam.

Tác phẩm chính trước Cách mạng : các tập truyện ngắn *Quê mẹ* (1941), *Chị và em* (1942), *Ngâm ngải tìm trầm* (1943), *Xuân và Sinh* (1944) ; tập thơ *Hận chiến trường* (1937) ; sau Cách mạng : tập thơ *Sức mồi hôi* (1954), *Những giọt nước biển* (1956), truyện thơ *Đi từ giữa một mùa sen* (1973)...

Truyện ngắn *Tôi đi học* in trong tập truyện ngắn *Quê mẹ* (1941) của tác giả.

Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường⁽¹⁾.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn. Dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi bặm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi :

– Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm :

– Thôi để mẹ cầm cũng được.

Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này : chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

Trước sân trường làng Mĩ Lí đầy đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang qua làng Hòa An bầy chim quyen với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần. Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng nào khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mặt tôi trường Mĩ Lí trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỏ ngõ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn

- Dạ... Sao bác biết ?

Tôi cố nén xúc động nhưng cũng lập bập nhắc lại :

- Bác là bác Ba đây này. Cháu có còn nhớ lúc ba cháu đi, ba cháu có hứa mua cho cháu cây lược không ?

Cô cháu khe khẽ gật đầu : "Dạ nhớ, dạ nhớ !".

Các bạn ạ ! Trong kháng chiến có những cuộc gặp gỡ thật tình cờ ! Tôi vừa nhìn cháu, vừa móc túi lấy ra cây lược.

- Ba cháu gởi cho cháu cây lược ngà này đây. Cây lược này do ba cháu làm.

Đôi mắt của cháu lại tròn to hơn, xúc động đến thần thờ. Cháu đưa tay nhận lấy cây lược. Cây lược như đánh thức kỉ niệm ngày chia tay, ngực cháu phập phồng. Thấy cháu nhìn ngắm cây lược, tim tôi bỗng nhói đau. Tôi biết cháu đang bàng hoàng trước hạnh phúc bất ngờ. Tôi không muốn làm gì xáo động đến hạnh phúc của cháu, tôi thấy cần phải nói dối :

- Ba cháu vẫn khỏe, ba cháu không về được, nên gửi cho bác.

Cháu Thu liền chớp mắt nhìn tôi, môi mấp máy run run :

- Chắc là bác lầm, cây lược này không phải của ba cháu.

Tôi đâm ra thất vọng, hoang mang nữa, tôi hỏi lại :

- Ba cháu tên là Sáu, má cháu tên Bình phải không ?

- Dạ phải. - Hình như cháu muốn khóc, mắt cháu đỏ hoe nhưng cố nén và nói :

- Nếu bác không lầm thì chắc bác sợ cháu buồn nên bác nói giấu cháu. Cháu biết ba cháu đã chết rồi. - Cháu chớp mắt, hai giọt lệ sắp rơi xuống bỗng vỡ ra tràn đầy qua đôi mắt. - Cháu chịu đựng được, bác đừng ngại, cháu nghe tin ba cháu chết đã hai năm rồi, sau đó thì cháu xin má cháu đi giao liên...

Cháu còn muốn nói gì nữa, nhưng giọng bị tắc nghẽn, đầu cúi nhìn xuống, mái tóc khẽ run run. Còn tôi, tôi lỡ nói dối nên chẳng biết nói thế nào nữa, đành im lặng.

Trong khi đó, anh em trong đoàn táo tác gọi tôi, giục tôi đi. Không thể nán được nữa, tôi đành phải vội vàng hỏi cháu địa chỉ, hỏi thăm qua mẹ cháu và bà con.

Nỗi mừng gặp gỡ bất ngờ khiến tôi chưa hết bàng hoàng thì lại phải chia tay. Nhìn cháu, tôi bỗng buột miệng nói :

- Thôi, ba đi nghe con !

Tôi không nghe cháu đáp lại, chỉ thấy đôi môi tái nhợt của cháu mấp máy.

Đi một quãng xa nhìn lại tôi thấy cháu có đi theo tôi một đoạn đường. Cháu dừng lại trên bờ mấu, những đợt sóng lúa xanh nhỏ nối nhau rập rờn như chạy đến vỗ về cháu. Sau lưng cháu là đám dừa bị chất độc hóa học mà tàu lá chỉ còn những cọng khô như những chiếc xương cá khổng lồ treo lủng lẳng, đợt non vừa mới đâm lên, xa trông như một rừng gương.

Lúc chia tay, tôi không nghe cháu gọi tôi là ba. Nhưng những lúc nằm một mình, nhớ lại thì tôi nghe tiếng gọi "ba" của cháu và tiếng "ba" như vang lên từ trong tâm tôi.

Thập Mười 23-9-1966

Chú giải

(1) Soi : rọi đèn để tìm.

(2) Bá xếp : báng gấp lại.

(3) Âm hiệu : dấu hiệu kín.

(4) Hốt : bắt.

(5) Bồng : túi thay cho ba-lô, có dây đeo.

(6) Hòa bình : chỉ việc lập lại hòa bình sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954).

(7) Vàm : cửa sông, cửa kênh (kênh).

(8) Kháng chiến : cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

(9) Miền Đông : miền Đông Nam Bộ.

(10) Áo bông : áo vải hoa.

(11) Chơi nhà chòi : cất lều con, một thú trò chơi của trẻ con nông thôn ở Nam Bộ.

(12) Theo : sẹo.

(13) Đũa bếp : đũa cả.

ngập ngừng e sợ. Họ thêm vụng và ước ao thâm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp. Cảm thấy mình trở lạ là lúc này. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dãn các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đứng hơn nữa, hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi. Hết co lên một chân, các cậu lại ruỗi mạnh như đá một quả ban tưởng tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

Ông đốc⁽²⁾ trường Mĩ Lí cho gọi mấy cậu học trò mới đến đứng trước lớp ba⁽³⁾. Trường làng nhỏ nên không có phòng riêng của ông đốc. Trong lúc ông ta đọc tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng.

Sau khi đọc xong mấy mươi tên đã viết sẵn trên mảnh giấy lớn, ông đốc nhìn chúng tôi nói sẽ :

– Thế là các em được vào lớp năm⁽⁴⁾. Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng và để thầy dạy các em được sung sướng. Các em đã nghe chưa. (Các em đều nghe nhưng không em nào dám trả lời. Cũng may đã có một tiếng dạ ran của phụ huynh đáp lại).

Ông đốc nhìn chúng tôi với cặp mắt hiền từ và cảm động. Mấy cậu học trò trong lớp ba cũng đua nhau quay đầu nhìn ra. Và ngoài đường cũng có mấy người đứng dừng lại để nhìn vào. Trong những phút này chúng tôi được người ta ngắm nhìn nhiều hơn hết. Vì vậy đã lúng túng chúng tôi càng lúng túng hơn.

Ông đốc lấy cặp kính trắng xuống rồi nói :

– Thôi, các em lên đứng đây sắp hàng để vào lớp học.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lưng lẻo nhìn ra sân,

nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác⁽⁵⁾ quay lưng lại rồi giúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Ông đốc tươi cười nhẵn nại⁽⁶⁾ chờ chúng tôi.

– Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.

Sau khi thấy hai mươi tám cậu học trò sắp hàng đều đặn dưới hiên trường, ông đốc liền ra dấu cho chúng tôi đi vào lớp năm. Một thầy trẻ tuổi, gương mặt tươi cười, đang đón chúng tôi trước cửa lớp. Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này. Tôi cũng lấy làm lạ.

Vì có những hôm đi chơi suốt cả ngày với chúng bạn ở đồng làng Lê Xá, lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.

Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tí hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề quen biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến tự nhiên và bất ngờ quá đến tôi cũng không dám tin có thật.

Một con chim con liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vỗ cánh bay cao.

Tôi đưa mắt thêm thường nhìn theo cánh chim. Một kỉ niệm cũ đi bầy chim giữa cánh đồng lúa hay bên bờ sông Viêm sống lại đầy đầy trong trí tôi. Nhưng tiếng phẫn của thầy tôi gạch mạnh trên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật.

Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lăm nhăm đánh vần đọc :

Bài viết tập : TÔI ĐI HỌC.

(Theo *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 29B,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981)

(14) *Cái vá* : cái muôi.

(15) *Lời tôi* : dây xích.

(16) *Mét* : mách.

(17) *Ớt* : gáy.

(18) *Giời* : ngoan.

(19) *Bắp* : ngô.

(20) *Tổ cộng* : chỉ việc Mĩ - ngụy bày trò "tố cáo tội ác" của cộng sản để đàn áp, tiêu diệt những người cách mạng ở miền Nam trước đây.

(21) *Bông tròn teng* : hoa tai có cụm lông thông ở bên dưới.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyện ngắn này, ngoài phần mở đầu bằng lời kể của tác giả để dẫn chuyện, thì phần chính là câu chuyện về bố con ông Sáu và người bạn, được kể bằng lời của người bạn ấy (nhân vật "đồng chí già" trong truyện).

Em hãy tóm tắt nội dung phần chính của truyện. Cách chọn nhân vật kể chuyện như vậy có tác dụng như thế nào với việc thể hiện nội dung câu chuyện này và với người đọc ?

2. Phân tích diễn biến tâm trạng và thái độ của bé Thu trong đoạn kể ông Sáu về thăm nhà.

Bé Thu nghĩ như thế nào mà lại không chịu nhận ông Sáu là ba ? Thái độ vùng vằng, ương ngạnh của em có đáng trách không ? Tác giả đã diễn tả tâm lí và hành động của bé Thu có hợp lí và sinh động không ?

3. Ông Sáu đã chăm chú và cẩn thận làm chiếc lược ngà như thế nào ? Tại sao ông lại nhiệt tình với công việc đó như vậy ?

Em hãy tìm những chi tiết khác nữa thể hiện tình cha con sâu sắc và cao đẹp ở ông Sáu ?

4. Cảnh chia tay ở cuối truyện giữa ông già (người bạn của ông Sáu) và cô Thu giao liên diễn ra đầy xúc động. Tâm trạng của mỗi nhân vật như thế nào và được thể hiện qua những chi tiết, cử chỉ, lời nói nào ?

5. Câu nói của ông già : " Thôi, ba đi nghe con ! " và tâm trạng của ông : " Lúc chia tay, tôi không nghe cháu gọi tôi là ba. Nhưng những lúc nằm một mình, nhớ lại thì tôi nghe tiếng gọi "ba" của cháu, và tiếng "ba" như vang lên từ trong tâm tôi " đã cho thấy điều gì xảy ra trong tình cảm của ông và ý nghĩa của điều đó như thế nào ?

6. Đọc diễn cảm đoạn tả cảnh từ biệt của hai cha con ông Sáu (từ "Đến lúc chia tay" đến "... Vừa nói vừa từ từ tụt xuống").

Em thử viết hộ bé Thu một đoạn nhật kí diễn tả những ý nghĩ, tình cảm của bé ngay tối hôm ba em vừa ra đi.

Bài 4

ÔN TẬP

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945

1. Trong phần Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 ở sách *Văn học 7*, Tập hai này có những nhân vật nào gây cho em ấn tượng sâu sắc ? Em hãy hình dung lại các nhân vật ấy trong mỗi tác phẩm, và nêu rõ ấn tượng sâu sắc mà mỗi nhân vật đem đến cho em.

2. Hai bài thơ *Tiếng chổi tre*, *Bếp lửa* thể hiện những xúc cảm, tình cảm nào, của ai và đối với ai ?

Hai bài ấy được sáng tác theo thể thơ nào ?

Thể thơ, nhịp điệu, vần điệu của mỗi bài đã góp phần như thế nào vào việc thể hiện nội dung (bức tranh cuộc sống và con người, tình cảm và suy nghĩ của tác giả...).

3. Truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Quang Sáng thường có cốt truyện hấp dẫn và tình huống bất ngờ. Em hãy kể tóm tắt cốt truyện và nêu tình huống truyện trong *Chiếc lược ngà* và thử tìm hiểu vai trò của các yếu tố ấy trong truyện ngắn này.

4. Em đã học những truyện ngắn ở lớp 6 (như *Ngày công đầu tiên của cu Tí*, *Cái Tết của Mèo Con*, *Mẹ vắng nhà...*) em thử nhận xét về cách xây dựng cốt truyện và tình huống truyện ở đó và so sánh với truyện *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng để thấy những nét khác biệt ở mỗi tác phẩm.

5. Em hãy tìm một đoạn văn, câu thơ miêu tả thiên nhiên trong các tác phẩm đã học ở phần này và nhận xét về cách miêu tả của tác giả.

6. Em hãy viết một bài văn ngắn (hoặc làm một bài thơ) về một người thân của em hoặc một nhân vật văn học mà em ưa thích.

Chú giải

- (1) *Tựu trường* : đến trường ngày khai giảng năm học.
- (2) *Ông đốc* : ở đây là ông hiệu trưởng.
- (3), (4) *Lớp ba, lớp năm* : các lớp bậc tiểu học ; theo hệ thống giáo dục tiểu học trước Cách mạng, lớp năm là thấp nhất.
- (5) *Bất giác* : bỗng, chợt.
- (6) *Nhẫn nại* : bền bỉ, kiên trì chịu đựng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. *Tôi đi học* là một truyện ngắn thuộc loại không có chuyện, mà chỉ là "những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường". Nhân vật "tôi" nhớ lại buổi đầu tiên cắp sách tới trường có biết bao "những cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng" khi ấy.

2. Em hãy chú ý theo dõi tâm trạng và cảm giác ngỡ ngàng, hồi hộp, lo sợ vắng vợ của chú bé lần đầu tiên cắp sách tới trường, từ lúc đi trên đường tới trường đến lúc nghe tên gọi, rồi phải rời bàn tay mẹ, cùng các bạn đi vào lớp; chú ý cảm tưởng cái gì cũng mới lạ, coi việc đi học là rất trọng đại của chú bé.

3. Thái độ ân cần, trù mến của những người lớn đối với các em bé lần đầu đi học ("ông đốc", thầy giáo đón nhận học trò mới và các phụ huynh) thể hiện như thế nào ?

4. Em có nhận xét gì về đặc sắc nghệ thuật của loại truyện này ? Một nhà phê bình nhận xét là truyện ngắn Thanh Tịnh đầy chất thơ. Qua truyện này, em hãy cho biết ý kiến của mình về nhận xét đó.

Bài 12

TRONG LÒNG MẸ

(Trích *Những ngày thơ ấu*)

NGUYỄN HỒNG

Tiểu dẫn

Nguyễn Hồng (Nguyễn Nguyên Hồng, 1918 – 1982), quê ở thành phố Nam Định nhưng trước Cách mạng, sống chủ yếu ở Hải Phòng, trong một

xóm lao động nghèo. Sáng tác của Nguyễn Hồng (tiểu thuyết, truyện ngắn, kí) tập trung viết về những lớp người cùng khổ, "dưới đáy" ở thành phố với niềm yêu thương sâu sắc, mãnh liệt. Ngay từ những sáng tác đầu tay, Nguyễn Hồng xứng đáng được gọi là nhà văn của những người lao động cùng khổ.

Tác phẩm chính : trước Cách mạng : *Bỉ vỏ* (tiểu thuyết, 1938), *Những ngày thơ ấu* (hồi kí, 1940)...; sau Cách mạng : *Trời xanh* (tập thơ), *Cửa biển* (bộ tiểu thuyết nhiều tập : *Sóng gấm* – 1961, *Cơn bão đã đến* – 1967, *Thời kì đen tối* – 1973, *Khi đưa con ra đời* – 1976), *Núi rừng Yên Thế* (tiểu thuyết lịch sử nhiều tập)...

Những ngày thơ ấu (đăng báo năm 1938, in thành sách năm 1940) là tập hồi kí gồm chín chương, viết về tuổi thơ cay đắng của tác giả.

Chú bé Hồng – nhân vật chính – lớn lên trong một gia đình sa sút. Người cha sống u uất trầm lặng, rồi chết trong nghèo túng, nghiện ngập. Người mẹ có trái tim khao khát yêu đương đành chôn vùi tuổi xuân trong cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi chồng chết, người phụ nữ đáng thương ấy vì quá cùng quẫn đã phải bỏ con đi kiếm ăn phương xa. Chú bé Hồng đã mồ côi cha lại vắng mẹ, sống thui thủi cô đơn giữa sự ghẻ lạnh, cay nghiệt của những người họ hàng giàu có, trở thành đứa bé đói rách, lêu lổng, luôn thêm khát tình thương yêu mà không có. Từ cảnh ngộ và tâm sự của đứa bé "côi cút cùng khổ", tác phẩm còn cho thấy bộ mặt lạnh lùng của xã hội đồng tiền, cái xã hội mà cánh cửa nhà thờ đêm Nô-en cũng chỉ mở rộng đón những người giàu sang "khệnh khạng bệ vệ" và khép chặt trước những kẻ nghèo khổ "trơ trọi hèn hạ"; cái xã hội của đám thị dân tiểu tư sản sống nhỏ nhen, giả dối, độc ác, khiến cho tình máu mủ ruột thịt cũng thành khô héo ; cái xã hội đầy những thành kiến cổ hủ bóp nghẹt quyền sống của người phụ nữ...

Những ngày thơ ấu là tập văn xuôi giàu chất trữ tình, với cảm xúc dào dạt thiết tha và rất mực chân thành. Đó cũng là nét đặc sắc nổi bật trong bút pháp nghệ thuật của Nguyễn Hồng.

Trong lòng mẹ là chương IV của tập hồi kí *Những ngày thơ ấu*.

Tôi đã bỏ cái khăn tang bằng vải màn ở trên đầu đi rồi. Không phải đoạn tang⁽¹⁾ thấy tôi mà vì tôi mới mua được cái mũ trắng và quần băng đen.

Gần đến ngày giỗ đầu⁽²⁾ thấy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về. Trong đó nghe đâu mẹ tôi đi bán bóng đèn và những phiên chợ

chính còn bán cả vàng hương nữa. Tôi nói "nghe đâu" vì tôi thấy người ta bán tin⁽³⁾ rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi :

– Hồng ! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mày không ?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ủ ấp từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch⁽⁴⁾ của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi⁽⁵⁾ để tôi khinh miệt và ruồng rẫy⁽⁶⁾ mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực⁽⁷⁾. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

Tôi cũng đã cười đáp lại cô tôi :

– Không ! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt :

– Sao lại không vào ? Mợ mày phát tài⁽⁸⁾ lắm, có như dạo trước đâu!

Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chăm chăm đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng, cúi đầu xuống đất : lòng tôi càng thất lại, khoe mắt tôi đã cay cay. Cô tôi liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng :

– Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

Nước mắt tôi đã ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng "em bé" mà cô tôi ngân dài ra

thật ngọt, thật rõ, quả nhiên⁽⁹⁾ đã xoắn chặt lấy tâm can⁽¹⁰⁾ tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mợ tôi chưa đoạn tang thấy tôi mà đã chữa đẽ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến⁽¹¹⁾ tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm trốn tránh như một kẻ giết người lúng túng với con dao vấy máu của nó. Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi :

– Sao cô biết mợ con có con ?

Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe. Có một bà họ nội xa vào trong ấy cân gạo về bán. Bà ta một hôm đi qua chợ thấy mẹ tôi ngồi cho con bú ở một bên rổ bóng đèn. Mẹ tôi ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi, thấy thế bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che...

Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục⁽¹²⁾ đã dày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai, nhìn vào mặt tôi, nghiêm nghị :

– Vậy mày hỏi cô Thông – tên người đàn bà họ nội xa kia – chỗ ở của mợ mày, rồi đánh giấy⁽¹³⁾ cho mợ mày, bảo dù sao cũng phải về. Trước sau cũng một lần xấu, chả nhẽ bán xối⁽¹⁴⁾ mãi được sao ?

Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thấy tôi, cô tôi chấp chững nói tiếp :

– Mấy lại rằm tháng tám này là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng còn phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ ?

Nhưng đến ngày giỗ đầu thấy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về. Mẹ tôi về một mình đem rất nhiều quà bánh cho tôi và em Quế tôi. Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bố rồi :

– Mơ ơi ! Mơ ơi ! Mơ ơi !...

Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa âm ỉ trên hè. Và cái lấm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh⁽¹⁵⁾ của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.



Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo :

– Con nín đi ! Mơ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn côi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc⁽¹⁶⁾ ? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lặn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng. Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì. Trong những phút rạo rực ấy, cái câu nói của cô tôi lại nhắc lại :

– "Mày dại quá ! Vào Thanh Hóa đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào bắt mơ mày may vá sắm sửa cho và bế em bé chứ".

Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mấy may nghĩ ngợi gì nữa...

(Theo Những ngày thơ ấu. NXB Đời nay, 1940)

Chú giải

(1) *Doạn tang* : hết thời kì để tang.

(2) *Giỗ đầu* : giỗ lần đầu, trong dịp người chết tròn một năm.

(3) *Bắn tin* : đưa ra một tin nhắn đến người nào đó.

(4) *Rất kịch* : rất giống như đang đóng kịch, tức là rất giả dối.

(5) *Hoài nghi* : nghi ngờ.

(6) *Ruồng rẫy* : hắt hủi, bỏ mặc không quan tâm đến và ghét bỏ.

(7) *Thư hương cầu thực* (đúng ra là *tha phương cầu thực*) : đi kiếm ăn nơi xa lạ.

(8) *Phát tài* : kiếm được nhiều tiền.

(9) *Quả nhiên* : đúng như vậy.

(10) *Tâm can* : tim gan, có nghĩa là chỗ sâu kín nhất trong lòng.

(11) *Thành kiến* : cách nhìn nhận, ý kiến không hay đã cố định, không thay đổi.

(12) *Cổ tục* : lễ thói, tục lệ xưa cũ.

(13) *Đánh giấy* (khẩu ngữ) : viết thư.

(14) *Bán xới* (khẩu ngữ) : bỏ quê hương, xứ sở mà đi.

(15) *Ảo ảnh* : hình ảnh không có thật nhưng giống như thật. Câu văn ở đây ("*cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc*") là nói đến một hiện tượng đặc biệt ở sa mạc: người đi trên sa mạc trông thấy xa xa có hình ảnh cây cối soi bóng trên mặt nước, nhưng thực ra, đó chỉ là ảo ảnh tạo nên bởi các lớp không khí nóng mà thôi.

(16) *Sung túc* : đời sống vật chất đầy đủ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Qua đoạn đối thoại giữa bà cô và chú bé Hồng, em thấy bà cô là con người như thế nào? Phân tích lòng dạ thâm độc của bà ta đối với đứa cháu đáng thương (*Chú ý* : vẻ mặt thì tươi cười, giọng nói thì ngọt ngào nhưng "rất kịch", chỉ cốt "cố ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi"; đặc biệt, việc bà ta cứ "tươi cười" kể cho chú bé đang đau khổ xa mẹ rằng mẹ nó "ăn mặc rách rưới, mặt mày xanh bủng", tủi hổ khi thấy người quen...; rõ ràng bà ta rất thích thú khi biết mẹ chú bé khốn khổ như vậy và cũng rất muốn chú bé phải thật đau lòng...).

2. Phân tích tình cảm của chú bé đối với người mẹ đáng thương của chú (*Gợi ý* : khi nghe những lời lẽ thâm độc của bà cô, chú trào lên niềm thương mẹ và căm ghét cực độ những cổ tục đã dày dọa mẹ mình ;

niềm vui sướng cao độ của chú bé được diễn tả đặc biệt thấm thía, một niềm vui sướng mê mẩn như thấm vào cả da thịt...).

3. Có nhà nghiên cứu cho rằng Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng. Em hiểu ý kiến đó như thế nào? Qua chương *Trong lòng mẹ*, em hãy chứng minh ý kiến đó.

4. Em có nhận xét gì về đặc sắc nghệ thuật của ngòi bút tác giả trong đoạn văn trích? Những gì đã làm cho chương truyện hấp dẫn, xúc động người đọc?

Bài 13

ÔN TẬP⁽¹⁾

(1) Nội dung ôn tập phần Văn học Việt Nam học kì một được soạn chung với phần ôn tập Văn học Việt Nam học kì hai, in trong Bài 14, sách *Văn học 8*, tập hai (*Hướng dẫn ôn tập Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945*).

PHẦN HAI

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1

BỐ CỦA XI-MÔNG

G. MÔ-PA-XĂNG

Tiểu dẫn

Bố của Xi-mông là truyện ngắn của Guy de Mô-pa-xăng (1870-1893), nhà văn Pháp đã viết hơn ba trăm truyện ngắn và một số tiểu thuyết.

Chị Blăng-sốt bị một người đàn ông lừa dối, sinh ra Xi-mông, vì vậy Xi-mông trở thành đứa con không có bố. Truyện bắt đầu khi Xi-mông lúc đó khoảng bảy, tám tuổi lần đầu tiên đến trường bị đám học trò chế giễu là không có bố. Em buồn bực, lang thang ra bờ sông, chỉ muốn chết cho xong.

... Trời rất ấm, rất dễ chịu. Ánh nắng êm đềm sưởi nóng cỏ. Nước lấp lánh như gương. Và Xi-mông có những giây phút khoan khoái, có cái cảm giác uể oải thường theo em sau khi khóc lóc, em rất thèm được nằm ngủ ở đây, trên mặt cỏ, dưới nắng ấm.

Một chú nhái con màu xanh lục nhảy dưới chân em. Em định bắt nó. Nó thoát được. Em đuổi theo nó và vồ hụt ba lần liên. Cuối cùng em tóm lấy hai đầu chân sau của nó và em bật cười nhìn con vật cố giãy giụa thoát thân. Nó thu mình lại trên đôi cẳng lớn,

rồi bật phát lên, đột ngột duỗi cẳng, ngay đơ như hai thanh gỗ; trong lúc ấy, nó giương tròn con mắt có vành vàng và dùng hai chân trước đập vào khoảng không, hươ lên như hai bàn tay. Điều này khiến em nhớ đến một thứ đồ chơi làm bằng những mảnh gỗ hộp đóng đinh chữ chi⁽¹⁾ chồng lên nhau, và với động tác cũng giống như thế này, điều khiển những chú lính nhỏ cài bên trên tập tành⁽²⁾. Thế là em nghĩ đến nhà, rồi nghĩ đến mẹ, và thấy buồn hết sức, em lại khóc. Người em rung lên, em quỳ xuống và đọc kinh cầu nguyện⁽³⁾ như trước khi đi ngủ.

Nhưng em không đọc hết được bài kinh, vì những cơn nức nở lại trở lại, dồn dập, xốn xang, choán ngợp lấy em. Em chẳng nghĩ nữa, em chẳng nhìn thấy gì quanh em nữa và em chỉ khóc mà thôi.

Bỗng nhiên, một bàn tay chắc nịch đặt lên vai em và một giọng to ồm ồm hỏi em:

– Có điều gì làm chú buồn phiền nhiều đến thế, chú bé?

Xi-mông quay lại. Một bác thợ cao lớn, râu tóc đen, quần, đang nhìn em với vẻ nhân hậu⁽⁴⁾. Em trả lời, mắt đầm lệ⁽⁵⁾, giọng đầy nước mắt:

– Chúng nó đánh cháu... vì... cháu... cháu... không có... bố... không có bố.

– Sao thế cháu, – người đàn ông mỉm cười bảo – ai mà chẳng có bố.

Em bé nói tiếp một cách khó khăn, giữa những cơn nấc giật buồn tủi:

– Cháu... cháu không có bố.

Bác thợ bỗng nghiêm lại; bác nhận ra thằng bé con nhà chị Blăng-sốt và mặc dù mới đến vùng này, bác cũng đã mong manh⁽⁶⁾ biết chuyện chị. Bác nói:

– Thôi nào, nguôi đi nào, cháu bé, rồi đi với chú về nhà mẹ. Người ta sẽ cho cháu... một ông bố.

Họ lên đường, người lớn dắt tay người bé, và bác đàn ông lại mỉm cười, vì bác chẳng hề phật ý⁽⁷⁾ đến gặp chị Blăng-sốt, nghe đồn chị là

một trong những cô gái đẹp nhất vùng. Trong thâm tâm⁽⁸⁾, bác cũng tự nhủ thầm rằng một tuổi xuân đã lăm lờ⁽⁹⁾ rất có thể lờ lăm lờ nữa.

Họ đến trước một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ.

Đứa trẻ nói :

– Đây rồi.

Và em gọi to :

– Mẹ ơi !

Một thiếu phụ⁽¹⁰⁾ xuất hiện, và người thợ bồng tất nụ cười, vì bác hiểu ra ngay là không bốn cột được nữa với cô gái cao lớn, xanh xao, đứng nghiêm nghị trước cửa nhà mình, như muốn cấm đàn ông bước lên thêm ngôi nhà nơi cô đã bị một kẻ khác lừa dối. E dè, bỏ mũ cầm tay, bác ấp úng :

– Đây, thưa chị, tôi dắt về trả chị cháu bé bị lạc ở gần bờ sông.

Nhưng Xi-mông nhảy lên ôm lấy cổ mẹ và em lại khóc, vừa khóc vừa bảo mẹ :

– Không, mẹ ạ, con muốn xuống sông cho chết đuối, vì chúng nó đánh con... đánh con... tại con không có bố.

Hai má thiếu phụ đỏ bừng và, tê tái đến tận xương tủy, chị ôm con hôn lấy hôn để, trong khi nước mắt đã chã tuôn rơi. Người đàn ông xúc động vẫn đứng đó, không biết bỏ đi thế nào cho phải. Nhưng Xi-mông bỗng chạy đến bên bác, nói với bác :

– Chú có muốn làm bố cháu không?

Im lặng như tờ. Chị Blăng-sốt, lặng ngắt và quằn quại vì hổ thẹn, dựa người vào tường, hai tay ôm ngực.

Thấy người ta không trả lời mình, em bé nói tiếp :

– Nếu chú không muốn, cháu quay trở lại sông cho chết đuối.

Bác thợ coi như chuyện đùa, và cười đáp :

– Có chứ, chú có muốn.

Em bé bèn hỏi :

– Thế chú tên là gì, để cháu trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên chú ?

– Phi-lip – Người đàn ông đáp.

Xi-mông im lặng một giây, để ghi nhớ cái tên ấy trong óc, rồi hoàn toàn khuây khỏa, em chìa hai tay nói :

– Thế nhé ! Chú Phi-lip, chú là bố cháu đấy nhé.

Bác thợ nhắc bồng em lên, đột ngột hôn vào hai má em, rồi sải từng bước dài, rút lui rất nhanh.

Ngày hôm sau, khi em bé đến trường, một tràng cười ác ý⁽¹¹⁾ đón em. Và lúc tan học, khi thằng kia⁽¹²⁾ muốn lặp lại chuyện cũ, Xi-mông ném vào mặt nó những lời này, như ném một hòn đá :

– Bố tao ấy, bố tao tên là Phi-lip.

Từ phía bật lên những tiếng la hét thích thú :

– Phi-lip gì ? ... Phi-lip nào ? ... Phi-lip là cái gì ? ... Mà lấy đâu ra Phi-lip của mày thế⁽¹³⁾ ?

Xi-mông không trả lời gì hết, và một mực tin tưởng sắt đá, em đưa con mắt thách thức chúng, sẵn sàng chịu hành hạ, còn hơn là trốn chạy chúng. Thầy giáo giải thoát cho em và em về nhà.

LÊ HỒNG SÂM dịch

(Theo Tuyển tập truyện ngắn Pháp thế kỉ XIX,
NXB Đại học và THCN, Hà Nội, 1986)

Chú giải

(1) *Đóng đinh chữ chi* : đóng đinh theo hình hết chéo lên lại chéo xuống.

(2) *Điều khiển những chú lính nhỏ...* : đây là nói một đồ chơi làm bằng gỗ.

(3) *Kinh cầu nguyện* : bài kinh của những người theo đạo Thiên Chúa.

(4) *Nhân hậu* : có lòng thương yêu, có tình nghĩa.

(5) *Đắm lệ* : đắm nước mắt.

(6) *Mong manh* : loáng thoáng, sơ qua, không thật chắc chắn, rõ ràng, đầy đủ.

(7) *Phật ý* : không hài lòng.

(8) *Thâm tâm* : chỗ sâu kín trong lòng, đáy lòng.

(9) *Lầm lỡ* : vì vô ý hoặc nhẹ dạ cả tin mà sai lầm, ở đây nói việc chị Blăng-sốt sinh ra Xi-mông không có chồng hợp pháp.

(10) *Thiếu phụ* : người phụ nữ đã có gia đình, còn trẻ.

(11) *Ác ý* : có ý độc ác.

(12) *Thằng kia* : chỉ thằng học sinh nói cho các bạn biết Xi-mông không có bố hôm Xi-mông đến trường lần đầu tiên.

(13) *Phi-lip gì ?* : ý nói Phi-lip mới chỉ là tên, chưa có họ. Sau đây ta biết phải gọi là Phi-lip Rê-mi mới đầy đủ cả tên họ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy xác định từng phần (bắt đầu từ đâu, kết thúc ở đâu) nếu chia bài văn trên thành bốn phần căn cứ vào diễn biến của truyện : nỗi tuyệt vọng của Xi-mông, Phi-lip gặp Xi-mông và nói sẽ cho em một ông bố, Phi-lip đưa Xi-mông về nhà trả cho chị Blăng-sốt và nhận làm bố của em, Xi-mông đến trường nói với các bạn là có bố tên là Phi-lip.

2. Xi-mông đau đớn vì sao? Nỗi đau đớn ấy được biểu hiện như thế nào (qua ý nghĩ, sự bộc lộ tình cảm, cách nói năng...) trong bài văn ?

3. Qua hình ảnh ngôi nhà của chị Blăng-sốt cùng thái độ của chị đối với khách và nỗi lòng của chị khi nghe con nói, chứng minh rằng chị Blăng-sốt chẳng qua vì lầm lỡ mà sinh ra Xi-mông không có bố, chứ căn bản chị là người tốt.

4. Nêu lên diễn biến tâm trạng của Phi-lip qua các giai đoạn : khi gặp Xi-mông ; trên đường đưa Xi-mông về nhà ; khi gặp chị Blăng-sốt ; lúc đối đáp với Xi-mông.

ĐỌC THÊM

BỐ CỦA XI-MÔNG

(Tiếp)

Xi-mông vẫn đau đớn vì bọn bạn xấu ở trường bảo rằng bác Phi-lip không phải là ông bố thật sự của em. Em tìm đến lò rèn nơi bác Phi-lip đang làm việc.

Xi-mông vào, không ai trông thấy, và em rón rén đến kéo áo bác. Bác quay lại. Công việc bỗng dừng, cả mấy người đàn ông⁽¹⁾ cùng nhìn, hết sức chăm chú. Thế là, giữa sự yên lặng bất thường đó, cất lên giọng nhỏ nhẹ của Xi-mông:

– Bố Phi-lip này, lúc nãy thằng con bác Mi-sốt⁽²⁾ bảo con rằng bố không phải là bố của con hẳn hoi.

Bác thợ hỏi :

– Sao lại thế ?

Chú bé trả lời với tất cả sự ngây thơ của chú :

– Vì bố không phải là chồng của mẹ.

Không ai cười hết. Phi-lip vẫn đứng, trán úp vào mu những bàn tay to lớn từ ổ cán búa dựng lên trên đe. Bác mơ màng. Bốn người bạn nhìn bác, và bé tí xiu giữa những vị khổng lồ này, Xi-mông lo lắng chờ đợi. Đột nhiên, một bác thợ rèn, đáp ứng ý nghĩ của tất cả mọi người, nói với Phi-lip :

– Dù thế nào, Blăng-sốt vẫn là một cô gái tốt bụng, trung hậu⁽³⁾, và mặc dù gặp chuyện không hay⁽⁴⁾, vẫn can đảm và nền nếp, cô ấy sẽ là một người vợ xứng đáng với một người đàn ông tử tế.

– Đúng như vậy – ba người kia nói.

Bác thợ tiếp :

– Cái cô gái ấy, nếu có lầm lỡ, thì lỗi ở cô chăng? Họ hứa sẽ cưới cô, và tôi biết khối bà bây giờ đây rất được trọng vọng, cũng đã từng làm như thế.

– Đúng như vậy – ba người đàn ông đồng thanh⁽⁵⁾ đáp.

Bác lại tiếp :

– Tôi nghiệp, cô ta đã vất vả biết bao nhiêu để một mình nuôi dạy con, và đã khóc biết bao nhiêu từ cái ngày chỉ bước ra khỏi nhà để đến nhà thờ, những điều ấy-riêng có Chúa biết mà thôi.

– Cũng lại đúng như vậy – những người khác nói.

Thế là người ta chỉ còn nghe thấy tiếng bễ thổi lửa trong lò. Phi-lip bỗng đột ngột cúi xuống với Xi-mông :

– Về bảo với mẹ là tối nay bố sẽ đến nói chuyện với mẹ.

Rồi bác nắm vai em bé ẵm ra ngoài.

Bác trở lại công việc, và năm lưỡi búa nện xuống đe cùng một nhát đập. Họ cứ rèn sắt như vậy cho đến tối, mạnh mẽ, tươi vui, cũng như những lưỡi búa hài lòng thỏa mãn. Và, giống như quả chuông lớn tiếng trầm của một ngôi nhà thờ, trong các ngày lễ, vang dội lên trên tiếng reo của những quả chuông khác, lưỡi búa của Phi-lip cũng vậy, nó át tiếng ầm ầm của những lưỡi búa khác, và cứ từng giây, từng giây lại giáng xuống rộn ràng, inh ỏi. Và bác, mắt sáng rực, đứng giữa các tia lửa, rèn rất say sưa.

Trời đầy sao khi bác đến gõ cửa nhà chị Blăng-sốt. Bác mặc chiếc áo khoác ngày chủ nhật⁽⁶⁾, sơ mi mới, và râu tóc đã sửa sang. Thiếu phụ bước ra thêm và bảo bác, vẻ phiền muộn⁽⁷⁾ :

– Ông Phi-lip, ông đến lúc đêm hôm thế này thực là không phải!

Bác muốn trả lời, bác ấp úng, và bối rối đứng trước chị. Chị tiếp :

– Mà ông cũng đã biết rằng không nên để người ta bàn tán về tôi nữa.

Thế là bác nói, hết sức đột ngột :

– Thế thì có làm sao đâu, nếu cô ưng làm vợ tôi !

Không ai trả lời bác, nhưng bác tưởng như trong bóng tối căn phòng có tiếng người gục xuống. Bác bước vào thật nhanh ; và Xi-mông nằm trong giường nghe thấy tiếng hôn và mấy lời mẹ em thì thầm rất khẽ. Rồi, đột nhiên, em thấy mình được bế bổng lên trong tay bác và bác giơ thẳng em trên hai cánh tay hộ pháp⁽⁸⁾, hét bảo em :

– Con sẽ nói với các bạn học của con : bố con là Phi-lip Rê-mi, bác thợ rèn, và bố sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt con.

Ngày hôm sau, thấy trường đã đóng chặt và giờ học sắp bắt đầu, bé Xi-mông đứng dậy, mặt tái nhợt, môi run run :

– Bố tớ ấy – em nói rành rọt – bố tớ là Phi-lip Rê-mi, bác thợ rèn, và bố tớ hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt tớ.

Lần này chẳng đứa nào cười nữa, vì cái nhà bác Phi-lip Rê-mi thợ rèn, thì biết rõ lắm rồi, và đấy thật là một ông bố, mà ai có được cũng phải lấy làm tự hào.

LÊ HỒNG SÂM dịch

(Theo Tuyển tập truyện ngắn Pháp thế kỉ XIX. Sách đã dẫn)

Chú giải

(1) *Mấy người đàn ông* : đây là những người thợ cùng làm ở lò rèn với Phi-lip.

(2) *Con bác Mi-sốt* : thằng bé vẫn chế giễu Xi-mông.

(3) *Trung hậu* : đối xử tốt trước sau như một với mọi người.

(4) *Chuyện không hay* : chuyện lầm lỡ của chị Blăng-sốt như ta đã biết.

(5) *Đồng thanh* : cùng nói một lúc.

(6) *Áo khoác ngày chủ nhật* : chiếc áo khoác đẹp mặc trong ngày chủ nhật, lễ phục.

(7) *Phiền muộn* : buồn bực trong lòng.

(8) *Hộ pháp* : to khỏe, lực lưỡng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Kết thúc truyện là niềm vui của cả ba nhân vật Xi-mông, Blăng-sôt, Phi-lip. Ở mỗi người, các nguyên nhân của niềm vui ấy là gì và nguyên nhân nào là chính?

2. Đoạn miêu tả tiếng búa của Phi-lip giáng xuống rộn ràng trên đe gián tiếp thể hiện tâm trạng của Phi-lip như thế nào? So sánh những tiếng búa ấy với tiếng chuông nhà thờ có hợp lí không? Vì sao?

Bài 2

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

O' HEN-RI

Tiểu dẫn

Chiếc lá cuối cùng là một trong số hàng trăm truyện ngắn của nhà văn Mĩ chuyên viết truyện ngắn O' Hen-ri (1862 - 1910). Các truyện của ông thường được kết cấu hết sức chặt chẽ, hầu như không có chi tiết nào thừa, dựng lên các bức tranh nho nhỏ về một mảng hiện thực của nước Mĩ với ngòi bút đầy thương cảm đối với những người nghèo khổ.

Trong một khu nhỏ ở phía Tây công viên Oa-sinh-tơn, phố xá chạy ngang chạy dọc lung tung như hóa rồ, rồi dứt quãng ở những mảnh đất gọi là "quảng trường". Những quảng trường này tạo nên những góc độ và những đường cong kì lạ. Một đường phố tự cắt nó một hoặc hai lần. Một nghệ sĩ có lần đã phát hiện ra là phố này có một khả năng rất quý. Hãy tưởng tượng một tay thu ngân⁽¹⁾ nào đó mang hóa đơn đòi tiền sơn hay giấy và vải vẽ đi qua con đường này, đột nhiên lại gặp ngay chính mình quay trở ra, tiền nợ không thu được một xu nhỏ!

Bởi vậy, chẳng bao lâu, giới nghệ sĩ liền mò tới cái làng Gri-niz cổ kính, kì quặc này, lùng thuê những phòng có cửa sổ hướng bắc, đầu hồi kiểu thế kỉ mười tám. Những buồng xếp sát nóc kiểu Hà Lan và

tiền thuê rẻ. Rồi từ Đại lộ thứ Sáu, họ nhập cảng⁽²⁾ vào vài chiếc cốc vại bằng thiếc, một hai chiếc lò hầm thức ăn và hợp thành một xóm.

Phòng họa của Xiu và Giôn-xi đặt ở tầng thượng một ngôi nhà gạch ba tầng thấp lè tè. "Giôn-xi" là tên gọi thân mật của Gio-a-na. Một cô từ bang Men tối, cô kia quê ở Ca-li-pho-ni-a. Họ đã gặp nhau tại bàn ăn chung của hiệu Đen-mô-ni-cô ở Phố thứ Tám và thấy những sở thích của họ về nghệ thuật món rau diếp xoắn trộn dầu dấm và kiểu ống tay rộng hợp nhau đến nỗi kết quả là họ cùng chung nhau thuê một phòng họa.

Khi ấy là khoảng tháng năm. Đến tháng mười một, có một gã khách lạ, lạnh lẽo, chưa ai từng thấy, mà thấy thuốc gọi là chứng viêm phổi, oai vệ đi khắp xóm, ngón tay lạnh ngắt của gã chạm vào chỗ này một người, chỗ kia một người. Bên khu phía Đông, tên phá hoại này xăm xăm bước đi, đánh ngã hàng chục nạn nhân, nhưng khi qua những "quảng trường" chật hẹp, chằng chịt và mọc rêu thì hấn lại từ tốn thong thả tiến bước.

Ông viêm phổi không phải là hạng người được gọi là lịch sự mã thượng⁽³⁾. Một phụ nữ nhỏ bé, thiếu máu vì những cơn gió hiu hiu của miền Ca-li-pho-ni-a, đâu có phải là đối thủ xứng đáng của tên bợm già có hơi thở dồn dập và nắm tay đỏ lôm ửng. Thế mà hấn vẫn cứ đánh vào Giôn-xi và cô ta nằm lăn như bất động trên chiếc giường sắt sơn và qua những tấm kính cửa sổ nhỏ kiểu Hà Lan, cô trân trân nhìn cái đầu hồi của tòa nhà gạch bên cạnh.

Một buổi sáng, viên bác sĩ bận rộn, nháy cặp lông mày rậm, đốm bạc, mời Xiu ra ngoài hành lang.

— Bệnh tình của cô ấy có thể nói là mười phần chỉ còn hi vọng được một thôi, ta hãy tạm nói thế. — ông vừa nói vừa vẩy cái cặp sốt cho thủy ngân hạ xuống — Và muốn có được một phần đó thì cô ấy phải có ý muốn sống kia. Cái cung cách con người ta cứ sắp hàng đứng sẵn bên phía anh chủ thầu đám ma, làm cho mọi thứ thuốc men đều trở thành vô dụng. Cô bạn nhỏ nhắn của chị yên trí là mình không thể khỏi được. Cô ta có điều gì quan tâm không?

- Cô ấy... cô ấy mong muốn có ngày được về vịnh Na-plơ⁽⁴⁾ -
lưu đáp.

- Về à ? Bậy ! Cô ấy không có điều gì đáng để bận tâm hơn gấp
bội sao ? Chàng trai nào đó chẳng hạn ?

- Một chàng trai nào ư ? - Xiu nói, giọng rít lên như tiếng đàn môi -
Một người đàn ông đáng gì để... nhưng không, không có cái chuyện
ấy đâu, bác sĩ ạ.

- Thế thì đây là bệnh suy nhược - bác sĩ nói - Tôi sẽ làm tất cả
từng gì khoa học có thể làm được thông qua những cố gắng của
tôi. Nhưng khi nào bệnh nhân bắt đầu đếm những chiếc xe đi theo
tàng tang của mình thì tôi sẽ phải trừ khả năng chữa bệnh của thuốc
bên đi năm mươi phần trăm. Nếu chị làm cho cô ta hỏi được một
câu về một tay áo mới của áo choàng mùa đông thì tôi xin thừa với
chị khả năng khỏi bệnh của cô ấy sẽ là một trên năm chứ không
hải là trên mười nữa.

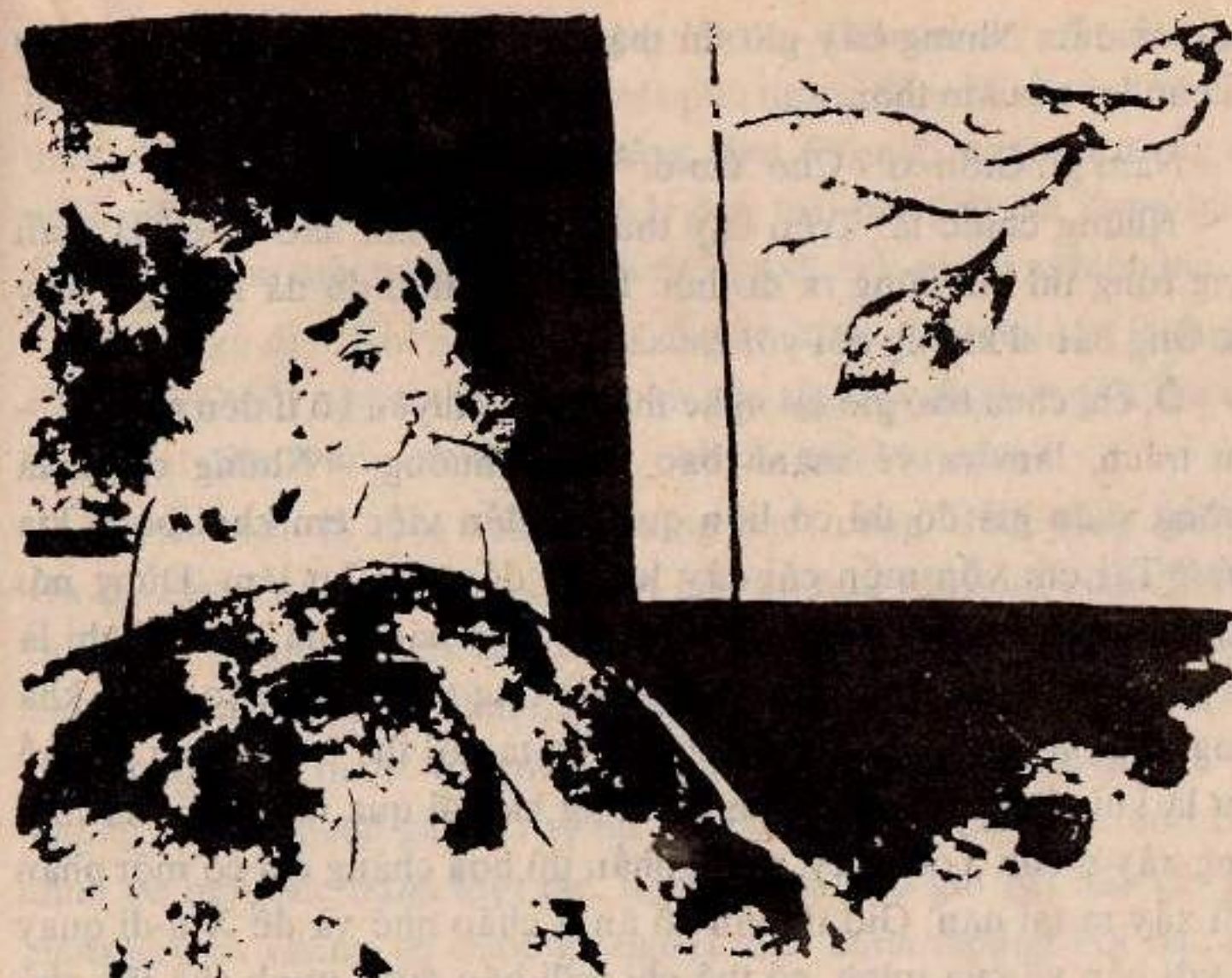
Sau khi bác sĩ đi khỏi, Xiu vào phòng làm việc và khóc đến ướt
ấm cả một chiếc khăn trải bàn Nhật Bản. Rồi cô lại thản nhiên
bằng chiếc bảng vẽ của mình đi vào phòng Giôn-xi, miệng huýt sáo
một điệu nhạc Jaz.

Giôn-xi nằm quay mặt về phía cửa sổ, tấm khăn trải giường phủ
lên người, hầu như không có một gợn. Xiu ngừng huýt sáo, tưởng
bị đang ngủ.

Cô bày bảng vẽ của mình ra và bắt đầu vẽ bằng bút sắt và mực
đen. Cô minh họa cho một truyện ngắn đăng trên một tờ tạp chí. Các
nghệ sĩ trẻ phải lát con đường dẫn tới nghệ thuật bằng những bức
tranh minh họa cho những truyện ngắn của các tạp chí, do các nhà
văn trẻ viết để lát con đường của họ dẫn tới văn học.

Xiu đang vẽ phác chiếc quần cưỡi ngựa đứng một và chiếc kính
mắt trên một nhân vật chính, một tay chặn bờ Ai-đa-hô, thì
bỗng nghe thấy có tiếng thì thầm cứ nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cô
vội chạy tới bên giường.

Mắt Giôn-xi mở to. Cô đang nhìn ra ngoài cửa sổ và đếm -
đếm ngược :



- "Mười hai", - cô lẩm bẩm rồi một lát sau - "mười một", rồi
"mười", "chín", rồi "tám" và "bảy" thì hầu như được đếm cùng một
lúc.

Xiu lo lắng nhìn ra phía cửa sổ. Có cái gì ngoài đó mà đếm? Chỉ
thấy một cái sân trời trụi, ảm đạm và bức tường bên trong trơn của
tòa nhà gạch cách đây chừng sáu thước. Một dây thường xuân⁽⁵⁾ già,
già lắm, rễ đã mục nát và sẵn sù những mấu, leo lên đến giữa bức
tường gạch. Hơi thở lạnh lẽo của mùa thu đã bắt rụng hết lá của nó,
chỉ còn lại bộ xương cành, gần như trụi, bám vào những viên
gạch vỡ nát.

- Gì thế, Giôn-xi ? - Xiu hỏi.

- Sáu, - Giôn-xi nói, giọng gần như thì thầm - Bây giờ chúng
rụng mau hơn. Trước đây ba ngày còn có tới gần một trăm. Em đếm

nhức cả đầu. Nhưng bây giờ thì thật là dễ. Lại một chiếc nữa. Giờ chỉ còn lại có năm thôi.

– Năm gì, Giôn-xi ? Cho Xiu-đi⁽⁶⁾ của em biết đi.

– Những chiếc lá. Trên cây thường xuân khi nào chiếc lá cuối cùng rụng thì em cũng ra đi thôi. Em biết điều đó đã ba ngày nay rồi. Ông bác sĩ không nói với chị sao ?

– Ô, chị chưa bao giờ lại nghe thấy một chuyện vô lí đến như thế – Xiu trách, làm ra vẻ mạnh bạo khinh thường – Những chiếc lá thường xuân già đó thì có liên quan gì đến việc em khỏi bệnh kia chứ ? Tại em vốn mẫn cái cây leo ấy đấy, em hư lắm. Đừng nói chuyện ngốc nghếch nữa. Ấy sáng nay ông bác sĩ đã nói với chị là em sẽ chóng bình phục thôi, đúng ra là ông ta nói thế nào nhỉ – khả năng khỏi là mười phần chắc chín; ông ta nói thế ! Ấy cũng tựa hồ như là khi chúng ta ngồi trên xe hàng hay đi qua một tòa nhà mới đang xây ở Niu Yooc này, mười phần thì họa chẳng chỉ có một phần mới xảy ra tai nạn. Giờ thì em cố ăn tí cháo nhé và để Xiu-đi quay về với bản vẽ của mình, có thể chị mới bán được tranh cho lão chủ bút, để mua rượu Booc-đô⁽⁷⁾ cho đưa em ồm của chị và mua sườn lợn cho cái bản thân hấu ăn của chị chứ.

– Chị chẳng cần phải mua thêm rượu nữa đâu – Giôn-xi nói, mắt vẫn nhìn trân trân ra ngoài cửa sổ – Lại một chiếc nữa rụng kìa. Không, em không muốn ăn cháo đâu. Còn lại đúng bốn chiếc. Em muốn thấy chiếc cuối cùng rụng xuống trước khi trời tối. Đến lúc đó thì em cũng ra đi thôi!

– Giôn-xi yêu quý – Xiu nói và cúi xuống bên người bạn, – em hãy hứa với chị là hãy nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa cho tới khi chị xong việc được không ? Mai chị phải trao những bức tranh này rồi. Chị cần ánh sáng, nếu không thì chị đã kéo màn phòng xuống rồi đấy.

– Chị không vẽ ở buồng bên được ư ? – Giôn-xi lạnh nhạt hỏi.

– Chị muốn ở đây bên cạnh em kia – Xiu đáp – và lại chị không muốn em cứ nhìn mãi những chiếc lá thường xuân vớ vẩn đó nữa.

– Bao giờ xong chị bảo em ngay nhé ! – Giôn-xi nói rồi nhắm mắt lại, nằm yên và trắng bệch như một pho tượng đổ – Vì em muốn được thấy chiếc lá cuối cùng rụng xuống. Em đợi mãi ngán lắm rồi, em nghĩ mãi mệt lắm rồi. Em muốn buông trôi hết thảy và dong buồm xuôi dòng như một trong những chiếc lá mệt mỏi và tội nghiệp kia.

– Cố ngủ đi – Xiu nói – Chị phải đi mời cụ Bơ-men lên làm mẫu cho chị vẽ một người thợ mỗ già khổ hạnh. Chị sẽ không đi lâu quá một phút đâu. Đừng có động đây, chờ chị quay lại nhé.

Cụ Bơ-men là một họa sĩ ở tầng dưới cùng, dưới tầng của họ. Cụ đã ngoài sáu mươi và có một bộ râu như Mũi-dơ⁽⁸⁾ của Mi-ke-lăng-giơ⁽⁹⁾ loăn xoăn trừ cái đầu như đầu thần Xa-tia⁽¹⁰⁾ lòa xòa xuống cái thân hình như thân hình một tiểu yêu⁽¹¹⁾. Bơ-men là một người thất bại trong nghệ thuật. Cụ múa cây bút vẽ đã bốn mươi năm mà vẫn không với tới được gấu áo vị nữ thần của mình. Cụ luôn luôn có ý định vẽ một bức tranh kiệt tác, nhưng chưa bao giờ bắt đầu cả. Bao năm nay cụ chẳng vẽ được gì, ngoài việc thỉnh thoảng bôi bác một bức cho ngành buôn bán hay quảng cáo. Cụ kiếm được chút ít bằng cách ngồi làm mẫu cho các nghệ sĩ trẻ cùng ở xóm đó, không đủ tiền thuê nổi một người làm mẫu chuyên nghiệp. Cụ uống rượu nặng quá độ và vẫn nói về cái tác phẩm kiệt xuất sắp tới của mình. Còn ngoài ra cụ là một ông già nhỏ nhắn dữ tợn, hay chế nhạo cay độc sự mềm yếu của bất kì ai, và tự coi mình là một con chó xồm lớn chuyên gác cửa bảo vệ hai nữ nghệ sĩ trẻ ở phòng vẽ tầng trên.

Xiu tìm thấy cụ Bơ-men sặc sụa mùi rượu đầu loại nặng trong gian buồng tối om om của cụ ở tầng dưới. Trên giá vẽ ở góc buồng là một tấm vải trắng trơn, từ hai mươi lăm năm nay vẫn cứ chờ đợi mãi nét vẽ đầu tiên của bức tranh kiệt tác. Cô kể cho cụ nghe ý nghĩ kì quặc của Giôn-xi và nói cho cụ biết cô lo lắng như thế nào về Giôn-xi ; cô ấy yếu đuối và mảnh mai như một chiếc lá, quả thật, rất có thể sẽ bay đi mất, khi mỗi ràng buộc mong manh giữa cô ấy ở trên trần thế này suy yếu.

Cụ Bơ-men cặp mắt đỏ ngầu, nước mắt chảy ròng ròng, hét lên sự khinh bỉ và nhạo báng của mình đối với những chuyện tưởng tượng ngốc nghếch ấy. Cụ quát to :

– Sao ! Trên đời này lại có những người ngớ ngẩn muốn chết chỉ vì một cây leo chết tiệt nào đó rụng hết lá ư ? Tôi chưa bao giờ nghe thấy một chuyện như thế cả. Không, tôi sẽ không ngồi làm mẫu cho cô vẽ cái lão già ngu xuẩn ngớ ngẩn của cô đâu. Tại sao cô lại để cho những chuyện vớ vẩn ấy chui vào đầu óc cô ta ? Chà, tội nghiệp cô bé Giôn-xi.

– Em nó ốm nặng và yếu lắm – Xiu nói – cơn sốt đã làm đầu óc nó đâm ra bệnh hoạn, đầy những ý nghĩ kì quái. Thôi được, cụ Bơ-men ạ, cụ không muốn ngồi làm mẫu cho cháu thì thôi. Nhưng cháu thấy cụ thật là một ông già kinh khủng, sao mà lắm lời, lắm điều thế.

– Cô thật đúng là đàn bà ! – Cụ Bơ-men hét lên – Ai bảo là tôi không muốn ngồi làm mẫu ? Đi, tôi lên cùng với cô. Tôi đã nói suốt nửa tiếng đồng hồ rằng tôi sẵn sàng ngồi làm mẫu kia mà. Trời, đây không phải chỗ cho một con người tốt như cô Giôn-xi nằm. Một ngày kia tôi sẽ vẽ một tác phẩm kiệt xuất và tất cả chúng ta sẽ đi khỏi nơi này. Trời, nhất định thế.

Khi hai người lên tới gác trên thì Giôn-xi đang ngủ. Xiu kéo tấm màn màn xuống che kín cửa sổ và ra hiệu cho cụ Bơ-men sang buồng bên cạnh. Sang đến nơi, họ ngoái ra ngoài cửa sổ, sợ sệt nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau, không nói một lời. Một cơn mưa lạnh lẽo, dai dẳng, pha lẫn tuyết đang đổ xuống. Cụ Bơ-men mặc chiếc sơ mi cũ màu xanh, ngồi làm một tay thợ mỏ già trên cái ấm đun nước lật úp giả làm một tảng đá.

Sáng hôm sau, Xiu tỉnh dậy sau khi chớp mắt được một giờ thì thấy Giôn-xi đang mở to cặp mắt thần thờ nhìn tấm màn màn màu xanh đã kéo xuống.

– Kéo nó lên, em muốn xem – cô thều thào ra lệnh.

Xiu làm theo một cách chán nản.

Nhưng ô kìa, sau trận mưa vui đập và những cơn gió phũ phàng kéo dài cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Tuy ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng rìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, tuy vậy chiếc lá dũng cảm vẫn bám vào cành cách mặt đất chừng sáu thước.

– Đó là chiếc lá cuối cùng – Giôn-xi nói – Em cứ tưởng là nhất định hôm qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết.

– Em thân yêu, – Xiu nói, cúi khuôn mặt hốc hác xuống gần gối – nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa thì hãy nghĩ đến chị, chị sẽ làm gì đây ?

Nhưng Giôn-xi không trả lời. Trong khắp thế gian, cái cô đơn nhất là một tâm hồn đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Những sợi dây ràng buộc cô với tình bạn, với thế gian này cứ lờ lững dần từng cái một thì ý nghĩ kì quặc kia hình như lại càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.

Ngày hôm đó trời qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc bám lấy cái cuống của nó trên tường và rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bắc lại lồng lộn, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và từ mái hiên thấp kiểu Hà Lan mưa rơi lộp độp xuống mặt đất.

Khi trời vừa hửng sáng thì Giôn-xi, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo màn lên.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.

Giôn-xi nằm nhìn lá hồi lâu. Rồi cô gọi Xiu đang quấy món cháo gà trên lò hơi đốt.

– Em thật là một con bé hư, chị Xiu ạ. – Giôn-xi nói – Có một cái gì đó đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đấy để em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu Booc-đô và, không, mang cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp những chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng.

Một giờ sau cô lại nói :

– Xiu ơi, em hi vọng một ngày nào đó sẽ được về vịnh Na-plơ.

Buổi chiều, bác sĩ tới và khi ông ta về, Xiu kiếm cớ theo ông ra ngoài hành lang.

– Được năm phần mười rồi, – bác sĩ nói và cầm lấy bàn tay mảnh dẻ run rẩy của Xiu – chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng. Và bây giờ tôi phải xuống dưới nhà thăm một bệnh nhân khác. Tên ông cụ là Bơ-men, hình như là một nghệ sĩ gì đó. Cũng lại chứng sưng phổi, ông cụ già yếu, bệnh tình nguy kịch, chẳng còn hi vọng gì, nhưng hôm nay ông cụ sẽ vào nằm bệnh viện để được chăm sóc chu đáo hơn.

Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu :

– Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng. Giờ chị chỉ còn bồi dưỡng và chăm nom, có thể thôi.

Và buổi chiều hôm đó, Xiu tới bên giường Giôn-xi đang nằm và đang vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len màu xanh thẫm rất vô dụng. Xiu ôm lấy cả người Giôn-xi lẫn những chiếc gối.

– Chị có câu chuyện muốn nói với em, con chuột bạch của chị – cô nói – Hôm nay cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi ở bệnh viện rồi. Cụ ấy ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ấy ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giấy và áo quần cụ ướt sũng và lạnh buốt. Mọi người không ai hiểu được cụ đã đi đâu trong một đêm khủng khiếp như thế, nhưng rồi họ tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn cháy sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, vài chiếc bút lông rơi vung vãi và một bảng màu xanh vàng pha trộn lẫn lộn, và em ạ, hãy nhìn ra ngoài cửa sổ kia, hãy nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có tự hỏi tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không ? Ô, em thân yêu, đó chính là tác phẩm kiệt xuất của cụ Bơ-men đấy. Cụ vẽ nó vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng.

NGÔ VINH VIỄN dịch

(Theo *Chiếc lá cuối cùng*, NXB Văn học, Hà Nội 1983)

Chú giải

(1) *Thu ngân* : thu tiền.

(2) *Nhập cảng* : ở đây có nghĩa là mua về.

(3) *Lịch sự mã thượng* : ý nói có tư cách cao thượng của người hiệp sĩ.

(4) *Na-plơ* : tên một thành phố và một cái vịnh ở I-ta-li-a.

(5) *Thường xuân* : một giống cây leo, cũng có khi gọi là trường xuân.

(6) *Xiu-đi* : tên gọi thân mật của Xiu.

(7) *Booc-đô* : một thứ rượu vang.

(8) *Môi-dơ* : nhân vật lịch sử Do Thái.

(9) *Mi-ke-lăng-giơ* : nghệ sĩ nổi tiếng I-ta-li-a (1475 – 1564), tác giả pho tượng *Môi-dơ*.

(10) *Xa-tia* : á thần trong thần thoại Hi Lạp, đầu tóc bù xù.

(11) *Tiểu yêu* : hang yêu quái nhai ranh.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyện này được đặt vào không gian và thời gian nào ? Việc khắc họa tỉ mỉ không gian, thời gian ấy có liên quan gì đến cảnh ngộ của các nhân vật trong truyện ?

2. Tuổi tác, tính tình (thích rượu nặng) kết hợp với hình ảnh tấm vải vẽ trống trơn thể hiện như thế nào nỗi trăn trở của họa sĩ Bơ-men muốn vẽ một kiệt tác ? Chiếc lá thường xuân cụ vẽ trên tường có phải là một kiệt tác không ? Vì sao ?

3. Theo dõi diễn biến của hai nhân vật Giôn-xi và Bơ-men, nhất là ở phần cuối của truyện để chứng minh rằng truyện được kết thúc trên cơ sở hai sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên hiện tượng đảo ngược tình thế hai lần.

4. Giôn-xi hay Bơ-men là nhân vật nổi bật nhất trong truyện này ? Vì sao ?

Bài 3

CỐ HƯƠNG

LỖ TẤN

Tiểu dẫn

Lỗ Tấn (1881-1936) là nhà văn cách mạng nổi tiếng của Trung Quốc, tên thật là Chu Thụ Nhân, tên chữ là Dự Tài, quê ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Xuất thân trong một gia đình quan lại sa sút, ông có điều kiện thấy rõ từ bên trong những mặt xấu xa của xã hội phong kiến và sự bất lực trước các thế lực đế quốc của triều đình Mãn Thanh. Từ lúc trẻ, Lỗ Tấn đã từ già gia đình, quê hương, quyết tâm đi tìm chân lí. Thoạt đầu, nghĩ rằng sức mạnh của khoa học và kĩ thuật có thể cứu được nước, ông lần lượt theo học các ngành hàng hải, địa chất rồi y học. Nhưng rồi ông dần thấy rằng một mình khoa học không thể làm thay đổi được xã hội một cách triệt để. Ông bỏ ngành y, chuyển sang hoạt động văn học vì nghĩ rằng văn học là vũ khí lợi hại để "biến đổi tinh thần" dân chúng đang ở tình trạng "ngu muội" và "hèn nhát". Trước, trong và sau phong trào Ngũ Tứ năm 1919, Lỗ Tấn đã viết được nhiều truyện ngắn xuất sắc sau này tập hợp lại trong hai tập *Gào thét* (1923) và *Bàng hoàng* (1926). *Cố hương* là một trong những truyện ngắn tiêu biểu nhất của tập *Gào thét*.

Trong quá trình đi tìm chân lí, Lỗ Tấn không phải không có những giây phút "trầm tư", "buồn chán", song nhờ luôn gắn bó với phong trào cách mạng qua các giai đoạn, đặc biệt nhờ sự tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Lỗ Tấn dần trở thành một chiến sĩ cộng sản kiên định.

Năm 1981, toàn thế giới đã kỉ niệm 100 năm ngày sinh Lỗ Tấn như một danh nhân văn hóa của nhân loại.

Tôi không quản trời lạnh giá, về thăm làng cũ, xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt hơn hai mươi năm nay⁽¹⁾.

Đang độ giữa đông. Gần về đến làng, trời lại càng u ám. Gió lạnh lùa vào khoang thuyền, vì vu. Nhìn qua các khe hở mũi thuyền,



thấy xa gần thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa. Không nén được, lòng tôi se lại.

A, đây thật có phải là làng cũ mà hai mươi năm trời nay tôi hằng ghi lấy hình ảnh trong kí ức⁽²⁾ không?

Hình ảnh làng cũ trong kí ức tôi không giống hẳn như thế này. Làng cũ tôi đẹp hơn kia ! Nhưng nếu phải nhớ rõ đẹp như thế nào, nói rõ đẹp ở chỗ nào thì thật không có hình ảnh ngôn ngữ nào diễn tả ra cho được. Phảng phất thì cũng có hơi giống đấy. Tôi nghĩ bụng : Hẳn làng cũ mình vốn chỉ như thế kia thôi, tuy chưa tiến bộ hơn xưa, nhưng cũng vị tất đến nỗi thê lương như mình tưởng. Chẳng qua là tâm tình mình đã đổi khác, bởi vì về thăm chuyến này, lòng mình vốn đã không vui.

Về thăm chuyến này, ý định là để từ giã nó lần cuối cùng. Ngôi nhà cũ nơi cả đại gia đình chúng tôi đời đời ở chung với nhau, mà chúng tôi đã phải đồng tình bán cho người ta rồi, nội năm nay phải giao cho họ. Vì thế, tôi cần phải về trước Tết, vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân yêu, đem gia đình đến nơi đất khách tôi đang làm ăn, sinh sống.

Tình mơ sáng hôm sau, tôi về tới cổng nhà. Trên mái ngói, mấy con tranh khô phất phơ trước gió, đủ rõ nhà không đổi chủ không được. Những gia đình khác có lẽ đã dọn đi rồi, cho nên cảnh tượng càng hiu quạnh.

Tôi vừa bước vào gian nhà chúng tôi ở thì mẹ tôi đã chạy ra đón. Hoàng, đứa cháu vừa mới lên tám tuổi, cũng chạy theo.

Mẹ tôi rất mừng rỡ, nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín. Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà, không đả động gì đến chuyện dọn nhà cả. Cháu Hoàng chưa gặp tôi bao giờ chỉ dám đứng đằng xa nhìn tôi chòng chọc.

Nhưng rồi chúng tôi cũng bàn đến chuyện dọn nhà. Tôi nói nhà trên kia đã thuê xong, cũng đã sắm được ít đồ đạc, giờ hãy đem các thứ đồ gỗ ở nhà này bán đi hết lấy tiền mua thêm sau. Mẹ tôi cho cũng phải và bảo hành lí đã thu xếp gọn gàng đâu vào đấy cả rồi, đồ gỗ không tiện chuyên chở cũng bán được một ít rồi, nhưng tiền chưa thu vén được đủ.

Mẹ tôi nói :

– Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

– Vâng.

– Có anh Nhuận Thổ lần nào đến chơi cũng nhắc nhở đến con và rất mong có ngày được gặp con. Mẹ đã nhắn tin cho anh ấy biết chừng ngày nào con về. Có lẽ anh ấy cũng sắp đến thôi.

Lúc bấy giờ trong kí ức tôi, bỗng hiện ra một cảnh tượng thần tiên, kì dị : Một vầng trăng tròn vàng thắm treo lửng lơ trên nền trời xanh đậm, dưới là một bãi cát bên bờ biển, trông toàn dưa hấu, bát ngát một màu xanh rờn. Giữa ruộng dưa, một đứa bé trạc mười một, mười hai tuổi, cổ đeo vòng bạc, tay lăm lăm cầm chiếc đinh ba, đang cố sức đâm theo một con "tra"⁽³⁾. Con vật bỗng quay lại, luồn qua háng đứa bé, chạy mất.

Đứa bé ấy chính là Nhuận Thổ. Khi tôi quen Nhuận Thổ cách đây khoảng chừng hai mươi năm, Nhuận Thổ chỉ độ lên mười. Lúc đó thấy tôi hãy còn, cảnh nhà sung túc, tôi đang hoang là một cậu ấm. Năm ấy là năm đến lượt nhà tôi lo giỗ tổ. Nghe nói thì cứ hơn ba mươi năm mới đến lượt lo giỗ này một lần, cho nên rất linh đình. Giỗ vào tháng giêng, lễ vật rất nhiều, các đồ tế rất sang, người đến lễ cũng rất đông, vì thế phải đề phòng mất cắp. Nhà tôi chỉ nuôi một người ở tháng (địa phương tôi, người đi làm thuê chia làm ba hạng, ở năm gọi là "trường niên", làm thuê từng ngày gọi là "đoản công", nhà mình cũng có cày, chỉ giỗ tết, hay vụ thu tô, đến làm mướn cho người ta thì gọi là "ở tháng"). Người ở bận quá, làm không hết việc, liền xin thầy tôi cho gọi thằng con là Nhuận Thổ đến để nó trông coi các thứ đồ tế cho.

Thầy tôi bằng lòng. Tôi cũng rất thích vì đã có nghe nói đến Nhuận Thổ, lại biết Nhuận Thổ với tôi tuổi cũng suýt soát bằng nhau. Hẳn sinh tháng nhuận, ngũ hành khuyết thổ⁽⁴⁾ nên bố hẳn đặt tên là Nhuận Thổ. Hẳn bầy chim sẻ thì tài lắm.

Thế là ngày nào tôi cũng mong cho mau đến năm mới. Năm mới đến thì Nhuận Thổ cũng đến mà ! Chờ mãi mới hết năm. Một hôm, mẹ tôi bảo : "Thằng Nhuận Thổ đến rồi đấy !". Tôi liền chạy ra xem. Hẳn đang đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. Đủ biết bố hẳn quý hẳn như thế nào : sợ hẳn khó nuôi, bố hẳn đã nguyện trước thần phật làm vòng xích, xích lại. Hẳn thấy ai là bên lên,

chỉ không bền lên với một mình tôi thôi. Khi vắng người, hấn mới nói chuyện với tôi. Thế là chưa đầy nửa ngày, chúng tôi đã thân nhau. Không biết bấy giờ chúng tôi nói với nhau những gì, chỉ nhớ rằng Nhuận Thổ thích chí lắm. Hấn bảo lên tỉnh hấn mới được trông thấy những điều hấn chưa bao giờ trông thấy cả.

Hôm sau, tôi rủ hấn bẫy chim. Hấn nói:

– Không được đâu ! Phải chờ tuyết xuống cho nhiều đã. Làng em toàn đất cát, hễ tuyết xuống là em quét lấy một khoảng đất trống, dùng một cái que ngấn chống một cái nong lớn, rắc ít lúa lép, thấy chim tước xuống ăn, đứng đằng xa giật mạnh sợi dây buộc vào cái que, thế là chim bị chụp vào nong hết. Thứ nào cũng có : sẻ đồng, chào mào, "bột cô", sẻ xanh lưng.

Thế là tôi lại càng chờ ngày tuyết xuống.

Nhuận Thổ lại nói :

– Bấy giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò "mặt quỷ", sò "tay phật"⁽⁵⁾. Tối đến, em và thấy em đi canh dưa thì anh cũng đi...

– Canh trộm à ?

– Không phải. Ở làng em, người đi qua đường khát nước hái một quả dưa ăn, không kể là lấy trộm. Canh là canh lợn rừng, nhím, tra. Này nhé! Sáng trắng. Có tiếng sột soạt. Tra đang ngốn dưa đấy ! Thế là cầm đinh ba khe khẽ tiến lên...

Hồi đó và cho cả đến bây giờ nữa, tôi vẫn chưa biết con tra là con gì. Chẳng căn cứ vào đâu, tôi cứ tưởng tượng hình thù nó như con chó con nhưng dữ hơn.

– Nó không cắn à ?

– Đã có đinh ba⁽⁶⁾ rồi. Tiến lên gần, thấy tra là đâm ngay. Giống ấy tình khôn lắm. Nó quay lại, đâm thẳng về phía mình rồi luôn qua háng mình biến mất. Lông, da nó trơn như mỡ.

Tôi chưa hề biết trên đời này lại có những chuyện mới lạ như vậy : bên bờ biển có những vỏ sò đủ màu sắc như thế kia, và có được quả

dưa hấu ăn cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm. Trước đây tôi chỉ biết quả dưa hấu bán ở hàng hoa quả mà thôi !

– Ở đất cát chúng em, lúc thủy triều dâng lên, có rất nhiều những con "cá nhảy", cứ nhảy lung tung, hai chân như chân nhái.

Trời ! Nhuận Thổ hấn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, kể không xiết! Những chuyện đó, bạn bè tôi từ trước đến nay, không ai biết cả. Chúng nó không biết là vì trong khi Nhuận Thổ sống bên bờ biển thì chúng nó, cũng như tôi, chỉ nhìn thấy một mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bao bọc lấy cái sân mà thôi !

Nhưng tiếc thay, đã hết tháng giêng. Nhuận Thổ phải về quê hấn. Lòng tôi xốn xang, tôi khóc to lên. Hấn lẫn trong bếp, cũng khóc mà không chịu về. Nhưng rồi bố hấn cũng lôi hấn đi. Sau đó, hấn có nhờ bố hấn mang lên cho tôi một bọc vỏ sò và mấy thứ lông chim rất đẹp. Tôi cũng có vài lần gửi cho hấn ít quà. Nhưng từ đấy chúng tôi không hề gặp mặt nhau nữa.

Bấy giờ mẹ tôi nhắc đến Nhuận Thổ, kí ức tôi bỗng dưng như bừng sáng lên trong chốc lát. Tôi cảm thấy tựa hồ tôi đã tìm ra được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào rồi. Tôi trả lời mẹ tôi :

– Thế thì hay quá ! Anh ta... ra sao ?

– Anh ta ấy à ? Tình cảnh cũng chẳng ra gì. – Mẹ tôi vừa nói vừa nhìn ra phía ngoài – Mấy người kia lại đến ! Nói mua đồ gỗ nhưng cứ tiện tay mang bữa đi. Mẹ phải ra xem xem sao.

Mẹ tôi đứng dậy, đi ra. Ngoài cửa có tiếng đàn bà đang hỏi chuyện. Tôi gọi cháu Hoàng đến gần, hỏi vớ vẩn : hỏi nó đã biết viết chưa, có thích đi xa không.

– Chúng ta có đi tàu hỏa không bác ?

– Có, chúng ta đi tàu hỏa.

– Thế có đi thuyền không, bác ?

– Có, đi thuyền trước...

Bỗng có tiếng ai lạ, the the nói to lên :

– Thế này rồi kia à ! Râu mọc dài thế này rồi kia à !

Tôi giật mình, vội ngẩng đầu lên thì trông thấy một người đàn bà, trên dưới năm mươi tuổi, lưng quyền⁽⁷⁾ nhô ra, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, không buộc thắt lưng, chân đứng chạng ra, giống hệt cái com-pa trong bộ đồ vẽ, có hai chân bé tí.

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên.

– Không nhận ra à ! Ngày bé tôi vẫn bế anh đấy !

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn. May mà lúc đó mẹ tôi bước vào, đỡ lời cho :

– Cháu nó đi xa lâu ngày thành ra quên hết cả. Con nhớ nhá !

Rồi ngoảnh về phía tôi nói :

– Đây là thím Hai Dương ở xế cửa nhà ta đây mà ! Thím mở hàng bán đậu phụ.

A ! Nhớ ra rồi. Hồi tôi còn bé, quả có một chị Hai Dương vẫn ngồi trong quán bán đậu phụ xế cửa nhà tôi, người ta gọi chị là "nàng Tây Thi"⁽⁸⁾ đậu phụ". Nhưng hồi đó, chị xoa phấn, lưng quyền không cao như thế này, môi cũng không mỏng như bây giờ. Và chị cứ ngồi suốt buổi nên tôi cũng chưa hề được nhìn thấy cái dáng điệu "com-pa" của chị. Hồi đó người ta nói, sở dĩ hàng đậu phụ bán chạy là vì có chị ta. Song có lẽ vì tôi không cùng lứa tuổi với chị, cũng chưa bao giờ bị chị ta làm cho đăm đui, nên mới quên bẵng đi. Nhưng cái "com-pa" kia lấy làm bất bình lắm, tỏ vẻ khinh bỉ, cười kháy tôi như cười kháy một người Pháp không biết đến Nã Phá Luân⁽⁹⁾, một người Mĩ không biết đến Hoa Thịnh Đốn⁽¹⁰⁾ vậy ! Rồi nói :

– Quên à ! Phải, bây giờ cao sang rồi thì để ý đâu đến bọn chúng tôi nữa !

Tôi hoảng hốt, đứng dậy nói :

– Đâu có phải thế ! Tôi...

– Thế thì tôi nói anh nghe nhé ! Anh Tấn này ! Anh bây giờ sang trọng rồi, còn cần quái gì các thứ đồ gỗ hư hỏng này nữa. Chuyên chở lại lịch kịch lắm. Cho chúng tôi khuôn đi thôi. Chúng tôi nhà nghèo dùng được tất.

– Có gì đâu mà sang trọng ! Chúng tôi cần phải bán các thứ này đi để...

– Ái chà ! Anh bây giờ làm quan rồi mà bảo là không sang trọng ? Những ba ngàn hầu. Mỗi lần đi đâu là ngồi kiệu lớn tám người khiêng, còn bảo là không sang trọng ? Hừ ! Chẳng cái gì giấu nổi chúng tôi đâu !

Tôi biết không thể nói làm sao được đành ngậm miệng, đứng trầm ngâm.

– Ôi chào ! Thật là càng giàu có càng không dám rời một đồng xu ! Càng không dám rời một đồng xu lại càng giàu có !

Mụ "com-pa" tức giận, miệng lẩm bẩm, quay gót thong thả đi ra, tiện tay giật luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giắt vào lưng quần, cút thẳng.

Sau đó, lại có mấy người bà con hàng xóm và mấy người thân thuộc đến thăm. Tôi vừa tiếp khách vừa tìm chút thì giờ rảnh sửa soạn hành lí. Như thế mất ba bốn ngày.

Một hôm, trời rét lắm. Quá trưa, tôi vừa ăn cơm xong, đang ngồi uống trà, bỗng nghe như có tiếng ai ở ngoài đi vào. Ngoảnh ra xem tôi ngạc nhiên vô cùng vội vàng đứng dậy ra đón.

Người đi vào là Nhuận Thổ. Tuy tôi nhận ra ngay là Nhuận Thổ, nhưng lại không phải là Nhuận Thổ trong kí ức tôi. Anh cao gấp hai trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia nay đổi thành vàng xạm, lại có thêm những nếp răn sâu hóm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ, ở miền biển, gió thổi suốt ngày đại để ai cũng thế cả. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài. Bàn tay này cũng không phải là bàn tay tôi còn nhớ, hồng hào, lạnh lện, mập mạp, cứng rắn, mà vừa thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông.

Lúc bấy giờ tôi mừng rỡ vô cùng, nhưng chưa biết nói thế nào cho phải, đành chỉ hỏi :

– À, anh Nhuận Thổ, anh đã đến đây à !

Tôi còn có rất nhiều chuyện để nói tiếp, tưởng chừng có thể tuôn ra như nước chảy "nào là chim chào mào, nào là cá nhảy, vỏ sò, tra..." nhưng không biết hình như có cái gì chẹn lại, chỉ loanh quanh trong đầu óc, không thốt ra thành lời được.

Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt vừa hớn hở vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng nói không ra tiếng. Rồi bỗng anh lấy một dáng điệu cung kính, chào rất rành mạch :

– Bẩm ông !

Tôi như điếng người đi. Thôi đúng rồi ! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng nói không nên lời.

Anh ta ngoảnh đầu lại gọi :

– Thủy Sinh. Con không lay ông đi kìa !

Anh liền kéo đứa bé nấp sau lưng anh ra. Trông nó giống hệt anh hai mươi năm về trước, chỉ có điều vàng vọt, gầy còm hơn một tí, và cổ không đeo vòng bạc mà thôi.

– Thưa, đây là cháu thứ năm đấy ạ ! Chưa đi đâu bao giờ, cứ thấy ai là lẩn tránh...

Mẹ tôi và cháu Hoàng chừng đã nghe thấy tiếng từ trên gác đi xuống.

Anh Nhuận Thổ nói :

– Lay cụ ạ ! Thưa cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá !

Mẹ tôi vui vẻ nói :

– Ấy, sao lại khách tình thế ! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà ? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi !

– Ái chà ! Cụ thật là... Như thế thì còn ra thể thống nào nữa. Hồi đó, còn nhỏ dại, chưa hiểu...

Anh Nhuận Thổ vừa nói vừa gọi Thủy Sinh lại chào, nhưng thằng bé bèn lên, bám sát vào lưng bố.

Mẹ tôi nói :

– Cháu Thủy Sinh đấy à ? Cháu thứ năm phải không nhỉ ? Toàn là người lạ, chẳng trách rụt rè là phải. Hoàng đâu, dẫn em ra chơi đi !

Hoàng nghe nói liền gọi Thủy Sinh. Thủy Sinh nhẹ nhàng khoan khoái cùng Hoàng đi ra. Mẹ tôi bảo Nhuận Thổ ngồi. Anh ngáp ngừng một lát rồi cũng ngồi xuống, để cái tẩu thuốc dựa vào mé bàn, đưa cái gói giấy ra nói :

– Ngày đông tháng giá, chẳng có gì. Đây chỉ là ít đậu xanh của nhà phơi khô, xin ông...

Tôi hỏi thăm gia đình anh. Anh chỉ lắc đầu :

– Bẩm, vất vả lắm ! Cháu thứ sáu cũng đã giúp được việc, nhưng nhà vẫn không đủ ăn, lại có được sống yên ổn đâu !... Chỗ nào cũng hỏi tiền, chẳng có mặt lẻ gì cả. Mùa lại mất. Trồng được gì là gánh đi bán tất. Chỉ đóng góp vài lần là cụt vốn rồi. Không đem bán thì lại thối mục hết.

Anh cứ lắc đầu. Những nếp nhăn khắc sâu trên mặt anh tuyệt nhiên không động đậy. Trông anh phảng phất như một pho tượng đá. Có lẽ anh chỉ cảm thấy khổ nhưng không nói ra được hết, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cầm lấy dọc tẩu, lặng lẽ hút thuốc.

Mẹ tôi hỏi chuyện anh, biết nhà anh bận lắm việc, ngày mai phải về, lại chưa ăn cơm trưa, liền bảo anh xuống bếp rang cơm ăn.

Anh đi ra. Mẹ tôi và tôi đều than thở, buồn cho cảnh nhà anh : con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào đầy dọa thân anh khiến anh trở thành đần độn, mù mẫm đi ! Mẹ tôi bàn với tôi :

– Cái gì không cần chở đi thì cho anh ta hết. Cứ để cho tùy ý chọn, lấy cái nào thì lấy.

trên vòm trời xanh đậm, treo lơ lửng một vầng trăng tròn vàng thắm. Tôi nghĩ bụng : đã gọi là hi vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất; kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

TRƯƠNG CHÍNH dịch
Lỗ Tấn, *Truyện ngắn tuyển tập*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1977)

Chú giải

(1) Thực tế không phải như vậy – Trong khoảng hai mươi năm ấy, Lỗ Tấn có về quê một số lần. Đặc biệt từ năm 1909 đến năm 1911, Lỗ Tấn đã dạy học tại các trường trung học và sư phạm ở quê nhà. Không gian, thời gian được trình bày như trong tác phẩm có tác dụng vừa làm nổi bật sự thay đổi của cố hương, vừa tô đậm thêm tình cảm của nhân vật Tôi đối với cố hương.

Dù nhiều chi tiết trong tác phẩm là sự việc có thực trong cuộc đời Lỗ Tấn song không bao giờ nên đồng nhất nhân vật Tôi và tác giả. *Cố hương* là một truyện ngắn chứ không phải là hồi kí.

(2) *Kí ức* : trí nhớ (về những việc đã qua).

(3) *Tra* : tên một giống thú thuộc loài lợn rừng.

(4) *Ngũ hành khuyết thổ* : theo quan niệm duy tâm về tướng số thì người ta có ngũ hành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Nhân vật trong truyện này sinh vào tháng nhuận nên thiếu mất một hành là hành thổ, vì thế phải đặt tên là Nhuận Thổ.

(5) *Sò "mặt quỷ", sò "tay phật"* : các giống sò được đặt tên theo hình dáng vỏ ngoài của chúng.

(6) *Đinh ba* : loại vũ khí có cán dài, đầu bằng sắt chia ra nhiều mũi nhọn để đâm, xia.

(7) *Lưỡng quyền* : hai bên gò má.

(8) *Tây Thi* : tên một phụ nữ rất đẹp ở nước Việt (nay thuộc tỉnh Chiết Giang) thời Xuân Thu, sau lấy vua nước Ngô là Phù Sai. Người ta thường ví một phụ nữ đẹp, thậm chí một phong cảnh đẹp với Tây Thi. Ở đây dùng điển Tây Thi rất đúng chỗ vì thím Hai Dương là "đồng hương" với Tây Thi song đặt chữ "đậu phụ" bên cạnh tên Tây Thi lại gây nên giọng điệu hài hước, một nét ta

thường thấy ở truyện ngắn Lỗ Tấn, dù là tác phẩm mang đậm màu sắc trữ tình như *Cố hương*.

(9) *Nã Phá Luân* : tên một hoàng đế nước Pháp (phiên âm theo kiểu cũ) nổi tiếng khắp thế giới vào đầu thế kỉ XIX (tiếng Pháp đọc là Na-pô-lê-ông).

(10) *Hoa Thịnh Đốn* : phiên âm theo kiểu cũ tên của Oa-sinh-tơn (1732 – 1799), vị Tổng thống đã sáng lập ra nước cộng hòa Mỹ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm bố cục của truyện (*Gợi ý* : theo trình tự thời gian của chuyến về quê của nhân vật Tôi để chia thành ba phần: phần giữa, dài nhất – "những ngày ở quê" – có thể chia thành một số đoạn nhỏ).

2. Phân tích sự thay đổi ở nhân vật Nhuận Thổ sau hai mươi năm xa cách nhân vật Tôi (về diện mạo, về tinh thần). Nguyên nhân của sự thay đổi? Sự thay đổi đó nói lên điều gì? Có mặt nào ở Nhuận Thổ không thay đổi? Ý nghĩa của những mặt không thay đổi đó? Tác giả đã dùng những thủ pháp nghệ thuật nào để làm nổi bật sự thay đổi ở Nhuận Thổ?

3. Tìm hiểu diễn biến tình cảm của nhân vật Tôi đối với làng quê (*Gợi ý* : men theo ba phần của truyện, đặc biệt chú ý đoạn hồi ức về quan hệ giữa Tôi và Nhuận Thổ trong quá khứ và phần cuối tác phẩm ghi lại những suy ngẫm của Tôi trên đường rời quê). Những nét đáng quý trong tình cảm đối với quê hương của nhân vật Tôi.

4. Ngoài Nhuận Thổ và Tôi, trong truyện còn có nhiều nhân vật khác : mẹ của Tôi, Hoàng, Thủy Sinh, thím Hai Dương, đứa cháu gái của Nhuận Thổ... Thử phân tích ý nghĩa sự có mặt của một trong những nhân vật ấy.

5. Câu hỏi thảo luận : a) Có người cho rằng Nhuận Thổ và Tôi đều là nhân vật chính của truyện nhưng Tôi mới là nhân vật trung tâm. Em có đồng ý không? Vì sao? b) Có người cho rằng tác phẩm có một hình tượng bao trùm, ấy là "cố hương". Em có đồng ý không? Vì sao?

Bài 4

THỜI THƠ ẤU

(Trích)

GOR-KI

Tiểu dẫn

Mác-xim Gor-ki (1868 – 1936) là một nhà văn lớn của nước Nga, là người có công đầu trong việc xây dựng nền văn học Xô viết (tức là nền văn học của Liên Xô). Cuối thế kỉ trước, Gor-ki xuất hiện như con "chim báo bão" của cách mạng và ngày nay những trang sách của ông vẫn hết sức hấp dẫn, sáng chói niềm tin yêu đối với con người, đối với nhân dân.

Kiệt tác *Thời thơ ấu* được viết trong những năm 1912 – 1913. Đây là những trang hồi kí về những năm thơ ấu của A-li-ô-sa Pê-skôp (tên thật của Mác-xim Gor-ki), từ khi chú bé mới ba tuổi bị mồ côi bố đến ngày phải tự lực kiếm sống, chú bé mới mười tuổi đầu.

Bài văn sau đây được trích từ chương IX, nói về tình bạn giữa A-li-ô-sa (nhân vật xưng "tôi") và ba đứa trẻ nhà láng giềng. A-li-ô-sa thuộc tầng lớp bình dân, cuộc sống khốn khổ. Ba đứa trẻ kia là con của đại tá Ôp-xi-an-ni-kôp, thành phần quý tộc.

Hầu như chiều nào cũng vậy, có ba đứa trẻ chơi đùa ở trong sân cho đến tối mịt. Ba đứa cùng mặc áo cánh và quần dài màu xám, cùng đội mũ như nhau. Chúng có khuôn mặt tròn, mắt xám và giống nhau đến nỗi tôi chỉ có thể phân biệt được chúng theo tầm vóc.

Tôi quan sát chúng qua khe hở hàng rào, nhưng chúng không nhìn thấy tôi : tôi thì lại rất muốn chúng nhìn thấy tôi. Tôi thích xem chúng chơi những trò chơi không quen biết một cách rất thú vị, vui vẻ và không bao giờ cãi nhau. Tôi thích cách ăn vận của chúng, thích thái độ săn sóc của chúng đối với nhau, nhất là của hai thằng anh đối với đứa em nhỏ, một thằng bé ngộ nghĩnh và lanh lợi. Mỗi khi thằng em ngã là hai đứa anh lại cười, như người ta vẫn thường cười những người bị ngã, nhưng không phải cười một cách độc ác. Ngay lúc đó

chúng đỡ thằng em dậy, và nếu tay hoặc đầu gối nó bẩn thì chúng lấy lá chuối lau hoặc khăn tay lau các ngón tay và quần cho sạch. Thằng anh thứ hai nói một cách hiền hậu :

– Em lóng ngóng quá !

Chúng không bao giờ cãi nhau, không bao giờ gian lận. Cả ba đều rất nhanh nhẹn, khỏe mạnh, không biết mệt mỏi là gì.

Một lần tôi leo lên cây và huýt sáo gọi chúng, chúng dừng ngay lại, rồi không vội vàng, chúng túm lại, đưa mắt nhìn tôi, và thì thầm bàn bạc gì với nhau. Tôi tưởng chúng định lấy đá ném tôi, liền tụt xuống đất, nhặt đá bỏ vào túi, nhét vào trong áo rồi lại trèo lên cây. Nhưng lúc này chúng đã chơi xa chỗ tôi, ở tận phía cuối sân và xem chừng đã quên mất tôi. Tôi buồn quá, tuy vậy tôi cũng vẫn không muốn gây sự trước. Một lát sau có tiếng người gọi chúng qua cửa sổ :

– Đi về, các con !

Chúng thông thả và ngoan ngoãn đi vào hết như những chú ong.

Đã nhiều lần tôi ngồi trên cây phía trên hàng rào, hi vọng chúng gọi tôi xuống chơi với chúng, nhưng chúng không gọi. Tôi đã chơi với chúng trong ý nghĩ, và có lúc tôi đã say sưa đến nỗi hét lên hoặc cười thật to. Lúc đó ba đứa đều nhìn tôi và nói khẽ với nhau điều gì, còn tôi ngượng quá bèn tụt xuống đất.

Một lần chúng bắt đầu chơi ú tim. Đến lượt thằng anh thứ hai đi tìm, nó đứng vào một xó ở đằng sau nhà kho và lấy hai tay bịt mắt thật kín, còn hai anh em nó thì chạy đi trốn. Thằng anh nhanh nhẹn chui ngay vào trong một cỗ xe trượt tuyết to tướng ở dưới mái hiên nhà kho, còn thằng em thì cuống lên, cứ chạy quanh cái giếng không biết trốn vào đâu trông đến buồn cười.

Thằng anh kêu :

– Một... hai...

Thằng em liền nhảy lên thành giếng, nắm lấy dây và đứng vào chiếc gầu không. Chiếc gầu biến mất, đập vào thành giếng phát ra

những tiếng âm vang. Tôi sững sờ nhìn chiếc ròng rọc trơn dầu lặng lẽ quay nhanh. Nhưng lập tức, tôi hiểu điều sẽ xảy ra, tôi liền nhảy phắt xuống sân, kêu to :

– Ngã xuống giếng rồi !...

Thằng anh thứ hai chạy tới thành giếng cùng một lúc với tôi, nó nắm lấy dây gầu nhưng bị nhấc bổng lên khiến tay nó bị bỏng rát, nhưng tôi đã kịp chộp lấy sợi dây, và liền lúc đó thằng anh lớn chạy tới giúp tôi kéo chiếc gầu lên. Nó nói :

– Khẽ chứ nhé !...

Chúng tôi kéo được thằng bé lên ngay. Nó cũng sợ, bàn tay phải của nó rớm máu, má bị sây sát. Nó bị ướt đến thất lưng, mặt tái xanh nhưng vẫn mỉm cười. Nó rùng mình, hai mắt mở to, mỉm cười và nói, giọng kéo dài :

– Em bị ng-ã... ă... ghê-ê quá...

– Mà thật là điên, – thằng anh thứ hai nói, ôm lấy thằng bé, và lấy khăn tay lau máu trên mặt nó. Còn thằng anh lớn thì cau mày nói :

– Đi vào thôi, đằng nào cũng chẳng giấu được...

– Các cậu liệu có bị đánh không ? – tôi hỏi.

Nó gật đầu, sau đó chìa tay cho tôi và nói :

– Cậu chạy đến nhanh lắm !

Vui thích vì được khen, tôi chưa kịp nắm lấy tay nó thì nó đã nói với thằng thứ hai :

– Đi vào nhà thôi, kẻo nó bị cảm bây giờ ! Chúng ta sẽ bảo là nó bị ngã, nhưng đừng nói là ngã xuống giếng !

– Phải rồi, đừng nói, – thằng em vẫn còn rùng mình, đồng ý. – Bảo là em ngã vào vũng nước nhé !

Rồi chúng đi vào.

Tất cả những chuyện đó xảy ra nhanh đến nỗi lúc nhìn lại cảnh cây từ trên đó tôi đã nhảy xuống, tôi thấy nó vẫn còn rung rung và một chiếc lá vàng rụng xuống.

Có đến gần một tuần không thấy ba anh em nhà ấy ra sân chơi, nhưng sau đó chúng lại xuất hiện, ồn ào hơn trước. Thằng anh lớn nhìn thấy tôi trên cây, nó gọi, giọng thân mật :

– Xuống đây chơi với chúng tớ !

Chúng tôi leo lên cái xe trượt tuyết cũ để ở dưới mái hiên nhà kho rồi vừa ngắm nghía nhìn nhau, vừa nói chuyện rất lâu.

– Các cậu có bị đánh không ?

– Có, – thằng anh lớn trả lời.

Tôi thấy khó mà tin được rằng những đứa trẻ này cũng bị đánh như tôi, tôi thấy tức thay cho chúng.

– Sao cậu lại bắt chim ? – thằng bé nhất hởi.

– Vì chúng nó hót hay lắm.

– Không nên bắt, cứ để cho chúng nó muốn bay đi đâu thì bay...

– Được, tớ sẽ không bắt nữa !

– Nhưng cậu hãy bắt cho mình một con đã.

– Cậu muốn chim gì ?

– Chim gì hót vui ấy. Để nhốt vào lồng.

– Thế thì chim bạch yến chứ gì ?

– Mèo nó bắt mất, – thằng thứ hai nói – Mà bố cũng chẳng cho nuôi đâu.

Thằng anh lớn đồng ý :

– Đúng đấy, bố chẳng cho đâu...

– Thế các cậu có mẹ không ?

– Không, – thằng anh lớn nói. Nhưng thằng thứ hai chữa lại :

– Có, nhưng là mẹ khác, không phải là mẹ chúng tớ, chúng tớ không còn mẹ, mẹ chúng tớ chết rồi.

– Mẹ khác thì gọi là dì ghê, – tôi nói.

Thằng anh lớn gật đầu :

– Ừ.

Và cả ba đứa có vẻ suy nghĩ, gương mặt sầm lại.

Qua những câu chuyện cổ tích của bà tôi, tôi đã biết thế nào là đi ghẻ, vì vậy tôi rất thông cảm với sự yên lặng suy nghĩ của bọn trẻ. Chúng ngồi sát vào nhau, giống nhau như những chú gà con. Tôi nhớ lại chuyện mù đi ghẻ phù thủy đã dùng mưu đánh lừa để giả làm mẹ thật, tôi liền bảo chúng :

– Mẹ thật của các cậu rồi thế nào cũng sẽ về, rồi các cậu xem !

Thằng anh lớn nhún vai :

– Chết rồi cơ mà, về làm sao được...

Không được ư ? Trời ơi, biết bao nhiêu lần những người chết, thậm chí đã bị xả ra thành từng mảnh, mà chỉ cần vấy cho ít nước phép là lại sống lại : có biết bao nhiêu người chết mà không phải là chết thật, vì phép của bọn phù thủy !

Tôi bèn kể lại một cách sôi nổi cho chúng nghe những chuyện của bà tôi. Lúc đầu thằng anh lớn chỉ mỉm cười, sau nó nhẹ nhàng bảo :

– Những chuyện ấy chúng tớ biết cả rồi, đấy là những chuyện cổ tích...

Hai em nó im lặng nghe, thằng bé nhất mím chặt môi và phồng má lên, còn thằng kia thì chống khuỷu tay lên đầu gối, cúi về phía tôi, tay kia quàng lên vai em nó, ấn thằng này cúi xuống.

Trời đã bắt đầu tối, những đám mây đỏ treo lơ lửng trên các mái nhà. Bỗng đứng trước mặt chúng tôi hiện ra một lão già với bộ ria trắng, mình vận chiếc áo nâu, dài lưng thùng trông giống như một giáo sĩ ; đầu lão đội chiếc mũ xù lông.

– Đứa nào đây ? – lão già hỏi và chỉ vào tôi.

Thằng anh lớn đứng dậy, hất đầu về phía nhà ông tôi :

– Nó ở bên kia sang...

– Đứa nào gọi nó sang ?

Tức thì cả mấy đứa trẻ lặng lẽ bước ra khỏi chiếc xe và đi về nhà, khiến tôi lại nghĩ đến những con ngỗng ngoan ngoãn.

Lão già nắm chặt lấy vai tôi và dẫn tôi qua sân ra cổng. Lão làm tôi sợ đến phát khóc, nhưng lão bước dài và nhanh đến nỗi tôi chưa kịp khóc òa lên thì đã ở ngoài đường rồi. Lão già dừng trước cổng, giơ ngón tay dọa tôi và nói :

– Cấm không được đến chỗ tao !

Tôi cúi tiết :

– Tôi có thèm đến với lão đâu, đồ quỷ già !

Lão giơ cánh tay dài ngoẵng ra và lại tóm được tôi. Lão lôi tôi đi trên hè phố và hỏi tôi một câu làm tôi choáng váng chẳng khác gì bị một nhát búa nện vào đầu :

– Ông mày có nhà không ?

Không may cho tôi là ông tôi lại có nhà⁽¹⁾. Trông thấy lão già hằm hằm, ông tôi đứng đây. Đầu ngẩng lên, bộ râu vểnh về phía trước, ông tôi nhìn vào cặp mắt đục và tròn như hai đồng xu của lão già, hấp tấp nói :

– Mẹ nó đi vắng, còn tôi thì bận luôn, thành thử không có ai trông nom nó, xin đại tá tha lỗi cho !

Lão đại tá quát âm cả nhà, rồi lão quay đằng sau trông cứng đờ như một cây gỗ và đi thẳng. Còn tôi thì một lúc sau bị ném ra sân, vào trong chiếc xe của bác Pi-ôt.

– Chú mày lại bị tóm cổ rồi phải không ? – bác vừa hỏi vừa tháo ngựa ra khỏi xe. – Tại sao bị đánh ?

Khi tôi kể chuyện cho bác nghe, bác nổi xung và rít lên :

– Thế mày chơi với cái lũ con nhà quý tộc, lũ răn non ấy làm gì ? Chơi với chúng nó đã thấy sướng chưa ! Bây giờ thì mày đi mà nện cho chúng nó một trận, còn chờ gì nữa !

Bác ta nói như thế rất lâu. Bực mình vì trận đòn, lúc đầu tôi còn nghe bác với vẻ đồng tình, nhưng bộ mặt nhăn nhoe của bác cứ rung

rung mỗi lúc trông một khó chịu thêm và làm tôi nhớ lại rằng những đứa trẻ kia cũng sẽ bị đánh và đối với tôi chúng không có tội gì cả.

– Sao tôi lại đánh chúng nó ? Chúng nó tốt lắm. Bác chỉ toàn nói láo thôi ! – tôi nói.

Bác nhìn tôi và bất thành linh hết lên :

– Cút khỏi xe tao ngay !

– Đồ ngốc ! – Tôi nhảy xuống đất và hét lên.

Bác liền đuổi theo tôi quanh sân, nhưng cứ bắt hụt mãi, vừa chạy bác vừa la, giọng lạc hẳn đi :

– Tao mà là đồ ngốc à ? Tao mà nói láo à ? Tao phải cho mày...

Bà tôi bước ra cửa bếp, tôi liền chạy tới nép vào bà tôi. Còn bác Pi-ôt thì phàn nàn :

– Tôi không thể sống được với cái thằng nhãi ranh này ! Tôi nhiều tuổi hơn nó đến năm lần mà nó dám réo cha réo mẹ tôi ra mà chửi, bảo tôi là đồ nói láo...

Mỗi khi người ta đặt điều ngay trước mặt tôi, tôi thường sững sờ và trở nên dần dộn vì kinh ngạc. Lúc này tôi cũng đỡ dần cả người. Nhưng bà tôi đã trả lời dứt khoát :

– Ôi chà, bác Pi-ôt, tự bác đặt điều ra thì có, nó không chửi bác như vậy đâu !

Giá phải ông tôi thì ông tôi đã tin lời lão đánh xe rồi.

Từ hồi đó trở đi bắt đầu một cuộc chiến tranh âm thầm và gay gắt giữa bác Pi-ôt và tôi : bác ta cố tìm mọi cách giả như vô tình để xô đẩy tôi, lấy dây cương quật tôi, thả chim của tôi ra ; một lần bác ta còn đem chim của tôi cho mèo vồ. Bất cứ chuyện gì bác cũng đem mách ông tôi và luôn luôn bịa đặt thêm. Càng ngày tôi càng cảm thấy rằng bác ta cũng là đồ trẻ con như tôi, chỉ có mặt như ông già mà thôi. Về phía tôi, tôi tìm cách tháo giày gai của bác ta ra, tôi bí mật gỡ và cắt đứt những sợi gai để khi bác ta xỏ chân vào thì chúng đứt bung ra. Một hôm tôi đổ hạt tiêu vào mũi của bác làm cho bác ta hắt hơi hàng giờ liền. Nói chung, tôi cố sức trong phạm vi khả năng của tôi không chịu thua kém bác ta. Vào những ngày lễ,

suốt ngày bác ta để ý theo dõi tôi và đã nhiều lần bắt gặp tôi nói chuyện với mấy đứa con lão đại tá là điều tôi đã bị cấm. Thế là bác đi tố cáo với ông tôi.

Tôi vẫn tiếp tục chơi với ba đứa bé kia và quan hệ giữa tôi với chúng càng ngày càng trở nên thích thú. Trong một ngách hẹp giữa bức tường nhà tôi và hàng rào nhà Ôp-xi-an-ni-kốp có một cây du, một cây bồ đề và một bụi hương mộc rậm rạp. Nấp sau bụi cây đó tôi khoét một lỗ hổng hình bán nguyệt⁽²⁾ ở hàng rào. Mấy đứa con lão quý tộc, lần lượt từng đứa hoặc hai đứa một, lại gần, và chúng tôi ngồi xồm hoặc quỳ nói chuyện khe khẽ với nhau. Một đứa trong số ba anh em chúng phải luôn luôn đứng cạnh để đề phòng lão đại tá bắt chợt bắt gặp chúng tôi.

Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng, và những chuyện đó làm tôi rất buồn. Chúng kể cho tôi nghe về những con chim tôi bẫy được đang sống như thế nào và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì không bao giờ chúng nói một lời nào về dì ghê và bố chúng. Thường thì chúng chỉ đề nghị tôi kể chuyện cổ tích. Tôi kể lại những chuyện mà bà tôi đã kể, và nếu quên chỗ nào thì tôi bảo chúng đợi, rồi chạy về nhà hỏi lại bà tôi. Điều đó thường làm cho bà tôi rất hài lòng.

Tôi cũng kể cho chúng nhiều chuyện về bà tôi. Một hôm thằng lớn thở dài và nói :

– Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà mình trước cũng rất tốt...

Nó thường nói một cách buồn bã như vậy : ngày trước, trước kia, đã có lúc... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm. Tôi còn nhớ nó có đôi bàn tay nhỏ, những ngón tay thon thon và người nó mảnh dẻ, yếu ớt, cặp mắt nó rất sáng, nhưng dịu dàng như ánh sáng của những ngọn đèn trong nhà thờ. Hai em nó cũng rất đáng yêu, và cũng gây cho tôi một sự tin cậy hoàn toàn. Tôi luôn luôn muốn làm cho chúng vui thích, nhưng tôi ưa thằng lớn hơn cả.

TRẦN KHUYẾN, CẨM TIÊU, THANH NAM dịch
(Theo Thời thơ ấu, NXB Văn học, 1964)

Chú giải

(1) *Không may cho tôi là ông tôi lại có nhà* : ông của A-li-ô-sa là một người ác nghiệt, dữ dòn.

(2) *Hình bán nguyệt* : hình nửa mặt tròn.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Những dấu hiệu gì chứng tỏ ba đứa trẻ là "con-nhà có giáo dục". Nét nào trong tính nết và cách ứng xử của ba đứa trẻ làm em thích hơn cả ?

2. Thời gian đầu ba đứa trẻ hết sức dè dặt trong sự quan hệ với A-li-ô-sa. Vì sao ? Sau vụ hú vía xảy ra ở giếng, chúng thân mật mời A-li-ô-sa cùng chơi. Do đâu có sự thay đổi thái độ như vậy ?

3. Trong ba đứa trẻ, đứa nào tin, đứa nào không tin ở truyện cổ tích? Bản thân A-li-ô-sa có tin ở truyện cổ tích không ?

4. Bác Pi-ôt có thành kiến nặng nề với "lũ con nhà quý tộc", còn A-li-ô-sa thì có thái độ vô tư, hồn nhiên. Theo em, thái độ nào là thỏa đáng?

5. Trong hoàn cảnh gia đình của A-li-ô-sa có chỗ nào giống với hoàn cảnh gia đình của ba đứa trẻ ?

6. Trước sự hống hách của lão quý tộc đại tá, A-li-ô-sa đã phản ứng như thế nào ?

7. Qua bài trích văn này, em hình dung quan hệ của A-li-ô-sa với bà và với ông như thế nào ?

ĐỌC THÊM

THỜI THƠ ẤU

(Trích)

Tiểu dẫn

Bài văn này được trích từ chương XIII *Thời thơ ấu*. Gia đình sa sút, A-li-ô-sa phải lo kiếm tiền, đỡ đần cho bà. A-li-ô-sa hằng ngày cùng mấy đứa trẻ con "bụi đời", trong phố đi nhặt giẻ rách, giấy vụn, cũng có khi kéo nhau đi ăn trộm củi và ván trong những kho gỗ trên bờ sông.

Tôi cũng bắt đầu kiếm tiền : cứ đến ngày chủ nhật và ngày lễ là tôi dậy sớm, vợ lấy cái bị và đến các sân nhà, các phố để nhặt xương bò, giẻ rách, giấy vụn, đinh. Những người mua đồ cũ thường mua hai mươi cô-pêch một phút giẻ rách và giấy vụn, sắt cũng vậy, mười hoặc tám cô-pêch⁽¹⁾ một phút xương. Cả những ngày thường, cứ tan học là tôi đi nhặt, thứ bảy nào tôi bán các thứ linh tinh cũng được chừng ba mươi hoặc năm mươi cô-pêch, có khi gặp may còn được nhiều hơn nữa. Bà tôi cầm lấy số tiền của tôi, vội vàng nhét vào túi váy rồi vừa nhìn xuống đất vừa khen tôi :

– Cám ơn cháu ngoan của bà ! Cả hai bà cháu mà lại không kiếm nổi miếng ăn hay sao ? Có phải là chuyện gì ghê gớm lắm đâu !

Một hôm tôi nhìn trộm thấy bà tôi giữ những đồng năm cô-pêch của tôi trong lòng bàn tay, nhìn những đồng tiền ấy và lặng lẽ khóc, một giọt nước mắt đục ngầu đọng trên cái mũi xôm xộp như đá bọt.

Có một cách kiếm được nhiều tiền hơn đi nhặt giẻ rách, đó là ăn trộm củi và ván trong những kho gỗ ở trên bờ sông Ô-ka hoặc ở Pê-xki – một hòn đảo, nơi người ta thường buôn bán sắt trong những quán gỗ dựng vội trong kì hội chợ. Hội chợ xong người ta dỡ các quán đi, còn cột và ván thì xếp thành từng đống và gần như chúng cứ nằm ở đó – ở Pê-xki – mãi cho đến kì nước lũ mùa xuân. Những tiểu thị dân có nhà mua mỗi tấm ván tốt là mười cô-pêch, một ngày có thể lấy được hai ba tấm. Nhưng chỉ có thể làm ăn được vào những ngày xấu trời, khi bão tuyết hoặc mưa xua đuổi và bắt buộc những người gác đi ẩn náu.

Chúng tôi tập hợp được một bọn rất ăn ý với nhau : thằng Xan-ka Vi-a-khi⁽²⁾ lên mười tuổi, con trai một mẹ ăn mày người Mor-đvin⁽³⁾, một thằng bé rất đáng yêu, tính tình dịu dàng và luôn luôn vui vẻ điềm đạm ; thằng Kô-xtrô-ma không cha không mẹ, tóc lúc nào cũng rối bù, người gầy gơ xương, mắt đen và to (sau này, năm mười ba tuổi nó đã thất cổ tự tử trong trại giam các trẻ em phạm tội, nó bị đưa vào đây

hết và sau những trận mưa đã rửa sạch những con đường lát đá ở khu hội chợ hoang vắng. Ở đây, trong khu hội chợ này, lúc nào cũng có thể nhặt được trong các cống rãnh rất nhiều đinh, mảnh sắt vụn. Chúng tôi thường nhặt được cả tiền đồng và tiền bạc. Nhưng để cho những người gác các dãy quán khỏi đuổi và khỏi tước mất bị của chúng tôi, chúng tôi hoặc phải biểu họ vài đồng kê-pêch, hoặc phải lạy lục họ rất lâu. Nói chung, chúng tôi kiếm được không phải dễ dàng, nhưng chúng tôi sống với nhau rất thân ái, và mặc dầu thỉnh thoảng có cãi nhau tí chút, nhưng tôi nhớ là không hề có một cuộc đánh nhau nào giữa chúng tôi cả.

Người thường đứng ra hòa giải chúng tôi là Vi-a-khi, nó luôn luôn biết nhằm đúng lúc mà nói với chúng tôi những lời đặc biệt đơn giản, làm chúng tôi phải ngạc nhiên và ngỡ ngàng. Chính Vi-a-khi cũng ngạc nhiên khi nói những lời đó. Những ngón ngo ngược của I-a-dơ không làm cho Vi-a-khi bức mình, cũng chẳng làm nó hoảng, nó coi những lối chơi xấu là không nên có và thường đáp lại một cách bình tĩnh và xác đáng.

– Hừ, làm thế để làm gì cơ chứ? – Nó hỏi, và lập tức chúng tôi thấy rõ là đã sai lầm!

Vi-a-khi gọi mẹ nó là "bà Mor-đvin của tao", nhưng cái đó không làm cho chúng tôi buồn cười.

– Hôm qua bà Mor-đvin của tao về nhà lại say bí tỉ, – nó vui vẻ kể, hai con mắt tròn xoe màu vàng sáng long lanh. – Bà ấy đẩy cửa ra, ngồi xuống ngưỡng cửa và cứ hát lải nhải, y như một con gà mái cục tác!

Thằng Sur-ka cái gì cũng muốn biết cặn kẽ, liền hỏi:

– Hát thế nào?

Vi-a-khi đập tay vào đầu gối, và bằng giọng cao vút nó bắt chước hát lại bài hát của mẹ nó:

Có tiếng gõ cạch cạch:

Chàng mục đồng dễ thương

Gõ gậy vào cửa sổ,

Chúng tôi chạy ra đường!

*Đó là chàng Bo-ri-ka,
Chiều chiều thường thổi sáo,
Làm cả làng ngẩn ngơ,
Hết ồn ào, huyền nào.*

Nó biết rất nhiều những bài hát ngắn lời cuốn như vậy và hát những bài đó rất hay.

– Ủ, – nó nói tiếp, – thế là bà ta ngủ luôn ngay ở ngưỡng cửa, làm gió lùa vào phòng lạnh quá, tớ rét run lên, suýt nữa thì chết công, nhưng lời bà ta vào thì không đủ sức. Sáng nay tớ mới bảo mẹ tớ: "Mẹ say gì mà khiếp thế?". Mẹ tớ nói: "Không sao, hãy chịu khó một tí, ta sắp chết rồi!".

Sur-ka nói với thái độ nghiêm trang:

– Bà ấy sắp chết thật đấy, người sưng phù cả lên rồi.

– Mà có thương không? – tôi hỏi.

– Sao lại không? – Vi-a-khi ngạc nhiên đáp lại – Mẹ tao đối với tao rất tốt.

Và mặc dầu tất cả chúng tôi đều biết rằng người đàn bà Mor-đvin ấy đánh đập Vi-a-khi như cơm bữa, nhưng chúng tôi vẫn tin rằng bà ta là người tốt. Thậm chí có hôm không kiếm được tiền, Sur-ka còn đề nghị:

– Nào, chúng ta hãy góp mỗi đứa một kê-pêch để mua rượu cho mẹ Vi-a-khi, kéo mẹ nó lại đánh nó!

Chú giải

(1) *Kô-pêch*: đồng tiền ở Nga, giá trị nhỏ nhất.

(2) *Vi-a-khi*: có nghĩa là "bồ câu rừng".

(3) *Mor-đvin*: tên một dân tộc thiểu số ở Nga.

(4) *Tac-ta*: tên một dân tộc thiểu số ở Nga.

(5) *Bệnh động kinh*: một bệnh có liên quan đến não, người bệnh khi lên cơn thì bất tỉnh, kèm theo là co giật, giãy giụa.

(6) *Vôt-ka*: một loại rượu mạnh ở Nga.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

A-li-ô-sa và những đứa trẻ bụi đời vẫn giữ được tâm hồn trong sạch và những đức tính đáng yêu. Chúng đối xử với nhau bằng tình thương yêu. Mẹ của Vi-a-khi suốt ngày say bí tỉ và đánh nó như cơm bữa. Nhưng Vi-a-khi rất thương bà và những bạn của nó "vẫn tin rằng bà là người tốt". Đó là lòng nhân hậu.

MỤC LỤC

Trang

Phần một

VĂN HỌC VIỆT NAM

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Bài 1.	Khái quát về văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945	Nguyễn Hoành Khung biên soạn	(2 tiết)	3
Bài 2.	Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông	Phan Bội Châu	— (1 tiết)	12
Bài 3.	Đập đá ở Côn Lôn	Phan Châu Trinh	— (1 tiết)	13
Bài 4.	Những trò lố hay là Va-rên và Phan Bội Châu	Nguyễn Ái Quốc	— (2 tiết)	15
Bài 5.	Muốn làm thằng Cuội	Tản Đà	— (1 tiết)	22
Bài 6.	Gánh nước đêm	Trần Tuấn Khải	— (1 tiết)	24
Bài 7.	Sống chết mặc bay	Phạm Duy Tốn	— (2 tiết)	25
Đọc thêm :				
—	Lưu biệt khi xuất dương	Phan Bội Châu	—	32
—	Chiêu hồn nước (Trích)	Phạm Tất Đắc	—	33
—	Nhớ cảnh cầu Hàm Rồng	Tản Đà	—	35
Bài 8.	Nhớ rừng	Thế Lữ	— (2 tiết)	37
Bài 9.	Ông đồ	Vũ Đình Liên	— (1 tiết)	40
Bài 10.	Quê hương	Tế Hanh	— (1 tiết)	43
Đọc thêm :				
—	Sơn Tinh, Thủy Tinh	Nguyễn Nhược Pháp	—	45
—	Nắng mới	Lưu Trọng Lư	—	50
—	Mùa xuân chín	Hàn Mặc Tử	—	52
—	Chợ Tết	Đoàn Văn Cừ	—	53

Bài 11. Gió lạnh đầu mùa	Thạch Lam	-	(2 tiết)	56
Đọc thêm :				
- Tôi đi học	Thanh Tịnh	-		64
Bài 12. Trong lòng mẹ (Trích <i>Những ngày thơ ấu</i>)	Nguyễn Hồng	-	(2 tiết)	68
Bài 13. Ôn tập			(1 tiết)	75

Phần hai

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1. Bố của Xi-mông	G.Mô-pa-xăng	Phùng Văn Tửu	(2 tiết)	76
		biên soạn		
Đọc thêm :				
Bố của Xi-mông (Tiếp)				81
Bài 2. Chiếc lá cuối cùng	O' Hen-ri	-	(2 tiết)	84
Bài 3. Cố hương	Lỗ Tấn	Nguyễn Khắc Phi	(3 tiết)	94
		biên soạn		
Bài 4. Thời thơ ấu (Trích)	Gor-ki	Hoàng Ngọc Hiến	(3 tiết)	108
		biên soạn		
Đọc thêm :				
Thời thơ ấu (Trích)	Gor-ki	-		116

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

1.	Tiếng Việt 8	Tái bản
2.	Văn học 8/1	Tái bản
3.	Văn học 8/2	Tái bản
4.	Tập làm văn 8	Tái bản
5.	Dàn bài tập làm văn 8	Tái bản
6.	Lịch sử 8/1	Tái bản
7.	Lịch sử 8/2	Tái bản
8.	Địa lí 8	Tái bản
9.	Tài liệu Giáo dục công dân 8	Tái bản
10.	Đại số 8	Tái bản
11.	Hình học 8	Tái bản
12.	Sinh học 8	Tái bản
13.	Vật lí 8	Tái bản
14.	Hóa học 8	Tái bản
15.	Kĩ thuật 8 (VKT - GCVL)	Tái bản
16.	Kĩ thuật 8 (CN - NCNN)	Tái bản
17.	Tiếng Pháp 8	Tái bản
18.	English 8	Tái bản
19.	Bài tập Đại số 8	Tái bản
20.	Bài tập Hình học 8	Tái bản
21.	Bài tập Hóa học 8	Tái bản
22.	Bài tập Vật lí 8	Tái bản
23.	Bài tập Tiếng Việt 8	Tái bản
24.	Bài tập English 8	Tái bản
25.	Mĩ thuật 8	Tái bản
26.	Âm nhạc 8	Tái bản

VĂN HỌC 8 - Tập một

Mã số : 2H823T1

In 200.000 bản (ST), khổ 14,3 x 20,3 cm.

Tại Công ty In Nam Định

Số in: 07. Số XB: 1105/213-00

In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 2001

Giá: 3.300 đ



8 934980 002131